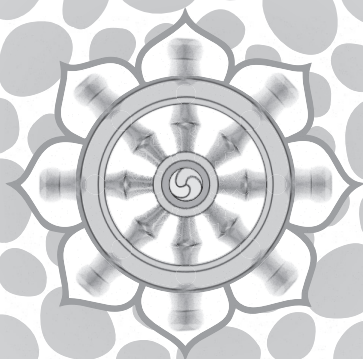


Tỷ kheo NGUYỄN TUỆ



LUÂN HỒI TÁI SINH

CHẤM DỨT LUÂN HỒI TÁI SINH



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LUÂN HỒI TÁI SINH

Luân hồi tái sinh là vấn đề được đề cập đến trong các tín ngưỡng và tôn giáo Đông phương. Đặc biệt, luân hồi tái sinh được đề cập đến như một vấn đề chính yếu trong Phật giáo. Nếu nói một cách chính xác thì Phật giáo khảo sát luân hồi tái sinh nhằm thấy biết như thật khổ do luân hồi tái sinh phát sinh và chấm dứt khổ do chấm dứt luân hồi tái sinh. Chính vì vậy mà trong Phật giáo có một thành ngữ phổ biến “Sinh Tử Sự Đại”. Nhưng từ xưa cho đến nay, khái niệm luân hồi tái sinh được hiểu rất mơ hồ, trừu tượng. Mơ hồ, trừu tượng ở chỗ là cái gì đi tái sinh, cái gì luân chuyển từ người chết này sang một người sống trong kiếp kế tiếp. Theo các tôn giáo tin tưởng có một linh hồn. Sau khi chết, linh hồn được quan niệm theo cấu trúc nguyên một khối sẽ rời bỏ thể xác đang tan rã, nhập vào một thể xác khác, được gọi là đầu thai, là một điều khá dễ hiểu.

Phật giáo phủ nhận linh hồn, đồng thời phủ nhận một Tâm thức theo kiểu nguyên một khối, không sinh không diệt, thì cái gì đi tái sinh là vấn đề nan giải mà các luận giải, chú giải của các tông phái đều không có câu trả lời

rõ ràng hoặc né tránh. Ngay trong Đại Kinh Đoạn Tận Ái thuộc Kinh Trung Bộ, sau khi phủ nhận không có Thức (Tâm thức) đi tái sinh. Vì Thức do duyên khởi, nên Thức có tính sinh diệt, vô thường. Nó không thường hằng, không thường trú, vì vậy không thể có Tâm Thức di chuyển từ thân xác đời này sang một thân xác khác ở đời sau. Nhưng bản kinh cũng không nói rõ cái gì đi đầu thai. Theo bản kinh này: Khi cha mẹ có giao hợp, người mẹ trong thời kỳ có thai và có hương ẩm hiện tiền thì mới xuất hiện bào thai. Như vậy, cái đi đầu thai là hương ẩm. Nhưng hương ẩm là cái gì? Tính chất ra sao? Do cái gì có mặt mà hương ẩm có mặt thì không có một lời giải thích, nên cũng là một khái niệm hết sức mơ hồ, trừu tượng. Sau này một số chủ trương nghiệp đi tái sinh. Nhưng nghiệp là Thân hành, Khẩu hành, Ý hành sinh lên rồi diệt đi. Nó cũng vô thường mà nói nó đi đầu thai thì cũng rất mơ hồ và mang tính Thường kiến. Vậy cái gì đi đầu thai? Cái gì di chuyển từ một người chết vào bào thai? Để có câu trả lời minh bạch phải quan sát sự thật đang xảy ra.

1 Danh và Sắc

Loài người và động vật gồm hai phần: Phần vật chất gọi là Sắc và phần tinh thần gọi là Danh. Đối với loài người, Sắc và Danh còn được chia làm năm nhóm: Sắc - Thọ - Tưởng - Hành - Thức mà tiếng Tàu gọi là năm uẩn. Trong đó Sắc gồm sáu Căn: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý. Danh gồm Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Cụ thể, nhóm Thọ là sáu Cảm giác do sáu căn tiếp xúc sáu trần

phát sinh. Chính là các đối tượng của thực tại. Nhóm Tưởng là sáu Tâm biết trực tiếp giác quan do sáu Căn tiếp xúc sáu Trần phát sinh bao gồm Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiệt thức, Thân thức, Tưởng thức. Nhóm Tưởng có phạm sự nhận biết (hay ghi nhận) sáu đối tượng của thực tại, tức sáu cảm thọ. Nhóm Hành gồm rất nhiều Tâm hành như niệm, tư duy, tham sân si, ham muốn, chú tâm, tinh tấn, lời nói, hành động, khổ, vui... Nhóm Thức là Tâm biết ý thức, hiểu biết đối tượng đó là cái gì, tính chất ra sao. Nhóm Hành và nhóm Thức phát sinh lên được và tính chất của nó như thế nào thì phụ thuộc vào “kho chứa thông tin” đã được học hỏi, tích lũy, kinh nghiệm từ quá khứ.

Trong “kho chứa thông tin” này, lưu giữ các thông tin bao gồm: Các tri thức đã học hỏi, đã kinh nghiệm, đã luyện tập, các tính cách, năng khiếu, ham muốn, xu hướng... của mỗi một người. Trong đó có cả những hiểu biết sai sự thật (gọi là Vô minh), những hiểu biết đúng sự thật (gọi là Minh), những tư tưởng chấp thủ “cái này là của ta, là ta”... Khi lộ trình tâm khởi lên, Niệm và Tư duy thuộc Hành uẩn sẽ tìm kiếm, kích hoạt các thông tin trong kho chứa và sử dụng thông tin đó làm phát sinh tâm biết ý thức (Thức uẩn). Tâm biết ý thức biết về các đối tượng đó là cái gì, tính chất ra sao. Và do tâm biết ý thức mà phát sinh thái độ với đối tượng. Do thái độ như vậy mà phát sinh lời nói, hành động với đối tượng. Do lời nói và hành động mà phát sinh kết quả là khổ hay vui. Thông tin lưu giữ trong kho chứa quyết định sự hiểu biết (Ý thức). Vì vậy nó quyết định lối sống của mỗi loài, mỗi cá thể.

Thông tin này ở mỗi cá thể đều khác nhau, là yếu tố chính để phân biệt tâm thức loài này với loài kia, người này với người kia, Phạm và Thánh. Lượng thông tin này chính là thông tin Pháp trần, là đối tượng tương tác của Ý căn được nói đến trong Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp trần.

Khoa học thông tin cũng bắt chước cấu trúc Danh – Sắc của con người mà chế tạo ra máy tính, cũng bao gồm Danh và Sắc. Máy tính bao gồm phần cứng và phần mềm. Phần cứng là vật chất, là Sắc bao gồm các linh kiện, các vi mạch... Phần mềm là lượng thông tin, là các lập trình được cài đặt trong bộ nhớ, là tinh thần, là Danh.

2 Kho chứa thông tin

Cái kho để lưu giữ các thông tin này nằm ở đâu? Đa phần từ xưa tới nay, đều cho rằng, lượng thông tin Pháp trần này được lưu giữ nơi tâm vì đa phần đều quan niệm tâm theo cấu trúc nguyên một khối. Nhưng sự thật tâm là một phạm trù, bao gồm rất nhiều thứ tâm (chia làm 4 loại gồm: Thọ, Tưởng, Hành, Thức), gọi là các Danh pháp. Nó đang sinh và diệt theo một “lộ trình” tuân theo định lí Duyên khởi, không phải cấu trúc nguyên một khối nên không thể lưu giữ thông tin. Có trường phái đề ra A-lại-da thức (hay Tàng thức) có công năng lưu giữ các chủng tử (hạt giống, thông tin). Như vậy, đương nhiên phải công nhận A-lại-da thức không sinh không diệt. Chủ trương này cũng giống như các tôn giáo Duy Tâm, công

nhận một năng lực tinh thần tuyệt đối, một Thượng đế toàn năng không sinh không diệt. Chủ trương đó trái với định luật duyên khởi, trái với sự thật tâm vô thường, và không thể thuyết minh được: Do cái gì có mặt mà A-lại-da thức có mặt, do cái gì không có mặt mà A-lại-da thức không có mặt.

Lượng thông tin về tâm ý không thể được lưu giữ nơi tâm vì khi ngủ say không mộng寐, ngất đi trong một tai nạn, gây mê sâu khi mổ... không có tâm nào có mặt thì lấy cái tâm nào để lưu giữ thông tin. Thông tin Pháp trần chỉ có thể lưu giữ nơi thân. Vì chỉ có vật chất mới có khả năng lưu giữ thông tin. Lượng thông tin pháp trần chỉ có thể lưu giữ ở một chỗ duy nhất là nơi cấu trúc ADN của các tế bào. Khoa học đã nghiên cứu rất kỹ càng về thông tin di truyền. Khi giải mã bản đồ gen người, khoa học phát hiện lượng thông tin di truyền chỉ có trong khoảng 5% lượng gen, còn 95% lượng gen còn lại chứa đựng cái gì thì hiện khoa học đang bó tay. Chính 95% lượng gen không chứa thông tin di truyền, lại là nơi lưu giữ lượng thông tin về Tâm, gọi là thông tin Pháp trần mà khoa học chưa biết đến.

Bằng chứng của sự thật này là việc ghép tạng trong y khoa đã làm thay đổi tính cách của người nhận tạng theo tính cách của người cho tạng. Trước đây, Jaime Sherman chẳng bao giờ nghĩ có lúc mình sẽ chơi thể thao hoặc ăn món ăn Mexico nhưng sau ca ghép tim, mọi chuyện đã khác hẳn. Cô tham gia đội bóng chày, tập bơi và không

bỏ sót một trận bóng đá nào trên truyền hình. Cô mê mẩn trước những món cay xé lưỡi của đất nước Trung Mỹ. Ngạc nhiên vì sự thay đổi của mình, cô tìm hiểu và được biết, tất cả những thói quen đó là của người đã tặng cho cô trái tim. Anh ấy là vận động viên nghiệp dư của một trường đại học bang Kansas, Mỹ. Một người đàn ông 47 tuổi sau khi ghép tim, đột nhiên say mê các giai điệu cổ điển, đặc biệt là các bản nhạc viết cho đàn violon, mặc dù từ nhỏ ông là người mù về âm nhạc. Thì ra trái tim mới của ông trước đây thuộc về một thiếu nữ yêu nhạc cổ điển và chơi violon. Một người khác, sau khi được ghép tim của một cô gái mắc bệnh biếng ăn bỗng xuất hiện các triệu chứng khó chịu, buồn nôn khi ngửi thấy mùi xào nấu. Một doanh nhân 58 tuổi ở bang Arizona - Mỹ, ông vốn là người say mê công việc và gần như suốt đời chỉ có mối bận tâm duy nhất là tiền bạc. Sau khi được ghép tim của một nhà hoạt động xã hội đã từ bỏ kinh doanh và dành phần lớn thời gian để làm từ thiện... (Tham khảo ghép tạng thay đổi tính cách trên Google).

Khi ghép tạng (thí dụ như thay tim) thì lượng thông tin Pháp trần của người chết được lưu giữ trong ADN của các tế bào tim sẽ được truyền dẫn vào ADN của các tế bào trong thân thể người sống. Và như vậy, trong ADN của người được ghép tạng sẽ có hai lượng thông tin Pháp trần của cả người sống và người chết. Vì vậy, khi lộ trình tâm khởi lên sẽ sử dụng cả hai lượng thông tin trên, nên người được ghép tạng sẽ xuất hiện các tính cách mới. Ví như anh thanh niên được thay tim của một thanh niên khác (bị tai



nạn giao thông) thì khi mắt tiếp xúc với cha mẹ, bạn bè của người sống, nhãn thức chỉ Thấy (hay ghi nhận) hình ảnh mà không biết đối tượng đó là gì. Tiếp đến, thông tin về hình ảnh được nhãn thức thấy sẽ được truyền về kho chứa thông tin trong ADN của tế bào thần kinh não bộ để xử lý và Niệm (trí nhớ) sẽ tìm kiếm các thông tin hình ảnh tương hợp đã được lưu vào kho chứa từ quá khứ. Tiếp đến, Tư duy sẽ phân tích, so sánh, đối chiếu, tổng hợp, kết luận và làm phát sinh tâm biết ý thức, biết đây là cha mẹ, bạn bè của ta...(của người sống) và sẽ có thái độ, cách cư xử của người sống. Nếu mắt thấy cha mẹ, bạn bè người chết thì Niệm và Tư duy sẽ so sánh, đối chiếu với thông tin của người chết và ý thức khởi lên vẫn biết đây là cha mẹ, bạn bè của ta (của người chết) và sẽ có thái độ, cách cư xử của người chết. Ở đây không phải có hai linh hồn hay hai tâm thức cư ngụ trong một cơ thể mà lộ trình tâm sử dụng hai lượng thông tin của người sống và người chết được lưu giữ trong cấu trúc ADN của tế bào.

Vậy thì, trong cấu trúc ADN của các tế bào trong thân thể có hai lượng thông tin, đó là thông tin di truyền và thông tin Pháp trần. Tuy nhiên thông tin di truyền trong mọi tế bào khác nhau đều có phần giống nhau và có phần khác nhau. Nó cũng như thông tin Pháp trần được lưu giữ trong các loại tế bào khác nhau tuy có phần giống nhau nhưng cũng có những phần khác nhau tùy theo chức năng của từng loại tế bào. Ví như thông tin Pháp trần ở tế bào não, tuy có một số giống, nhưng có một số thông tin khác với tế bào tim, gan, thận, tay, chân...

3 Chết và tái sinh thành Hóa sinh

Khi một người chết không phải các Sắc pháp, cũng không có linh hồn, bản ngã hay tâm thức tái sinh mà chính lượng thông tin di truyền và lượng thông tin Pháp trần được lưu giữ trong cấu trúc ADN của tế bào thần kinh não bộ tái sinh. Lúc một người hấp hối và chết thì trong những lộ trình tâm khởi lên có sự khao khát sống, mong muốn sống, bám víu sự sống, sợ chết, hoảng loạn trước cái chết do Niệm (trí nhớ) kích hoạt thông tin hữu ái (Tham ái sự sống, sự hiện hữu) đã được huân tập, lưu giữ trong quá khứ. Các thông tin này “kích động” kho chứa thông tin trong ADN cho đến khi tế bào thần kinh não bộ chết thì một sự “đột biến” xảy ra. Theo thuyết lượng tử, các electron của các tế bào thần kinh não bộ đang ở “mức” năng lượng cao “nhảy” xuống một mức năng lượng thấp hơn sẽ làm phát sinh các “lượng tử”. Đây là dạng vật chất đặc biệt vì tế mang lưỡng tính sóng hạt có khả năng “copy” toàn bộ lượng thông tin, bao gồm thông tin di truyền và thông tin Pháp trần trong tế bào não bộ thoát ra ngoài. Thực thể thoát ra khỏi xác chết không phải là Linh hồn, không phải là tinh thần thuần túy mà nó gồm hai phần: Vật chất và tinh thần, hay Sắc và Danh. Điều này xảy ra giống như khi viết một tin nhắn trên điện thoại và bấm [Ok] thì sẽ phát sinh sóng điện từ (vật chất - Sắc) mang lượng thông tin (Tinh thần- Danh) là tin nhắn đó chuyển đi. Sóng điện từ là Sắc, tin nhắn đó là Danh và cặp Danh Sắc này đến tương tác với một điện thoại khác và Danh (tin nhắn) được tách ra khỏi Sắc (sóng điện từ).

Có thể sau này, khoa học công nghệ sẽ chế tạo được các camera ghi lại sự thoát xác của cặp Danh – Sắc này.

Thực thể thoát ra khỏi xác chết gồm Danh và Sắc có đặc điểm như một chúng sinh nên gọi là Hóa sinh. Hóa sinh đó, do có sự tương tác giữa Danh và Sắc mà thực chất là tương tác giữa các lượng thông tin nên vẫn phát sinh lộ trình tâm. Lộ trình tâm của Hóa sinh tương tự lộ trình tâm thứ 6 (Ý tiếp xúc Pháp trần) của con người với tâm biết Tưởng thức và Ý thức. Điều này tương tự như con người thấy biết trong mộng nhưng những cảnh giới ấy không phải ở bên ngoài mà do các thông tin đã lưu giữ trong kho chứa tương tác với nhau mà phát sinh. Hóa sinh không những biết những cảnh do các thông tin trong kho chứa tương tác mà phát sinh (nói nôm na là cảnh ảo). Tuy không có mắt tai mũi lưỡi thân như con người, không thể thấy, nghe, cảm nhận trực tiếp thực tại. Vì Sắc pháp của nó có lưỡng tính sóng hạt (lượng tử) nên có thể xuyên qua tường vách, cây cối, người vật... Và vì vậy, khi Hóa sinh “xuyên” qua một người thì xảy ra tương tác giữa thông tin của Hóa sinh và thông tin trong kho chứa của người đó. Do tương tác đó, mà phát sinh lộ trình tâm và Hóa sinh sẽ thấy biết thực tại thông qua thấy biết thực tại của người đó. Đây là khả năng tha tâm thông, biết được tâm người khác. Nhưng Hóa sinh thấy biết về thực tại thông qua mắt tai mũi lưỡi thân của người khác cũng chỉ là “cảnh ảo”. Với Thấy và Biết các cảnh ảo như vậy, đời sống của Hóa sinh vẫn thích ghét, vui buồn, hờn giận, hạnh phúc, khổ đau, vẫn khao khát ăn uống, tình dục,

hưởng thụ lạc thú nhưng không thể nào được thỏa mãn, cho dù là chút xíu. Vì tất cả đều là “cảnh ảo”.

Các Hóa sinh tồn tại trong không gian này với loài người và có sự tương tác với con người với vô vàn mức độ khác nhau. Các Hóa sinh có thể chia làm ba loại: Loại thứ nhất là vui nhiều hơn, khổ ít hơn do khi còn là con người đã tạo tác vô số thiện nghiệp. Các tôn giáo quan niệm đó là Chư thiên. Loại thứ hai là đau khổ kinh hoàng, khủng khiếp do khi còn là con người đã tiếp thu tà kiến và tạo tác vô số ác nghiệp khốc liệt. Loại này các tôn giáo quan niệm đó là Địa ngục. Loại thứ ba là các Hóa sinh còn lại, rất đa dạng về chủng loại và phức tạp về năng lực và tính cách. Tuy Hóa sinh cũng có một số niềm vui, hạnh phúc nho nhỏ nhưng khổ đau vẫn là phần chính, và đó là nỗi thống khổ mà đời sống loài người khó hình dung nổi. Loại này tôn giáo quan niệm là A-Tu-la, Ngạ quỷ (Phi nhân), Vong linh, Người cõi âm... Sự tồn tại của các Hóa sinh này dài bao lâu, tùy thuộc vào các nghiệp lực đã tạo tác khi còn là con người, có thể một hai giờ, một hai ngày cho đến hàng ngàn vạn năm. Hóa sinh tồn tại cho đến khi sự tương tác các thông tin làm cho nghiệp lực tạo tác trong đời “cạn kiệt”. Lúc đó Hóa sinh sẽ tương tác được với trứng và tinh trùng đã kết hợp. Hóa sinh chết tại đây và phát sinh một bào thai mới.

4 Hoá sinh tái sinh thành trứng sinh hoặc thai sinh

Khi nghiệp lực tạo tác trong quá khứ của kiếp người đã cạn kiệt theo vận hành của đời sống Hóa sinh, thì Hoá



sinh đó tương tác được với “trứng và tinh trùng” đã kết hợp. Đương nhiên, tương tác chỉ xảy ra khi có sự “tương hợp” giữa lượng thông tin của Hóa sinh và lượng thông tin của cha mẹ (thông qua trứng và tinh trùng). Ví dụ như: hai điện thoại có hai số sim khác nhau gọi cho nhau. Khi đó sẽ có sự tương hợp giữa hai loại thông tin này thông qua mạng viễn thông và tín hiệu từ máy một sẽ duy nhất tới máy hai cho dù hai máy đặt cạnh nhau hay cách nhau nửa vòng quả đất. Tín hiệu sẽ không đến với một máy thứ ba nào hết. Tương tự như vậy, khi có tương tác giữa Hóa sinh và Hợp thể (trứng đã kết hợp với tinh trùng), cả hai cùng diệt đi và phát sinh một Bào thai. Bào thai gồm hai phần: Danh và Sắc.

– Danh bao gồm: Thông tin di truyền của bố và mẹ, thông tin di truyền của người chết (Hóa sinh) và thông tin pháp trần của người chết (Hóa sinh).

– Sắc là phần vật chất của trứng và tinh trùng.

Bào thai này lại tương tác với dưỡng chất từ cơ thể người mẹ mà phân chia và phát triển thành các loại tế bào khác nhau. Quá trình phân chia và phát triển này chịu sự chi phối của bốn loại thông tin trên. Vì vậy khi được sinh ra cơ thể không chỉ tiếp thu thông tin di truyền từ bố mẹ mà còn từ người đã chết ở kiếp trước. Nên những đứa trẻ có thể giống cha hoặc mẹ hoặc khác hẳn cha mẹ (giống người ở tiền kiếp). Vì vậy, những đứa trẻ sinh ra cùng cha mẹ nhưng khác hẳn nhau, hoặc có những căn bệnh bẩm sinh không phải di truyền từ cha mẹ, từ dòng họ mà di

truyền từ kiếp trước... Mỗi đứa trẻ sinh ra tâm tính đã khác hẳn nhau vì trong ADN của nó, trong kho chứa thông tin đã có thông tin pháp trần của tiền kiếp. Trong quá trình phát triển của bào thai, có những “đột biến gen” nên một số thông tin “trôi lên” làm cho nhiều đứa trẻ thần đồng nhớ lại ngay từ nhỏ những năng khiếu ở kiếp trước của mình. Rất nhiều người do những “tai nạn” đặc biệt làm “đột biến gen” nên nhớ được nhiều chi tiết về tiền kiếp.

Tóm lại: Luân hồi tái sinh phải được hiểu là một chúng sinh gồm Danh và Sắc. Khi một Danh - Sắc này diệt đi, sẽ làm phát sinh một Danh - Sắc kế tiếp. Cụ thể là Danh - Sắc người hoặc thú diệt đi phát sinh Danh - Sắc của Hóa sinh. Danh - Sắc Hóa sinh diệt lại phát sinh Danh - Sắc người hoặc thú. Quá trình cứ diễn tiến như thế mãi nếu còn Vô minh và Hữu ái. Đây gọi là Luân hồi tái sinh. Danh - Sắc cũ diệt là nhân duyên cho Danh - Sắc mới phát sinh nên quan hệ giữa Danh - Sắc cũ và Danh - Sắc mới là quan hệ nhân quả: nhân diệt quả sinh. Cái đi luân hồi tái sinh, cái chuyển từ Danh - Sắc cũ sang Danh - Sắc mới, cái chuyển từ kiếp sống cũ sang kiếp sống mới chính là lượng thông tin di truyền và lượng thông tin Pháp trần chứ không phải một linh hồn, một bản ngã, một tâm thức không sinh không diệt. Bản thân hai lượng thông tin này cũng đang tương tác, đang sinh diệt, có tăng có giảm trong từng giây phút chứ không phải một khối lượng cố định, không thay đổi với thời gian. Nhưng có một loại thông tin được truyền từ kiếp sống này qua kiếp sống khác, miên viễn như vậy trong luân hồi tái sinh là hiểu



biết sai sự thật thực tại (gọi là Vô minh) và tư tưởng chấp thủ “cái này là của ta, là ta”. Chính hiểu biết sai lạc, mê lầm, vô minh này làm phát sinh Hữu ái và Phi Hữu ái là nguyên nhân của luân hồi tái sinh, là nguyên nhân phát sinh khổ của Sinh - Già - Bệnh - Chết.

Khi một người đã thành tựu trí tuệ, đã xoá bỏ thông tin Vô minh, thông tin “ta và của ta” trong kho chứa thông tin nơi ADN của các tế bào thì khi Danh - Sắc này diệt, không còn phát sinh một Danh - Sắc nào khác nữa. Đó là chấm dứt luân hồi tái sinh, là Niết bàn vô dư, là Vô thượng an ổn thoát khỏi mọi khổ ách, là Nhập diệt.

Câu hỏi 1: *Luân hồi tái sinh là sự thật hay chỉ là sự “tin tưởng” của các tôn giáo trong đó có Phật giáo?*

Trả lời: Luân hồi tái sinh là một sự thật và sự việc có thật này đang xảy ra trong cuộc sống hàng ngày nhưng chỉ có một số ít người chứng kiến sự thật này. Đương nhiên những người đó sẽ khẳng định luân hồi tái sinh là một sự kiện có thật. Đa phần không chứng kiến sự việc mà nghe qua kinh điển, qua các truyền thuyết và được giải thích hết sức mơ hồ trừu tượng hoặc dựa trên quan điểm Duy vật nên họ phủ nhận sự việc có thực này.

Ngày nay có rất nhiều nhà khoa học tuy mang quan điểm Duy vật nhưng đã làm việc nghiêm túc, kiểm tra, kiểm chứng sự thật, đã mô tả vô số trường hợp nhớ được những đồ vật, những sự việc... mà họ đã trải qua trong tiền kiếp trước đó của họ. Ở Việt Nam tại các huyện miền núi tỉnh Hoà Bình có rất nhiều đứa trẻ con của gia đình

này chết đi lại tái sinh vào một gia đình khác. Người ta đã kiểm tra, kiểm chứng được một cách chính xác những chi tiết mà đứa trẻ tái sinh mô tả về địa điểm căn nhà, đồ đạc, cha mẹ, quan hệ... của đứa trẻ tiền kiếp.

Câu hỏi 2: *Tại sao khi một người chết thì thân thể họ lạnh ngắt, thân nhiệt lúc đó thấp hơn hẳn nhiệt độ không khí, nhiệt độ môi trường? Nếu theo quy luật vật lý về cân bằng nhiệt thì thân nhiệt người chết phải bằng nhiệt độ môi trường. Vậy có bí mật gì ở đây không?*

Trả lời: Nếu khi chết mà chỉ có linh hồn hay tâm thức thoát ra khỏi thân thể như các tôn giáo tin tưởng (Tinh thần hay Danh) thì nhiệt độ cơ thể và nhiệt độ môi trường phải cân bằng nhau theo tính chất cân bằng nhiệt. Nhưng khi chết không những có lượng thông tin di truyền và thông tin Pháp trần (Danh) mà còn có lượng vật chất lượng tử (Sắc có lưỡng tính sóng hạt) thoát ra khỏi xác chết. Lúc chết các electron nơi tế bào não bộ đang ở “mức năng lượng” cao chuyển xuống “mức năng lượng” thấp sẽ phát sinh một lượng tử (photon) theo quy luật của cơ học lượng tử. Đương nhiên để vật chất thô của thân thể “biến đổi” thành vật chất lượng tử vi tế thì phải cần một lượng nhiệt cực lớn lấy nơi thân thể nên lúc đó thân thể sẽ lạnh xuống. Ví như khi mở khoá một bình ga thì lượng vật chất ở dạng nước “biến đổi” thành dạng hơi thì phải lấy đi một lượng nhiệt của bình ga làm cho bình ga lạnh xuống, đổ mồ hôi. Như vậy cái thoát ra khỏi thân thể khi chết không phải duy nhất là Tinh thần (Danh), không phải là Linh hồn hay Thần thức (tâm thức không

sinh không diệt) mà gồm 2 phần: Vật chất và Tinh thần hay Sắc và Danh.

Câu hỏi 3: *Nhân bản vô tính động vật có liên quan gì với luân hồi tái sinh không?*

Trả lời: Nhân bản vô tính động vật là một công nghệ sinh học có thể thành công với bất kỳ động vật hay thực vật nào. Nguyên lí là sử dụng tế bào gốc. Thí dụ đối với con người thì trong tế bào gốc đã có hai loại thông tin: Thông tin di truyền và thông tin Pháp trần. Nhân bản vô tính con người cũng giống như nhân bản vô tính một con cừu hay một con lợn. Nghĩa là lấy tế bào gốc của người đó rồi cho vào một cái trứng đã lấy hết nhân ra (chỉ sử dụng cái vỏ trứng) và cấy cái phôi đó (tế bào gốc đặt trong một vỏ trứng) vào tử cung người đàn bà. Dưỡng chất do cơ thể người đàn bà tiết ra sẽ tương tác với phôi và sẽ phát sinh sự phát triển của phôi. Lúc đó, từ tế bào gốc với sự chi phối của thông tin di truyền và thông tin pháp trần sẽ phân chia thành các tế bào tim, gan, thận, phổi... Sau hơn 9 tháng phôi sẽ phát triển và đưa bé được sinh ra. Nó là một bản sao, giống hệt con người bản chính kể cả thân thể và mọi hiểu biết, đặc điểm, tính cách thuộc về tâm. Một bản sao ra đời chỉ trên yếu tố tế bào gốc mà không cần một thức tái sinh từ kiếp quá khứ bởi trong nhân bản vô tính không cần sự “di chuyển” thông tin di truyền và thông tin pháp trần. Đây cũng có thể gọi là một hình thức luân hồi tái sinh và có thể nói mọi loài thực vật cũng luân hồi tái sinh tương tự như vậy.

THỨC TÁI SINH LÀ HÓA SINH

Khi tế bào não chết, tại cấu trúc ADN của tế bào thân kinh não bộ sẽ xảy ra “đột biến”. Sự đột biến này sẽ làm phát sinh một loại vật chất vi tế đặc biệt mang lưỡng tính sóng hạt (lượng tử) có khả năng mang tải lượng “thông tin Pháp trần và thông tin di truyền” của người chết thoát ra. Đó là Thức tái sinh thoát ra.

1 Đặc tính của thức tái sinh

Thức tái sinh không phải là Tâm thuần túy, mà nó gồm hai phần Vật chất (Sắc) và Thông tin (Danh). Nghĩa là có cả hai phần Danh và Sắc. Vì vậy, trong Thức tái sinh vẫn xảy ra sự tương tác giữa các lượng thông tin tương tự như tương tác xảy ra bên trong tế bào thân kinh não bộ giữa Ý căn và Pháp trần. Nên nó vẫn có các lộ trình tâm, vẫn có các tâm biết tương tự như Tưởng thức và Ý thức, gọi là Thức tái sinh. Vì thế “người chết” (ý nói thức tái sinh) vẫn “thấy biết”, vẫn chấp thủ vào thấy biết đó. Thức tái sinh chính là một Hóa sinh. Đối với con người có sáu lộ trình tâm khi sáu Căn tiếp xúc sáu Trần. Mỗi một lộ



trình tâm đều có hai loại tâm biết: Một là Tâm biết trực tiếp giác quan nhận biết đối tượng, còn được gọi là nhận thức cảm tính. Hai là Tâm biết ý thức, hiểu biết về đối tượng còn được gọi là nhận thức lý tính. Cụ thể là Mắt với Sắc trần thì có Nhãn thức thấy hình ảnh và Ý thức hiểu biết về hình ảnh được thấy. Tai với Âm thanh thì có Nhĩ thức và Ý thức. Mũi với Hương thì có Tỉ thức và Ý thức. Lưỡi với Vị trần thì có Thiệt thức và Ý thức. Thân với Xúc trần thì có Thân thức và Ý thức. Ý với Pháp trần thì có Tưởng thức và Ý thức. Đối với Lộ trình Ý tiếp xúc Pháp trần xảy ra với các thông tin pháp trần trong kho chứa, thì Tưởng thức và Ý thức thấy biết những gì do lượng thông tin trong kho chứa tương tác mà phát sinh ra. Khi con người thức tỉnh, sáu loại lộ trình tâm đan xen với nhau, và phân biệt được rõ ràng lộ trình Ý với Pháp xảy ra nơi nội tâm chứ không phải bên ngoài. Nhưng khi nằm lộ trình bên ngoài không có mặt thì con người vẫn tưởng lầm những gì đang xảy ra là ngoại cảnh.

Có thể hình dung thấy biết trong lộ trình tâm này qua thí dụ về thấy biết khi mơ ngủ. Khi mơ ngủ, nằm lộ trình tâm bên ngoài không khởi lên nên không thấy biết những gì bên ngoài đang xảy ra. Vì mắt tai mũi lưỡi thân không hoạt động. Lúc này các tế bào thần kinh não bộ chỉ “lơ mơ” nên Ý tiếp xúc với Pháp trần phát sinh “cảnh vật” và thấy biết “cảnh vật” đó. Những cảnh vật khi mơ đó không phải là cảnh vật thật đang xảy ra bên ngoài, mà do lượng thông tin trong kho chứa “biến hiện ra”. Nhưng người đó vẫn tưởng là cảnh vật thật bên ngoài, vẫn thích, vẫn ghét,

vẫn sợ hãi, vẫn lo lắng, vẫn hạnh phúc, khổ đau trong mơ. Đối với Hóa sinh, lộ trình tâm giống như lộ trình tâm trong mơ. Hóa sinh luôn tưởng lầm là những cảnh vật thật bên ngoài hoặc một thế giới tâm linh như khi còn sống đã nghe nói đến.

Ngoài lộ trình tâm do loại vật chất lượng tử vi tế tiếp xúc với lượng thông tin về tâm tương tự như Ý tiếp xúc với Pháp trần khi còn sống, Hóa sinh còn có một khả năng đặc biệt. Đó là Tha tâm thông, khả năng đọc được tâm người khác. Vì loại vật chất đặc biệt vi tế mang lưỡng tính sóng hạt, có thể xuyên qua các vật thể, xuyên qua cơ thể con người, nên Hóa sinh có khả năng “xâm nhập” kho chứa thông tin người khác, tương tác với lượng thông tin đó làm phát sinh các “cảnh vật” và Tưởng thức cùng Ý thức thấy biết các “cảnh vật” đó. Lúc đó, nếu người bị xâm nhập thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức gì về đối tượng thì Hóa sinh cũng thấy y hệt như vậy nhưng là “cảnh ảo” chứ không phải là cảnh thực. Không những có khả năng đọc tâm người khác mà Hóa sinh cũng giao tiếp với các Hóa sinh khác bằng cách tương tự như vậy. Một số Hóa sinh có những năng lực mạnh hơn, khi thâm nhập như vậy có thể tác ý và tương tác được với các thông tin trong các lập trình và làm phát sinh lời nói, hành động của người bị thâm nhập theo tác ý của Hóa sinh.

2 Phân loại Hóa sinh

Tuỳ theo Nghiệp lực khi còn sống, tức lượng thông tin “Thân hành, Khẩu hành, Ý hành” trong kho chứa mà



các Hóa sinh sẽ có năng lực, tính chất và thời gian tồn tại khác nhau. Có thể phân chia các Hóa sinh thành ba loại chính:

2.1. Loại Hóa sinh thứ nhất: Hóa sinh của những người đã tạo tác rất nhiều nghiệp ác cường liệt hoặc những tà kiến mãnh liệt: Quá trình hấp hối và chết xảy ra theo hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất: người chết vẫn thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức được những gì đang xảy ra bởi sáu loại tế bào thần kinh vẫn hoạt động. Lúc đó vẫn xảy ra sự tiếp xúc giữa sáu Căn và sáu Trần.

Giai đoạn thứ hai là khi năm loại tế bào thần kinh ngưng hoạt động chỉ còn tế bào thần kinh não bộ hoạt động nên không thấy biết gì về bên ngoài mà chỉ có một lộ trình tâm Ý tiếp xúc với Pháp trần (tức lượng thông tin lưu giữ trong ADN của tế bào thần kinh não bộ) và chỉ thấy biết cảnh vật do lượng thông tin ấy biến hiện ra. Khác với giấc mơ, người sắp chết lại rất tỉnh táo, và chỉ có một lộ trình tâm duy nhất nên những “cảnh vật” hiện ra rất sống động, nhưng người sắp chết hiểu lầm đây là những cảnh giới thật đang hiện ra, những cảnh giới tâm linh nào đó. Vì vậy, bao trùm lên là nỗi sợ chết kinh hoàng. Đối với những người đã tạo tác nhiều nghiệp ác cường liệt hay tin tưởng vào những tà kiến, vào những thể giới tâm linh, thiên đường địa ngục, âm phủ, Diêm vương, ma quỷ, trừng phạt... thì những Nghiệp đó, những thông tin đã được lưu giữ đó “hoá hiện” rất nhiều cảnh giới khủng khiếp, đáng sợ, đe dọa, xua đuổi, tấn công họ. Hoảng loạn và kinh hoàng, họ không thể nào

chạy trốn khỏi những hình thù, những nhân vật quái đản đang tấn công họ. Cho đến khi hơi thở ra cuối cùng chấm dứt, cảnh giới ấy vẫn còn diễn ra cho đến khi tế bào não chết. Lúc đó đột biến xảy ra làm phát sinh Thức tái sinh (tức một Hóa sinh) xuất hiện. Lộ trình tâm của Hóa sinh lại diễn tiến tương tự như trong thời gian hấp hối, diễn tiến với một sự tiếp nối. Hóa sinh thấy biết và tin rằng mình đang tồn tại, đang bị rơi vào cảnh giới kinh hoàng, khủng khiếp, với nỗi thống khổ vô cùng tận mà không biết rằng những cảnh giới đó là “cảnh ảo” do chính các ác nghiệp và tà kiến đã được tích tập trong kho chứa của đời sống trước đây hoá hiện ra. Đối với hạng người này chỉ có duy nhất một cảnh giới như vậy. Vì tuy vẫn có khả năng tha tâm thông, có thể thâm nhập tâm người sống để thấy biết các “cảnh ảo” khác, nhưng vì cảnh giới này quá mãnh liệt, nên tha tâm thông không xảy ra. Diễn tiến như vậy cứ tiếp diễn theo thời gian cho đến khi nào ác nghiệp và tà kiến cạn kiệt. Tức lượng thông tin ác nghiệp, tà kiến tiêu mòn hết trong thời gian tương tác, thì Hóa sinh mới tương tác được với một hợp tử trứng và tinh trùng tương hợp. Và do vậy kết thúc khoảng thời gian tồn tại của Hóa sinh, lượng thông tin còn lại tiếp tục vào Trứng (sinh) hoặc Thai (sinh), tiếp tục một chu kỳ mới. Sự tồn tại một loại Hóa sinh như vậy được hiểu là cảnh giới Địa ngục. Sự tồn tại, hay tuổi thọ của Hóa sinh là bao nhiêu tháng, bao nhiêu năm, hay bao nhiêu trăm năm, ngàn năm tùy thuộc vào tà kiến và nghiệp ác đã tạo tác trong đời sống trước đó.

2.2. Loại Hóa sinh thứ hai: Hóa sinh của những người có đời sống chí thiện, thương yêu và giúp đỡ đồng loại: Đối với hạng người này, trong thời gian hấp hối và tiếp nối là Hóa sinh do các thông tin về thiện nghiệp và hoan hỷ trong các thiện nghiệp nên cảnh giới xuất hiện là những gì đẹp đẽ, an bình và hạnh phúc. Giống như trong một giấc mơ đẹp, hạnh phúc, con người vẫn cảm nhận vui sướng, hạnh phúc trong giấc mơ. Thậm chí hạnh phúc trong mơ thường được phóng chiếu lên gấp nhiều lần so với cảnh thực ngoài đời. Tương tự như vậy Hóa sinh tận hưởng niềm vui sướng, hạnh phúc trong các cảnh ảo ấy. Tuy vậy nhưng Hóa sinh vẫn còn tham ái đối với ăn uống, xúc chạm, sở hữu nên khi thấy nghe, cảm nhận các “đối tượng ảo” mà không ăn uống, xúc chạm, sở hữu được thì cũng đau khổ vô cùng. Diễn tiến như vậy kéo dài, kéo dài cho đến khi thiện nghiệp ấy cạn kiệt, tức lượng thông tin thiện nghiệp do tương tác mà tiêu mòn hết. Lúc đó Hóa sinh mới tương tác với một hợp tử trứng và tinh trùng và chấm dứt tồn tại. Lượng thông tin còn lại vào bào thai, tiếp tục một chu kỳ mới. Cảnh giới này được hiểu là Chư Thiên. Thời gian tồn tại hay tuổi thọ của Hóa sinh Chư Thiên là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, hay bao nhiêu ngàn năm tùy thuộc vào thiện nghiệp đã tạo tác trong đời.

2.3. Loại Hóa sinh thứ ba: Ngoài hai loại Hóa sinh với nghiệp quá khứ cực ác hoặc cực thiện, số còn lại được xếp vào loại thứ ba này. Đối với Hóa sinh loại thứ ba này có hai loại cảnh giới được thấy biết: một là cảnh giới phát

sinh trong lộ trình tâm của Hóa sinh, hai là cảnh giới nhờ tha tâm thông mà thấy biết qua tâm của chúng sinh khác. Cả hai loại cảnh giới được thấy biết này đều là “cảnh ảo”.

Đối với cảnh ảo của Hóa sinh cũng có cảnh đưa đến vui sướng, hạnh phúc, nhưng cũng có những cảnh đưa đến buồn đau, lo lắng sợ hãi, có những cảnh thân quen đã từng trải qua, cũng có những cảnh xa lạ, khó hiểu, ngỡ ngàng... Tất cả xuất hiện một cách vô lối, lan man, không tuân theo một chủ đích nào, giống như trong mơ. Các cảnh giới xuất hiện như vậy đều do các nghiệp thiện ác, do tà kiến và chánh kiến đã tạo tác trong quá khứ mà hoá hiện ra.

Khi Hóa sinh tương tác được với “kho chứa thông tin” của một người nào đó, thì người đó thấy, nghe, cảm nhận, hiểu biết về đối tượng như thế nào thì lượng thông tin về đối tượng có ngay trong kho chứa. Hóa sinh cũng thấy biết đối tượng như vậy nhờ lượng thông tin đó. Không chỉ một người mà Hóa sinh xâm nhập kho chứa rất nhiều người và không điều khiển được, nên cảnh hiện ra cũng không có một trật tự nào mà hoàn toàn vô lối, và bị trôi dạt từ cảnh ảo này sang cảnh ảo khác. Do vậy nên Hóa sinh rất muốn trở về nhà, nhưng rất kinh hoàng khủng khiếp, hoảng loạn giống như một người lạc giữa rừng sâu không tìm thấy đường ra. Đôi lúc Hóa sinh thâm nhập được kho chứa là người thân và trở về nhà nhưng lại hoàn toàn thất vọng, tức giận vì không ai nhận ra sự có mặt của mình. Hóa sinh có thể chứng kiến đám tang, những thức



ăn cúng giỗ cho mình, chứng kiến mọi sự đang xảy ra. Như đã từng trước đây, như trong một giấc mơ, Hóa sinh vẫn còn cào muốn ăn khi thấy món ăn thích thú hàng ngày, vẫn thèm muốn tình dục... vẫn nghĩ là một con người cần phải hưởng thụ như đã sống nhưng bây giờ tất cả là cảnh ảo không thể chạm vào nó được, không thể nào sử dụng được. Mọi tài sản của Hóa sinh giờ đây đã thuộc quyền người khác. Nó cố gắng chạm vào để sử dụng, để giành lại nhưng không chạm vào được. Hãy hình dung ra nỗi khổ đau, tuyệt vọng đến nhường nào. Thử hình dung một người đã từng yêu vợ thiết tha, nay Hóa sinh đó chứng kiến cô vợ đang giao cấu với người đàn ông khác với tình yêu say nồng, mà hoàn toàn bất lực, không thể phản ứng, không thể dùng một cây gậy để thỏa mãn phần nộ như khi còn sống. Tha tâm thông làm cho Hóa sinh có khả năng thấy biết những gì đang xảy ra nhưng cũng làm cho Hóa sinh đau khổ khi biết được tâm địa người khác, những người thân, bạn bè không thật lòng, phản bội, âm mưu hãm hại hoặc đang giành giật tài sản của mình.

Các Hóa sinh có thể thâm nhập kho chứa lẫn nhau nên có thể giao tiếp với nhau theo cách thức tha tâm thông. Các Hóa sinh cũng có thể thân thiết hoặc dữ dội, xung đột với nhau, đe dọa nhau. Một số Hóa sinh có nghiệp liên quan đặc biệt với chúng sinh khác, không những thâm nhập được kho chứa thông tin mà còn có thể tác ý, tương tác với các lập trình thông tin về lời nói, hành động làm cho chúng sinh đó nói lên, hay hành động theo điều khiển của Hóa sinh. Các Hóa sinh đó làm vậy với

mục đích tìm kiếm một nơi trú ẩn an toàn, để thoả mãn nhu cầu và ham muốn mà Hóa sinh không làm được.

Sự tồn tại của Hóa sinh như vậy là tồn tại trong thống khổ. Sự thống khổ của Hóa sinh lớn hơn tất cả nỗi thống khổ của Thế gian cộng lại. Đó là do nhu cầu và ham muốn cần được thoả mãn vẫn như cuộc sống trước đây nhưng Hóa sinh không hề được thoả mãn một chút nào dù là nhỏ nhất. Nỗi thống khổ này là kết quả của nguyên nhân đã tạo tác là khát ái tìm cầu, nắm giữ niềm vui, hạnh phúc, lạc thú (dục lạc) mà quá khứ đã vun bồi. Hãy biết rằng, một người càng thành đạt, càng giàu có, càng nổi tiếng, càng nhiều uy quyền khi còn sống thì sự ràng buộc vào khối sở hữu ấy càng lớn lao thì khi chết Hóa sinh của họ càng nhiều thống khổ bấy nhiêu. Bởi họ không thể nào làm chủ, không thể nào sở hữu cái mà họ đã làm chủ, đã sở hữu trước đây.

Hóa sinh thuộc loại thứ ba này rất đa dạng, phức tạp với rất nhiều năng lực khác nhau, rất nhiều chủng loại khác nhau. Nó có sự tương tác với nhau và tương tác với các chúng sinh khác đang còn sống và cùng hiện hữu trong một không gian này chứ không phải tồn tại một thế giới tâm linh siêu hình nào khác. Sự tồn tại của Hóa sinh có thể vài ba phút, vài ba ngày, hay vài năm, vài trăm năm... không nhất định, mà tùy thuộc vào nghiệp đã tạo tác trong quá khứ. Hóa sinh tồn tại cho đến khi nghiệp đã tạo tác ấy cạn kiệt, lượng thông tin ấy bị tiêu mòn do tương tác, thì Hóa sinh chấm dứt, lượng thông tin còn lại, nghiệp còn lại, lại vào thai hoặc trứng tiếp tục một chu kỳ mới.



TƯƠNG TÁC GIỮA HÓA SINH VÀ CON NGƯỜI

Hóa sinh và con người cùng tồn tại trong một không gian. Sắc pháp (thân) của Hóa sinh mang lưỡng tính sóng hạt (lượng tử) nên nó giống như sóng điện từ có thể xuyên qua cây cối, nhà cửa, tường vách, thân thể con người. Và khi nó xuyên qua thân thể con người thì Hóa sinh sẽ tương tác với lượng thông tin trong ADN của con người làm phát sinh lộ trình tâm. Hóa sinh sẽ biết thực tại qua kho chứa thông tin của người đó. Các Hóa sinh cũng tương tác với nhau tương tự như vậy.

1 Sự tương tác của Hóa sinh với con người có nhiều mức độ khác nhau

1.1. Biết qua tâm người tương tác: Thấy nghe các sự việc đang xảy ra qua tâm người tương tác là tương tác phổ biến nhất. Hóa sinh có thể tương tác với bất kỳ người nào mà nó bắt gặp.

1.2. Cài đặt thông tin: Hóa sinh cài đặt thông tin của nó vào kho chứa thông tin của người mà nó tương tác.

Lúc đó lộ trình tâm người đó khởi lên sẽ sử dụng hai lượng thông tin giống như những người được thay tim, ghép tạng. Hiện tượng này xảy ra với những trường hợp như báo mộng, ngoại cảm, gọi hồn, hiện tượng “duyên âm”, những thanh niên rất trẻ yêu và lấy các bà già khom (do Hóa sinh yêu họ cài đặt thông tin vào kho chứa của thanh niên), một số phát minh khoa học, một số chính trị gia, một số nhà kinh doanh thành đạt một cách vượt bậc so với khả năng của họ. Một số người tu cũng bị các Hóa sinh cài đặt các tà kiến và kinh nghiệm tu hành của Hóa sinh mà xưng rằng đã chứng thánh này thánh nọ.

1.3. Tương tác thông tin: Tương tác thông tin của Hóa sinh và con người cũng có thể phát sinh những kết quả. Đặc biệt như chữa được một số bệnh do Hóa sinh vốn làm nghề y, giữ cho một số xác chết không hề thối rữa, y nguyên như vừa mới chết trong nhiều năm liền. Hóa sinh có thể giữ cho một người không ăn uống nhiều ngày, nhiều tháng nhưng vẫn khỏe mạnh, làm cho đạt được và an trú trạng thái định trong nhiều ngày. Hoặc Hóa sinh có thể làm chết người một cách bí hiểm... Những tương tác này đều xảy ra trong cấu trúc ADN của tế bào, nơi lưu giữ các loại thông tin.

1.4. Tương tác nguy hiểm: Là tương tác ở mức độ Hóa sinh tác ý “điều khiển” được người đó nói lên hay hành động theo tác ý của Hóa sinh. Ở mức độ này người bị tương tác không còn cảm giác trên thân do tế bào thần kinh xúc giác bị “tê liệt”. Người đó do tác ý của



Hóa sinh mà tự cắt tay chân, đâm các vật nhọn vào mình, đi trên than đỏ mà không còn đau đớn... Hóa sinh dễ dàng điều khiển các con vật như chó, lợn, bò, rắn... Các hiện tượng đuổi ma, bắt ma... là do các Hóa sinh tương tác với nhau, giống như người mạnh đe dọa đánh đuổi được người yếu trong cuộc đời này.

2 Kết quả của các tương tác

Kết quả của các tương tác không phải duy nhất là có hại cho người bị tương tác mà nó cũng giống như mọi tương tác trong cuộc đời này đều đưa đến một trong ba trường hợp: Một là tốt giúp cho cuộc đời người đó có những thành công tốt đẹp kể cả học đạo và tu đạo. Hai là đưa đến những kết quả xấu kể cả học đạo và tu đạo. Ba là kết quả không tốt cũng không xấu, vô hại.

Sự tương tác giữa Hóa sinh và con người ở các mức độ khác nhau có xảy ra được hay không tùy thuộc vào Duyên. Nghĩa là tùy thuộc vào lượng thông tin của Hóa sinh và người đó có “tương hợp” với nhau thì mới Duyên nhau, mới tương tác với nhau chứ không phải Hoá sinh tương tác được với bất kỳ người nào. Ví như trăng là một nhân tố đứng giữa trời và nó chỉ tương tác được với mặt nước. Cho dù là mặt nước hồ rộng mênh mông hay một giọt sương trên đầu ngọn cỏ và kết quả là có bóng trăng trong nước, nhưng các thứ còn lại như cây cối vườn tược, nhà cửa... không tương hợp. Nó không duyên nhau nên không xuất hiện bóng trăng trong các thứ đó.

3 Một số hiện tượng tương tác

3.1. Hiện tượng cận tử: Đây là hiện tượng được rất nhiều người nghiên cứu và tranh cãi. Những người theo chủ trương Duy vật đã phủ nhận hiện tượng này hoặc đưa ra những giải thích hoàn toàn chủ quan không liên quan tới các sự kiện của hiện tượng, không thuyết phục được người đọc. Một số khác, qua hiện tượng này lại đề cao niềm tin có tồn tại một linh hồn, một thế giới tâm linh, một tâm thức không sinh không diệt, tâm thức ấy tồn tại cả sau khi tế bào thần kinh não bộ chết. Và hoạt động của linh hồn, của tâm thức như vậy là hoàn toàn độc lập với thần kinh não bộ. Niềm tin này dựa vào tư tưởng Duy tâm của tôn giáo, trong đó có các trường phái của Phật giáo phát triển, đặc biệt là Mật tông. Người nghe, người đọc hiện tượng cận tử đa phần thiên về tư tưởng Duy tâm và lại được củng cố đức tin về một linh hồn hoặc một tâm thức không sinh không diệt.

“Hiện tượng cận tử là khi não bộ chết lâm sàng, linh hồn hay tâm thức thoát ra khỏi xác và đi vào một thế giới tâm linh, thấy biết một số sự kiện. Khi thân xác hồi sinh trở lại, linh hồn hay tâm thức đó lại nhập trở lại vào thân xác, kể lại những gì đã xảy ra trong thời gian hồn lìa khỏi xác. Với hiểu biết linh hồn hay tâm thức tồn tại như vậy là thuần túy tinh thần, không liên hệ với vật chất. Họ cũng tin rằng có một thế giới thuần túy tinh thần, một thế giới tâm linh. Khi linh hồn hay tâm thức rời khỏi thể xác thì nó sẽ tồn tại trong thế giới tâm linh ấy và nó sẽ thấy



biết không cần bất cứ một giác quan nào”. Thực chất của hiện tượng đó là Thức tái sinh (Hóa sinh) bao gồm Danh và Sắc như đã trình bày, phát sinh khi tế bào não chết lâm sàng. Khi thân xác hồi sinh trở lại, Hóa sinh đó lại tương tác với các tế bào thần kinh não bộ tương tự như Hóa sinh tương tác với hợp tử trứng và tinh trùng và Hóa sinh diệt. Khi Hóa sinh diệt, lượng thông tin đó lại được lưu vào ADN của tế bào thần kinh não bộ. Vì thế khi người đó tỉnh lại, họ có thể kể lại những gì đã xảy ra trong thời gian “chết”. Bởi những gì thấy biết đều được lưu lại trong kho chứa thông tin của Hóa sinh và truyền lại não bộ khi hồi sinh lại. Những sự kiện xảy ra trong khi người đó “chết” vẫn được người đó thấy biết. Chính là do khả năng tha tâm thông của Hóa sinh, thấy biết qua tâm của các bác sĩ, y tá trong phòng mổ, hoặc những người khác, những Hóa sinh khác. Hiện tượng một số người tu có thể xuất “hồn” cũng có bản chất giống như hiện tượng cận tử.

3.2. Hiện tượng gọi hồn, đồng bóng, âm nhập:

Đây là những hiện tượng xảy ra phổ biến trong cuộc sống. Bản chất của các hiện tượng này là có Hóa sinh. Nếu có những nghiệp quá khứ tương hợp với những người đó, thì không những Hóa sinh thâm nhập được kho chứa thông tin, “đọc” được tâm người đó bằng khả năng tha tâm thông. Khi đó, Hóa sinh có thể tác ý, làm phát sinh hoạt động các lập trình thông tin trong kho chứa thông tin, phát sinh ra lời nói, hành động theo điều khiển của Hóa sinh. Những người bị Hóa sinh thâm nhập và

điều khiển như vậy cũng có nhiều mức độ khác nhau. Một số hoàn toàn bị áp đảo đến nỗi các lộ trình tâm không khởi lên được và thân thể hoàn toàn bị điều khiển bởi Hóa sinh. Sau khi sự việc kết thúc, người đó hoàn toàn không biết gì về những sự việc vừa xảy ra. Một số khác không bị áp đảo hoàn toàn, họ vẫn có những nhận thức đan xen, biết một phần sự việc đang xảy ra, nhưng không hiểu biết được bản chất sự việc. Trường hợp gọi hồn được nhiều người tin tưởng bởi nói ra được một số thông tin của người chết khá chính xác. Thực chất của sự việc đó là người nói ra được một số thông tin khá chính xác là do một Hóa sinh có năng lực mạnh điều khiển. Những thông tin về người chết được nói ra khá chính xác đó là do Hóa sinh “đọc được trong tâm các thân chủ đi gọi hồn”. Vì người đi gọi hồn cho người thân đã chết thì mọi thông tin về người chết đang được lưu giữ trong tâm họ. Cũng có trường hợp Hóa sinh đó giao tiếp được với Hóa sinh của thân chủ chưa vào thai sinh hoặc trứng sinh, nên biết được các thông tin về người quá cố. Những trường hợp này rất ít, rất hạn hữu.

3.3. Khả năng ngoại cảm và một số hiện tượng khác:

a. Đây là hiện tượng một số người có khả năng nhìn thấy hoặc giao tiếp được với “người âm”. Cái gọi là “người âm” thực chất là một Hóa sinh, không phải là một linh hồn, một thần thánh nào cả. Khả năng ngoại cảm là khả năng tha tâm thông, xâm nhập vào kho chứa thông tin của các Hóa sinh khác, của chúng sinh khác, đọc được

các thông tin trong kho chứa đó. Khả năng tha tâm thông, đọc được tâm người khác có thể tu tập và khi sự tu tập đã thành công thì kinh nghiệm này sẽ được lưu giữ trong kho chứa thông tin của người đó. Khi người đó chết lượng thông tin đó được “trao truyền” vào người sau. Nhưng những kinh nghiệm này bị nén xuống, bị chìm vào lượng thông tin khổng lồ nên không “nhớ lại” được, không sử dụng được như đa phần con người không nhớ được các tiền kiếp của mình tuy nó vẫn tồn tại trong kho chứa thông tin.

Ngay trong kiếp sống này, một người sáu bảy mươi tuổi nhớ lại quãng đời lúc mười tuổi không phải bao giờ cũng làm được. Trừ phi có đủ nhân duyên như gặp lại người bạn cũ lúc mười tuổi sau năm sáu mươi năm xa cách. Nếu có một sự đột biến gen ví như một tai nạn đưa đến cái chết lâm sàng thì khi hồi sinh trở lại, lượng thông tin có sự tương tác đưa đến một số thông tin được kích hoạt lên, được “trỗi lên” và người đó có thể sử dụng lại được kinh nghiệm đó. Hoặc có rất nhiều người, sau một chấn động nào đó về thân tâm, có sự đột biến gen, họ bỗng nhiên nhớ lại tiền kiếp của mình. Ví dụ như: Cô gái sinh ra tại nước Anh, sau khi ngã từ cầu thang, chết đi sống lại đã kể lại tiền kiếp là một tu sĩ trong một đền thờ Ai cập mười mấy thế kỷ trước. Cô đã tự sát vì không muốn để cho câu chuyện cô đã yêu và ăn nằm với một Pha-ra-ông bại lộ ra. Người có khả năng ngoại cảm theo kiểu này rất là hiếm có, rất ít xảy ra. Còn đa phần người có khả năng ngoại cảm là do một Hóa sinh thâm nhập và trợ giúp người đó. Khác với đồng bóng gọi hồn, nhà ngoại

cảm không bị các Hóa sinh tác ý điều khiển để nói lên những thấy biết của Hóa sinh mà những thông tin do Hóa sinh thấy biết khi giao tiếp với những Hóa sinh khác (những người đã chết) được “cài” vào kho chứa của nhà ngoại cảm và lộ trình tâm của nhà ngoại cảm sẽ sử dụng những thông tin đó nên họ cũng thấy biết như vậy. Họ cung cấp những thông tin về người đã chết theo thấy biết của Hóa sinh kết hợp với các tà kiến của họ. Vì vậy khi có Hóa sinh xâm nhập trợ giúp thì họ nói đúng, nhưng khi không có Hóa sinh xâm nhập trợ giúp thì họ sẽ nói sai.

b. Đã từng xuất hiện, tồn tại và biến mất rất nhiều nền văn minh trên quả đất này, nên cũng đã từng tồn tại rất nhiều con người có những khả năng đặc biệt. Khi họ chết đi, phát sinh những Hóa sinh đặc biệt, có thể tồn tại rất lâu. Trong cùng một không gian này có rất nhiều Hóa sinh có năng lực khác nhau đang tồn tại và đang có sự tương tác giữa các Hóa sinh với nhau, cũng như sự tương tác giữa các Hóa sinh với con người. Sự tương tác đó là sự tương tác giữa các thông tin với nhau. Ở nơi người sống thì lượng thông tin đó ở trong các ADN của tế bào trong thân thể. Rất nhiều sự việc và hiện tượng khó hiểu, khó giải thích đều liên quan đến “bí mật” kho chứa thông tin bao gồm thông tin di truyền và thông tin Pháp trần trong ADN của tế bào. Hiện tượng những người tham gia lễ hội tự đâm thủng má, xuyên qua má bằng những thanh gươm, những con dao, mũi tên... là do được những Hóa sinh có những năng lực đặc biệt tác động được vào những

gen trong tế bào vùng đó làm cho đương sự không đau đớn. Có một y sĩ đã tự cắt một chân từ đầu gối trở xuống và đem giấu đi trong tủ thuốc. Hoặc anh thanh niên sắp cưới vợ vào nhà tắm tự cắt cái “của quý” mà không hề đau đớn... Tất cả là do Hóa sinh tương tác và điều khiển. Có những Hóa sinh là những người chồng rất yêu vợ nên rất nhiều năm sau tương tác được với một thanh niên nên cài đặt thông tin của mình vào kho chứa của thanh niên đó. Do lộ trình tâm của người thanh niên sử dụng thông tin của Hóa sinh cài vào nên xảy ra tình yêu đặc biệt với người vợ của Hóa sinh là cụ già 80, 90 tuổi. Có rất nhiều Hóa sinh đang theo đuổi tình yêu với người mà khi còn sống nó theo đuổi. Vì vậy, nó làm cho nhiều thanh niên nam nữ muốn kết hôn nhưng luôn bị cản trở vì các Hóa sinh tương tác. Có những “thần y” chữa được nhiều căn bệnh như câm, điếc, liệt, ngọng... do bấm sinh bằng cách nắn bóp, bấm huyết, làm cho nó hoạt động bình thường trở lại. Có những Hóa sinh có khả năng giữ cho xác chết của nó hoặc người khác không hư hoại trong một thời gian dài. Có những Hóa sinh kiếp trước tu hành cũng thành tựu những khả năng đặc biệt, nhưng chấp thủ kiên cố vào các kiến giải của mình, khi chết đi phát sinh Hóa sinh và Hóa sinh đó tồn tại rất lâu dài. Trong Hóa sinh loại này, có những Hóa sinh có khả năng thâm nhập kho chứa những người tu (đa phần là người tu trong trạng thái thôi miên, nghĩa là nửa ngủ nửa thức) và cài đặt thông tin của Hóa sinh vào kho chứa thông tin người đó làm cho

người đó ở trong trạng thái định nhiều ngày liền, thậm chí nhiều tháng liền không ăn uống. Có những người được Hóa sinh cài đặt thông tin về hiểu biết, về chấp thủ của Hóa sinh, lộ trình tâm sẽ sử dụng các thông tin đó làm cho người đó nói lên những hiểu biết và chấp thủ của Hóa sinh, tuyên bố chứng này, chứng nọ. Do được năng lực của Hóa sinh trợ giúp, họ cũng có thể lôi kéo được hàng loạt tín đồ, có cùng nghiệp như họ, tôn sùng họ là bậc thánh đã giác ngộ...

c. Chính vì trong thế giới này con người và Hóa sinh cùng tồn tại, Hóa sinh lại có đặc điểm như vậy, có những Hóa sinh chấp thủ rất ghê gớm nên đôi khi cũng rất độc ác, bạo hành, tàn độc, xảo quyệt, sân hận. Vì vậy, chúng ta muốn được yên ổn, hãy tránh xa những nơi có các hiện tượng trên và luôn luôn cố gắng đừng xúc phạm bất kỳ một ai, cho dù là người dở hơi (cũng có thể là do Hóa sinh tương tác mà ra như vậy). Muốn cho các Hóa sinh không tương tác được thì chỉ có một cách duy nhất là tu tập Bát Chánh Đạo. Lúc đó hoặc là an trú tâm biết Tỉnh giác hoặc là an trú tâm biết Chánh kiến thì Hóa sinh không thể xâm nhập, không thể “điều khiển” được.



TẨU HOẢ NHẬP MA

Tẩu hoả nhập ma là cụm từ được dùng để chỉ cho hiện tượng những người tu trở nên kỳ dị, khác thường, điên điên, khùng khùng. Tẩu hoả nhập ma có thể được phân chia thành hai trường hợp:

Một là bị hoang tưởng, nghĩa là luôn luôn bị ám ảnh, thấy rõ mồn một sự vật hay hiện tượng không có thật đang hiện hữu trước mắt họ.

Hai là bị các Hóa sinh (phi nhân) xâm nhập, tương tác nên có được một vài khả năng đặc biệt, hoặc bị các Hóa sinh “cài đặt” thông tin về các tà kiến, chấp thủ của Hóa sinh nên họ ảo tưởng mình đã giác ngộ, giải thoát.

1 Tẩu hoả nhập ma do hoang tưởng

Một vị sư hễ khi tọa thiền nhắm mắt lại liền thấy ngay một con nhện to lớn, góm guốc ở trước mặt giương cặp mắt đầu đầu nhìn. Vị sư đã tìm mọi cách xua đuổi, đến cả rải tâm từ, van xin con nhện hãy đi đi cho mình tu tập, nhưng con nhện cứ ở đó, không chịu đi và vị sư không thể nào tu tập thiền định. Đã nhiều ngày trôi qua trong sự khổ

sở vì con nhện và vị sư không thể nào chịu đựng được sự phá bình của con nhện, ông ta quyết định giết chết con nhện. Nhưng trước khi giết con nhện, ông ta tham vấn ý kiến của sư huynh. Vị sư huynh đã biết rõ sự việc nên ông khuyên sư đệ dùng hòn than đánh dấu con nhện, để biết có một con hay nhiều con quấy phá, lúc đó mới hành động. Lần sau, khi tọa thiền con nhện lại xuất hiện, ông ta dùng hòn than mà sư huynh đưa cho vạch một chữ thập trên người con nhện và vội vã đi báo sư huynh. Vị sư huynh đã chỉ cho ông ta thấy dấu chữ thập bằng than mà ông ta đánh dấu nằm ngay trên ngực của ông ta. Nhờ chỉ dạy của sư huynh mà ông ta hiểu rằng, con nhện mà ông ta thấy là Cảm giác pháp trần do Ý tiếp xúc Pháp trần mà phát sinh (nói nôm na là tưởng ra) nhưng lại bị ông ta hiểu lầm là con nhện thật bên ngoài. Hiểu lầm đó được lặp đi lặp lại nhiều lần mà thành ra hoang tưởng. Đó là biểu hiện của tử hỏa nhập ma và khi nào biết đó là hoang tưởng thì người đó mới trở lại bình thường.

Một người tọa thiền, trình bày thấy rõ môn một, hơi thở bắt đầu vào mũi qua bụng rồi kết thúc tại đan điền rồi lại từ đan điền đi qua bụng và kết thúc ở mũi. Vị thầy hỏi lại, có thật anh thấy rõ “môn một” hơi thở đi ra đi vào như vậy không? Con thấy rõ môn một như vậy. Vậy thì chắc phổi anh bị thủng nên hơi thở nó đi xuống đan điền, vị thầy hài hước. Cái mà anh ta cảm nhận đó là cảm giác do hơi thở tiếp xúc với thân mà phát sinh chứ không phải là hơi thở. Nếu hiểu lầm của anh ta không chấm dứt, được lặp đi lặp lại thì đến một lúc nào đó, nó phát triển thành hoang tưởng và lúc đó sẽ tử hỏa nhập ma.



Một người tu thiền, quán hơi thở vô, hơi thở ra và sau một thời gian thì “thành tựu” đến nỗi đi đứng nằm ngồi ăn nói gì cũng thấy “đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối” của hơi thở vô ra. Cái thấy như vậy cứ bám riết lấy, không buông tha một giây phút nào, người đó muốn buông ra, không muốn thấy như thế nữa cũng không được. Vì vậy rất căng thẳng, khuôn mặt “cứng đờ” ra, không trốn chạy thoát khỏi cái thấy đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối của hơi thở. Thấy như vậy là hoang tưởng. Bởi quá tin tưởng vào các kiến thức sai lạc đã được nhồi sọ bởi các chú giải nên thấy rõ đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối hơi thở vô ra do tưởng tượng nhưng lại tưởng lầm là thấy hơi thở vô ra thật. Lặp đi, lặp lại nhiều lần điều đó với đức tin mãnh liệt thì trở thành hoang tưởng. Khi được vị thầy chỉ dẫn, hơi thở vô ra là luồng không khí, là Xúc trần tiếp xúc với Thân căn thì phát sinh cảm giác hơi thở vô ra và đồng thời phát sinh Thân thức. Thân thức có phận sự cảm nhận (hay ghi nhận) cảm giác thở vô ra. Đối tượng được Thân thức nhận biết hay ghi nhận trực tiếp là cảm giác thở vô ra chứ không phải là hơi thở vô ra. Biết có hơi thở vô, hơi thở ra là Ý thức do suy luận mà biết, chứ không có cái biết trực tiếp nào ghi nhận được đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối của hơi thở, của luồng không khí. Hiểu biết rằng, thấy hơi thở đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối như vậy là hoang tưởng, người ấy trở lại bình thường, chấm dứt hoang tưởng, không còn thấy đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối của hơi thở nữa.

Một số người tu thiền, quán tiền kiếp sau khi đã nhồi nhét đầy ắp các kiến thức về tiền kiếp của sách vở, của người khác nên cố tưởng tượng ra những tình huống tương tự. Cố gắng nỗ lực hướng tâm đến tiền kiếp như vậy, đến một lúc nào đó do lượng thông tin đã được nhồi nhét tương tác với nhau và xuất hiện các hình ảnh, sự kiện và người đó “tin chắc” đó là tiền kiếp đời mình. Lặp đi lặp lại nhiều lần như vậy với đức tin mãnh liệt thì nó trở thành hoang tưởng. Điều hoang tưởng đó hiện ra liên tục trong tọa thiền, thậm chí trong đời sống hàng ngày và kết quả là người đó phải đến Bệnh viện tâm thần.

Thời Phật còn tại thế, một số Tỷ kheo tu thiền, quán thân bất tịnh. Đương nhiên họ ngồi rồi tưởng tượng ra các bộ phận của thân thể đầy ô uế như nhớp, bất tịnh, ghê tởm, không thể nào chịu đựng nổi. Họ đang cố gắng tự nhồi sọ, thân thể là bất tịnh, đáng ghê tởm như vậy. Lặp đi, lặp lại như vậy cái điều được tưởng tượng ra, không phải là sự thật đang xảy ra, thì sẽ đến lúc “thấy” thân thể ô uế, như nhớp, bất tịnh, ghê tởm đó xuất hiện liên tục trong mọi lúc, và khi hoang tưởng như vậy thì ghê tởm thân thể bất tịnh này, không thể nào chịu đựng nổi và họ đã tự sát.

Tóm lại, tẩu hỏa nhập ma do hoang tưởng tức những cái tưởng tượng ra, mắt không thể thấy, tai không thể nghe, mũi không thể ngửi, lưỡi không thể nếm, tay không thể sờ nhưng người bị hoang tưởng thì lại chắc chắn rằng mình đang thấy, nghe, ngửi, nếm, sờ được những cái đó.



“Tẩu hỏa nhập ma” có xuất xứ từ Thiên tông Trung Hoa để chỉ trong những người tham công án, tham thoại đầu quá hăng say, quá tích cực nên căng thẳng quá mức dẫn đến điên loạn. Đó chính là một căn bệnh tâm thần, căn bệnh hoang tưởng.

2 Tẩu hỏa nhập ma do Hóa sinh xâm nhập

2.1. Hiện tượng xảy ra trong đời sống:

Sống trong thế giới này, không những có các chúng sinh thuộc Trùng sinh và Thai sinh như loài người và các loài động vật mà còn có các loài Hóa sinh. Các loài Hóa sinh bao gồm Danh và Sắc phát sinh sau khi loài Trùng sinh hay Thai sinh chết. Tiếp tục của chu kỳ luân hồi tái sinh và khi nghiệp lực đó cạn kiệt, Hóa sinh lại tiếp tục “vào” Thai sinh hoặc Trùng sinh, tiếp tục chu kỳ luân hồi sinh tử. Chúng sinh thuộc loài Hóa sinh này theo quan niệm tôn giáo bao gồm: Chư thiên, Địa ngục, Ngã quỷ, A tu la hay Phi nhân, vong linh, người âm... Sắc (Thân) của Hóa sinh là một dạng vật chất vi tế, tồn tại dưới dạng lượng tử, mang lưỡng tính sóng hạt. Vì thế nó vẫn di chuyển trong không gian nhưng vì mang tính sóng nên nó có thể “xuyên qua” tường vách, cây cối, người, động vật... Danh của Hóa sinh là lượng thông tin di truyền và lượng thông tin Pháp trần của người đã chết. Do Xúc (tương tác) tương tự như Ý tiếp xúc với Pháp trần của người sống nên Hóa sinh vẫn có các lộ trình tâm với cái biết Tưởng thức và Ý thức. Hình dung như một người

đang nằm mộng, tuy nó là “cảnh ảo” nhưng Hóa sinh vẫn “tưởng nhảm” là thể giới ngoại cảnh bên ngoài. Ngoài những lộ trình tâm có các cảnh giới là do lượng thông tin trong kho chứa đã tích lũy trong kiếp quá khứ “hoá hiện” ra, Hóa sinh nhờ “thân” vi tế nên thâm nhập được thân thể người sống, thâm nhập và tương tác được lượng thông tin trong ADN của tế bào người sống nên Hóa sinh vẫn thấy, nghe, cảm nhận thực tại bên ngoài qua thấy, nghe, cảm nhận thực tại của người sống. Nhưng đây vẫn là “cảnh ảo” như thấy trên ti vi mà thôi. Hóa sinh không những “thấy thực tại” qua cái thấy của người đó mà nó có thể biết được thông tin về quá khứ của người đó, nó còn có thể “cài đặt thông tin” của nó vào kho chứa thông tin của người đó. Và khi người đó sử dụng thông tin của nó, sẽ có cái “thấy ngoại cảm”. Một số Hóa sinh có duyên nghiệp đặc biệt với người đó, có thể tương tác vào các “lập trình” lời nói, hành động, tác ý “điều khiển” người đó nói năng hay hành động theo ý muốn của Hóa sinh. Điều này tương tự trên xa lộ thông tin hiện đại, các hacker có thể theo các đường truyền thâm nhập kho chứa thông tin trong bộ nhớ của các máy tính. Hacker có thể đánh cắp thông tin, có thể cài đặt thông tin, có thể “điều khiển” các lập trình, các phần mềm hoạt động theo ý muốn của hacker. Hóa sinh rất đa dạng, phức tạp, hiểu biết và năng lực cũng rất khác nhau. Đặc biệt là Hóa sinh có tiền kiếp tu hành trong các đạo giáo, tín ngưỡng, đức tin, hiểu biết đa dạng và khác nhau của nhân loại.



Hóa sinh sống trong “cảnh ảo” không làm chủ, không sở hữu được bất kỳ cái gì, không một chỗ trú, là nỗi thống khổ vô cùng tận nên nhiều Hóa sinh tương tác được với một số con vật, có được chỗ trú ẩn thì bám riết lấy không rời ra nữa. Ví như Hóa sinh của người cha có sự tương hợp “điều khiển” được con lợn và những người con làm tương cha đã tái sinh thành lợn nên chăm sóc nó. Một con lợn biết bồm bẻm nhai trầu do Hóa sinh nghiện trầu điều khiển được nó. Một con rắn hổ mang có cách đối xử kỳ lạ với con người. Những con mãng xà có những hành vi khó hiểu. Những con vật đi đến với gia đình người chết... Đó là những con vật bị Hóa sinh điều khiển chứ không phải con người tái sinh thành. Các hiện tượng mộng du, cận tử, nhập đồng, áp vong, ngoại cảm, gọi hồn đều do Hóa sinh xâm nhập kho chứa thông tin của thân chủ hoặc kho chứa thông tin của Hóa sinh khác, cung cấp thông tin hoặc điều khiển.

Hóa sinh thâm nhập lượng thông tin trong bộ gen, điều khiển các lập trình lời nói, hành động đã được mã hoá trong ADN nên làm cho người bị điều khiển có sức mạnh ghê gớm, làm tê liệt thần kinh xúc giác nên không còn cảm giác đau, một số trường hợp không chảy máu. Một số người khi bị xâm nhập cho dù lấy dây thừng quấn cổ và bốn người siết mạnh vẫn không sao, một số lấy xiên nhọn xuyên má, xuyên qua tay chân vẫn không đau, không chảy máu. Một số Hóa sinh mà tiền kiếp rất hung bạo, độc ác hoặc bị chết rất thảm khốc như chết đuối hoặc bị dìm chết, có những mối thù hận ghê gớm, khi bị kích

động có thể làm cho một số con vật hoặc con người chết một cách bí ẩn mà y học không khám phá được nguyên nhân cái chết. Đó là vì tương tác xảy ra ngay trong gen của tế bào mà trong đó có các lập trình liên quan đến sự sống đang vận hành. Các lập trình về sự sống này bị tương tác, bị thay đổi, bị phá huỷ thì sự sống sẽ chấm dứt. Rất nhiều hiện tượng bí ẩn, kỳ dị xảy ra trong cuộc sống mà hiểu biết bình thường, hiểu biết của khoa học không giải thích được, trong đó có rất nhiều hiện tượng là do Hóa sinh gây ra.

Có một số Hóa sinh mà tiền kiếp hiền thiện đã làm nghề chữa bệnh hay luyện tập một thứ khí công trị bệnh, có thể thâm nhập vào lượng thông tin trong các gen và chữa lành một số bệnh nào đó cho một số người. Ví như vị “thần y” chữa được các bệnh cam điếc bẩm sinh, hoặc bại liệt bẩm sinh là do Hóa sinh thông qua bàn tay của thần y, cài đặt các “lập trình” lời nói, hành động vào trong ADN của các tế bào tương ứng phát ra lời nói hoặc cử động. Một người sinh ra chưa thể nào nói và có các cử động đi lại mà phải được luyện tập từ khi mới lọt lòng. Khi sự luyện tập đã thành tựu thì hình thành một lập trình, một phần mềm (lời nói, cử động) được cài đặt trong các gen của cấu trúc ADN và khi bộ não tác ý nói âm gì hay cử động gì thì lập trình đó vận hành làm phát ra lời nói hoặc hành động. Đối với động vật cấp thấp như rùa, trâu bò... lượng thông tin lập trình cử động được bảo tồn khi hình thành bào thai nên khi sinh ra là đi đứng hay bò ngay được. Đối với con người phức tạp hơn rất nhiều và chỉ



các thông tin ở tế bào thần kinh não bộ tái sinh nên các lập trình lời nói, cử động không có ở tế bào não bộ nên bào thai con người không có các lập trình lời nói, cử động này. Chính vì vậy, loài người muốn nói, muốn đi lại được phải luyện tập từ nhỏ để hình thành và cài đặt các lập trình này vào trong ADN. Những người câm điếc, bại liệt bẩm sinh không thể luyện tập từ nhỏ nên trong ADN của các tế bào các bộ phận tương ứng, không có các lập trình này nên họ không nói, không đi lại được. Khi “thần y” bấm huyệt thì Hoá sinh sẽ tương tác và “cài đặt” lập trình đó cho họ và họ nói hoặc cử động tức thì.

Hiện tượng thôi miên chữa bệnh được các nhà Phân tâm học nói đến cũng do tương tác của Hóa sinh. Phân tâm học quan niệm, tâm có hai phần gồm Ý thức và Tiềm thức. Tuy họ chưa thuyết minh được một cách rõ ràng, minh bạch Tiềm thức là gì, do đâu mà có nhưng Tiềm thức họ quan niệm chính là lượng thông tin tri thức, kinh nghiệm, sự kiện của quá khứ đời này hoặc tiền kiếp được lưu giữ trong kho chứa ở ADN. Chữa bệnh bằng thôi miên là hoá giải các sự kiện xấu, là nguyên nhân gây bệnh ở tận sâu thẳm của tiềm thức.

Khi một bác sĩ hướng dẫn cho bệnh nhân đạt đến trạng thái nửa thức nửa ngủ (gọi là trạng thái thôi miên), người bệnh khám phá trong “sâu thẳm” tiềm thức những sự kiện, tình huống, bức xúc, căm hận đã xảy ra trong quá khứ và hoá giải nó và nhờ vậy mà khỏi bệnh, nhất là các căn bệnh về tâm thần. Không phải ai cũng học được

cách chữa bệnh bằng thôi miên vì thực chất của việc đó phải được trợ giúp bởi một Hóa sinh. Lúc đó Hóa sinh thâm nhập kho chứa thông tin trong ADN của người bệnh, thấy ra các thông tin, các sự kiện xấu đã xảy ra trong quá khứ của bệnh nhân. Bệnh nhân trong trạng thái thôi miên sẽ “thấy” ra sự kiện do “cái thấy” của Hóa sinh. Chính nhờ trạng thái thôi miên, nửa ngủ nửa thức mà bệnh nhân sẽ tương tác và hoá giải được các sự kiện đó.

Gần như mọi bí mật đều nằm trong các loại thông tin chứa trong cấu trúc ADN của tế bào. Tương lai khoa học thông tin của nhân loại, nhất là tương tác thông tin sẽ giải mã được nhiều bí ẩn đang ẩn chứa trong cấu trúc ADN khi nghiên cứu thông tin di truyền. Đặc biệt là thông tin về tâm cũng ở trong ADN.

2.2. Hiện tượng xảy ra với người tu:

Các Hóa sinh tương tác được với người tu vì tiền kiếp của họ cũng là những người tu. Nhưng đa phần các Hoá sinh đó có những tà kiến, những chấp thủ vào những kiến giải của họ, chấp thủ Bản ngã rất ghê gớm. Các Hóa sinh đó rất đa dạng, thuộc rất nhiều tôn giáo, tín ngưỡng, các môn phái tu hành khác nhau như: đạo Phật với các tông phái khác nhau, đạo Lão, khí công, võ nghệ, các trường phái Bà la môn giáo, Kỳ na giáo, đạo Jin, đạo Hồi, đạo Thiên chúa,... nên có các tà kiến và có các năng lực khác nhau.



Có những người tọa thiền bỗng dưng vào được trạng thái định có hỷ lạc rất sung mãn xảy ra trong 10 ngày liên tục nhưng sau đó họ không thể nào vào định như vậy được nữa vì định đó do Hóa sinh tương tác, “điều khiển” chứ không phải họ đạt được. Một người tọa thiền 5 - 6 năm liền, bị hôn trầm liên tục bỗng nhiên đạt được định, chấm dứt hôn trầm và có thêm nhiều hiểu biết là do Hóa sinh tương tác. Vì tương tác của Hóa sinh xảy ra trong ADN nên có những Hóa sinh có thể làm cho một người tọa thiền liên tục bảy ngày, thậm chí là nhiều tháng liền trong rừng, không ăn uống và được mọi người xem là Phật, là Thánh. Hóa sinh xâm nhập làm cho người đó có thể nhìn thấy được những hình ảnh hoặc nghe những âm thanh rất xa và họ nhầm tưởng là mình đã có thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông hoặc biết được tâm người khác đang nghĩ gì (tha tâm thông). Nhưng thực chất, đó đều do Hóa sinh thâm nhập, cung cấp thông tin về những hình ảnh và âm thanh đó cho họ.

Có những Hóa sinh trong tiền kiếp đã tu hành miên mật, tinh tấn nhưng theo những hiểu biết tà kiến của các trường phái triết học, tôn giáo khác nhau và họ cũng đạt được một vài thành quả theo kiểu thay thế ràng buộc này bằng một ràng buộc khác nhưng lại chấp cứng vào đó là chân lí, là giải thoát tối hậu. Những Hóa sinh đó sẽ tìm kiếm những người tương hợp với nó và sẽ xâm nhập kho chứa thông tin những người đó đang tọa thiền nhưng rơi vào trạng thái thôi miên, nửa thức nửa ngủ (một trạng thái hôn trầm). Lúc đó Hóa sinh sẽ “cài đặt” những thông

tin của Hóa sinh, những hiểu biết, những kinh nghiệm đạt được, những tà kiến chấp thủ. Những người bị xâm nhập trong trạng thái thôi miên như vậy sẽ cảm nhận mình có những hiểu biết mới siêu việt, đạt được trạng thái chứng ngộ viên mãn, tràn đầy hỷ lạc, sung sướng. Giống như một người ngủ mơ, thấy mình viết được một quyển sách hay hoặc có những phát minh vĩ đại, sung sướng khôn tả nhưng khi tỉnh dậy họ biết là mơ và tất cả những cái đó biến mất. Người bị Hóa sinh xâm nhập khi đang tọa thiền cảm thấy mình hiểu biết như vậy, chứng ngộ như vậy trong trạng thái nửa thức, nửa tỉnh nên khi thức tỉnh hẳn, người ấy tin chắc đó là thật và do vậy, những thông tin do Hóa sinh xâm nhập được “cài đặt” vững chắc vào kho chứa của họ. Từ đó, trong kho chứa thông tin của người đó có hai lượng thông tin, một của người đó đã tích lũy, hai là của Hóa sinh. Kiến thức của người này là tổng hợp của cả hai loại kiến thức như trường hợp những người thay tim hoặc ghép tạng. Chính vì vậy mà từ đó họ đạt được một vài trạng thái định, một vài trạng thái tâm có hỷ lạc, sung sướng mà Hóa sinh đã thành tựu và cài đặt. Cũng từ đó, họ lầm tưởng tự mình tu chứng và thành tựu nên tuyên bố mình đã giác ngộ, là Đạo Sư này, Vô Thượng Sư nọ, Thánh A La Hán này, Thánh Tu Đà Hoàn kia..., thậm chí có người còn tuyên bố chứng ngộ cao hơn cả Như Lai. Đặc tính chung của hạng người bị Hóa sinh cài đặt thông tin này rất cao ngạo, ưa thích nói nhiều, thích lối phê phán, chửi rủa, chỉ trích đủ thứ, là biểu hiện Chấp Ngã mãnh liệt của Hóa sinh, nhưng kiến thức họ nói ra

tuy đề cập đủ thứ nhưng lại rất nông cạn, ấu trĩ, không có được hiểu biết đúng như thật về duyên khởi, về vô thường, vô ngã, về khổ tập diệt đạo. Những kiến thức đó, pha tạp từ những truyền thuyết, đạo giáo khác nhau, không những không phải là sự thật mà thậm chí còn thấp kém hơn cả kiến thức thế gian. Những người đó được Hóa sinh hỗ trợ, do Hóa sinh khao khát thỏa mãn danh vọng, tương tác được với những đệ tử tương hợp nên có rất nhiều người cuồng tín theo họ. Các đệ tử của họ cũng được cài đặt các thông tin đó theo kiểu “ánh xạ” với các mức độ khác nhau, kiểu như các vi rút máy tính lây lan trên mạng, nên cũng có được một số cảm giác, một vài trạng thái tâm hỷ lạc, sung sướng khi thực hành các phương pháp đó. Một số được các Hóa sinh trực tiếp hỗ trợ nên có thể cải thiện được sức khỏe, khỏi được một số bệnh tật nan y nên họ rất cuồng tín đối với thần tượng “giác ngộ” của họ.

Rất nhiều người có Hóa sinh tương tác, khi được nghe giảng có một số điều phù hợp với Hóa sinh nên Hóa sinh thích thú, tác ý làm cho người đó nỗ lực thực hành và đạt tiến bộ nhanh chóng. Khi được ghi nhận sự tiến bộ và khuyến khích thì Hóa sinh rất hoan hỷ. Nhưng vì chấp thủ tà kiến, dần dà biểu hiện ra các tà kiến và sân si còn giấu kín của mình nên khi bị chỉ trích về tà kiến, những hiểu biết sai, những hành vi tham sân giấu kín thì Hóa sinh sẽ phản ứng dữ dội, chống đối mãnh liệt, có những trường hợp tìm cách làm hại thầy.

Kết luận: Tẩu hỏa nhập ma là hiện tượng phổ biến xảy ra với người tu mọi tông phái chứ không phải riêng đối với tu thiền. Cội gốc của các hiện tượng ấy là Vô minh tức hiểu biết sai, hiểu biết không đúng sự thật các sự vật và hiện tượng của thực tại (những gì được thấy, được nghe, được cảm nhận, được nhận thức). Để chấm dứt được Vô minh, chấm dứt tẩu hỏa nhập ma phải quan sát thực tại để tuệ tri sáu xúc xứ. Nhờ vậy mà thấu hiểu và đạt được sự Giác ngộ của Đức Phật mà Ngài đã tuyên bố trong Kinh Phạm Võng thuộc Trường Bộ Kinh: “Này các Tỷ kheo, Như Lai nhờ như thật tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ mà Như Lai được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ”.



SỰ THẬT THỰC TẠI LÀ GÌ VÀ KHỦNG HOẢNG CỦA VẬT LÝ HỌC HIỆN ĐẠI

1 Khủng hoảng của Vật lý lượng tử

Bài viết “Khi vật lý gõ cửa bản thể học” của Tiến sĩ Vật lý Nguyễn Tường Bách đã trình bày ngắn gọn, súc tích và dễ hiểu sự phát triển của bộ môn Vật lý trong 2400 năm qua. Đương nhiên không phải dễ hiểu với tất cả mọi người mà chỉ dễ hiểu cho người có kiến thức vật lý ở trình độ phổ thông. Hãy tìm đọc trên Google để hiểu rõ các nội dung mà Tiến sĩ Nguyễn Tường Bách đã trình bày và hiểu được vấn nạn mà Vật lý học hiện đại đang phải đối mặt.

Vật lý là bộ môn khoa học khám phá thực tại, khám phá về thế giới vật chất. Ngay từ lúc còn sơ khai cho đến gần đây Vật lý vẫn quan niệm thực tại là thế giới vật chất, là “thực có” nghĩa là nó tồn tại khách quan với con người nhận thức nó, cho dù có con người nhận thức hay không có con người nhận thức thì thực tại là thế giới vật chất vẫn tồn tại.

Khởi đầu thế giới thực tại được quan niệm trong Vật lý học gồm các vật thể vật chất vận động trong không gian và thời gian. Và không gian, thời gian là hai thuộc tính tuyệt đối của thế giới thực tại. Đến khi Newton, một con người không lờ trong Vật lý học xuất hiện thì khái niệm lực được đưa vào cùng với các định luật của cơ học cổ điển được ông phát minh, thì vật chất được quan niệm là các hạt có khối lượng và năng lượng, vận động trong không gian và thời gian tuân theo các định luật của cơ học cổ điển. Từ những kiến thức này mà một thế giới quan cơ giới ra đời nhằm mô tả các vật thể lớn nhỏ, tinh tú, mặt trời, trăng sao,... đang vận hành theo các định luật của cơ học cổ điển. Thế giới quan cơ giới này rất đơn giản dễ hiểu, được công nhận và tồn tại trong khoa học gần 300 năm nay.

Vật lý học tiếp tục phát triển và phát hiện ra một dạng vật chất khác gọi là sóng, không có khối lượng nhưng mang năng lượng, đồng thời tồn tại với dạng hạt có khối lượng và năng lượng. Như vậy vật chất tồn tại dưới hai dạng không tương thích với nhau: dạng hạt và dạng sóng.

Sự nghiên cứu của Vật lý đi từ vật thể lớn (vĩ mô) đến những vật thể nhỏ bé (vi mô, vi tế) nên các mô hình cấu trúc hạt nhân nguyên tử ra đời. Vấn đề là nếu hiểu biết tường tận về “đơn vị vật chất” nhỏ nhất làm đơn vị cơ bản để cấu tạo nên thế giới vật chất, thì nhiệm vụ cơ bản của Vật lý học đã hoàn thành. Môn Vật lý lượng tử đã ra đời và người ta kỳ vọng Vật lý lượng tử sẽ trả lời



được câu hỏi: Vật chất là gì? Thế giới thực tại này là gì? Nhưng những kết quả mà môn Vật lý lượng tử nhận được lại trái với kỳ vọng của các nhà khoa học. Nhân loại đã mặc định thực tại tồn tại độc lập với tâm thức (ý thức của con người). Con người với tâm thức là chủ thể quan sát thực tại, độc lập với thực tại. Con người đó có chết đi, tâm thức đó không còn tồn tại thì thực tại vẫn tồn tại độc lập. Nhưng kết quả mà Vật lý lượng tử nhận được thì trái ngược với điều đó, nghĩa là: Kết quả quan sát được không những phụ thuộc vào đối tượng quan sát mà còn phụ thuộc vào người quan sát. Thực tại là gì thì tùy thuộc vào người quan sát, nghĩa là với cách quan sát này thì thực tại là hạt, nhưng với cách quan sát kia thì thực tại lại là sóng. Thực tại là gì thì câu trả lời nhận được tùy thuộc vào cách ta “hỏi” nó. Kết quả này làm cho các nhà khoa học đi đến kết luận: Ý thức đã tác động lên thực tại và thực tại không hoàn toàn độc lập với ý thức như mặc định xưa nay của nhân loại. Có một số nhà khoa học đã nghi vấn: Phải chăng khi ý thức khảo sát thực tại thì chính ý thức đã “tạo tác” ra thực tại (phải chăng thực tại là sản phẩm do ý thức tạo nên). Trải qua hơn 2400 năm phát triển, bộ môn Vật lý học đã cung cấp biết bao kiến thức làm nền tảng cho các bộ môn khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật nhưng khi đạt đến đỉnh cao thì câu trả lời cho câu hỏi: “Thực tại là gì? thế giới vật chất là gì?”, lại trở nên hết sức mơ hồ và càng khó hiểu. Vật lý học lại trở về điểm xuất phát ban đầu với câu hỏi: “Thực tại là gì, vật chất là gì?” là điều mà thừa sơ khai nhân loại muốn biết, nhưng không trả lời

được. Chính vì thế mà nhiều nhà bác học nổi tiếng đã khẳng định, cho đến hiện nay chúng ta chưa hề biết vật chất là gì. Đây chính là vấn nạn, là khủng hoảng của Vật lý học hiện đại.

Đương nhiên vấn nạn này chỉ có các nhà khoa học hàng đầu mới hiểu được, mới biết được vấn đề, là khoa học cho đến thời điểm hiện tại chưa biết được vật chất là gì, chưa biết thực tại là cái gì, còn đa phần nhân loại đã mặc định thực tại là thế giới vật chất tồn tại khách quan với con người. Thực tại là vật chất, bao gồm: những gì được thấy là hình dạng và màu sắc của vật chất, những gì được nghe (âm thanh) là một dạng vật chất, những gì được ngửi là mùi hương của vật chất, những gì được nếm là vị của vật chất, những gì được sờ là vật chất cứng mềm, nóng lạnh,... những gì được biết như to nhỏ, dài ngắn, mặn ngọt, chua cay, không gian thời gian... là các thuộc tính của vật chất. Thuật ngữ Phật học gọi các đối tượng của thế giới vật chất này là Sắc trần, Thanh trần, Hương trần, Vị trần, Xúc trần, Pháp trần. Nhân loại đã mặc định là những gì họ thấy biết rõ ràng nhất là thấy biết vật chất, cái họ yêu ghét, cái họ phản ứng, cái họ muốn chiếm hữu, cái làm họ khổ vui trong cuộc sống này là thế giới vật chất và nói rằng cho đến thời điểm hiện tại, họ không biết vật chất là cái gì thì đó là điều đại phi lý.

Vấn nạn này của Vật lý học đã đưa các nhà khoa học trở lại với triết học, với bản thể học và như Tiên sĩ Vật lý Nguyễn Tường Bách đặt vấn đề là Phật giáo có thể có câu



trả lời cho câu hỏi thực tại là gì trên phương diện bản thể học. Triết học được chia thành hai trường phái Duy vật và Duy tâm nhưng đều quan niệm thực tại là thể giới vật chất. Duy vật thì dựa vào một tiên đề là Vật chất không được sinh ra cũng không tự mất đi mà nó chỉ biến đổi từ dạng này sang dạng khác. Vật chất là cái có trước và tinh thần là sản phẩm của vật chất, do vận động của vật chất mà phát sinh, là cái có sau. Duy tâm thì dựa vào một tiên đề là vật chất do Thượng đế toàn năng, một năng lực tinh thần tuyệt đối sáng tạo ra và như vậy tinh thần có trước và vật chất có sau. Dựa vào các tiên đề có tính mặc định, được công nhận như vậy, nhưng không thể chứng minh, các trường phái Duy vật và Duy tâm giải thích thể giới thực tại theo các tiên đề đã mặc định nhưng thực chất đây cũng chỉ là các giả thiết. Vật lý học khởi đầu đương nhiên theo quan điểm Duy vật nhưng khi đối mặt với sự thật thực tại mà không thể giải thích được theo quan điểm Duy vật thì lại tìm cách giải thích theo quan điểm Duy tâm. Ví như khi thể giới quan cơ giới của Newton ra đời thì sự vận động của vũ trụ xảy ra là do quán tính và để có quán tính duy trì sự vận động của vũ trụ thì suy luận hợp lý có sức thuyết phục là phải có “Cái hích ban đầu của Thượng đế”. Khi tìm ra mật mã di truyền trong cấu trúc ADN, một số nhà khoa học kinh ngạc, không thể tin được sự ngẫu nhiên của thuyết tiến hoá lại có thể hình thành được một mật mã tinh vi và hoàn thiện đến vậy, nên nghĩ rằng sản phẩm ấy phải do một trí tuệ siêu việt sáng tạo nên. Vậy ai làm ra mật mã đó? Câu trả lời thuyết phục và

để chấp nhận nhất là do Chúa làm ra. Bây giờ khi Vật lý lượng tử phát hiện ra thực tại không độc lập với ý thức người quan sát, vật lý học đang khủng hoảng về bản thể học, thì các nhà khoa học sẽ đi tìm câu trả lời trong triết học. Cụ thể là phải từ bỏ triết học Duy vật để tìm câu trả lời theo triết học Duy tâm.

Bài viết của Tiên sĩ Nguyễn Tường Bách hi vọng Phật giáo sẽ có được một vài giải đáp. Vì sao vậy? Vì câu trả lời mang tính bản thể học đã có trong kinh điển Phật giáo Đại thừa, đó là quan điểm nhất quán, xuyên suốt kinh điển Đại thừa “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”, nghĩa là ba cõi do Tâm tạo ra và các pháp (các sự vật hiện tượng của thực tại) là do tâm thức biến hiện ra. Đây là quan điểm của triết học Duy tâm “đặc sệt” theo nghĩa đen, nghĩa là Thượng đế toàn năng sáng tạo ra thế giới thực tại nhưng thay từ Thượng đế của Cựu ước bằng từ Tâm, Thức mà thôi.

Còn có một cách diễn đạt khác trong Phật giáo Đại thừa được diễn tả rất tế nhị để tránh đi cái hình dung từ “Thượng đế sáng tạo ra thế giới”, đó là quan niệm Nhị đế. Quan niệm Nhị đế cho rằng thế giới thực tại có hai phương diện Chân đế và Tục đế mà trong đó Chân đế là thực tại tuyệt đối, là thực tại bản thể (còn có tên gọi khác là Chân Không, Niết Bàn, Chân Tâm thường trụ) không có tính vật chất, không có hình tướng. Nên trong Chân Đế hay Chân Không không có sinh diệt, như sạch, tăng giảm, không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt, tai,



mũi, lưỡi, thân, ý... còn Tục đế là thể giới thực tại tương đối, có hình tướng; có sinh diệt; có nhơ sạch, tăng giảm; có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý... Thế giới thực tại bản thể tuyệt đối Chân đế là nền tảng phát sinh ra Thế giới thực tại tương đối sinh diệt Tục đế, nghĩa là Tục đế sinh ra từ Chân đế, khi diệt đi thì Tục đế lại trở về Chân đế. Ví như sóng sinh ra từ nước, khi diệt đi sóng lại trở về với nước, nước như là Chân đế, sóng như là Tục đế. Với quan niệm Nhị đế như vậy nên có các mệnh đề: Sắc chẳng khác Không (Chân Không), Không chẳng khác Sắc, Sắc chính là Không, Không chính là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng đều như vậy... Và họ gán cho Phật đã giác ngộ về Thế giới Tục đế tương đối và Thế giới Chân đế tuyệt đối đó. Nhưng đây chỉ là một hình thức diễn đạt mới mẻ với ngôn từ khác lạ, còn nội dung thì lại là Cự uớc. Nghĩa là Thế giới thực tại tương đối này do Thượng đế tuyệt đối sáng tạo ra. Những câu trả lời cho vấn nạn của Vật lý học hiện đại về bản thể học của các nhà khoa học đều sẽ rơi vào triết học Duy vật hoặc Duy tâm, đặt nền tảng trên các tiên đề được mặc định mà thực chất là các giả thiết. Vì thế nên đó đều chỉ là tư duy, lí luận suông mà thôi, không phải là sự thật thực tại, không phải là chân lý.

Vậy thế giới thực tại là gì? Đây là điều mà Đức Phật đã giác ngộ, nó khác xa hiểu biết của nhân loại, của khoa học, của Phật giáo Đại thừa phát triển về sau. Điều này đã được tuyên bố trong kinh Phạm Võng, thuộc Trường Bộ Kinh của Phật giáo Nam tông “Này các Tỳ kheo, Như Lai

nhờ như thật tuệ tri sự sinh diệt của Thọ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của Thọ mà Như Lai được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ”.

2 Đối tượng của thực tại là *CẢM THỌ*

Trước tiên phải hiểu từ thực tại là để chỉ cho một phạm trù rộng lớn, chỉ cho mọi sự vật, hiện tượng đang có mặt trong hiện tại. Trong đó có các đối tượng thực tại, là những gì được thấy, được nghe, được ngửi, được nếm, được xúc chạm, được tưởng tượng ra mà nói tắt là được thấy, được nghe, được cảm nhận. Trả lời câu hỏi thực tại là gì, cơ bản được giải quyết khi trả lời chính xác, đúng sự thật: Đối tượng của thực tại là gì? Đương nhiên nhân loại đã mặc định các đối tượng của thực tại là thế giới vật chất gồm Sáu Trần (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp trần), như phân loại theo thuật ngữ Phật học. Trong thực tại còn có tâm biết gồm Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức. Và sự việc xảy ra theo hiểu biết của nhân loại là Nhãn thức thấy Sắc trần, Nhĩ thức nghe Thanh trần, Tỷ thức ngửi Hương trần, Thiệt thức nếm Vị trần, Thân thức cảm nhận Xúc trần, Ý thức biết Pháp trần theo nguyên lý Căn biết Trần (hay Tâm biết Cảnh). Như vậy các đối tượng thực tại là Thế giới. Ví như khi Thiệt thức là tâm biết của lưỡi biết về khúc mía ngọt hay chua. Thân thức là tâm biết của tay, biết về hòn đá nặng hay nhẹ, thô hay mịn, cứng hay mềm vv... Nhưng nếu như quan sát đúng sự thật thì hiện tượng không phải như vậy. Thực tại gồm tâm biết và đối tượng được biết

không phải là Thể giới vật chất Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp trần. Thực tại không sẵn có, không thường hằng cũng không thường trú ở đâu cả, mà thực tại chỉ phát sinh khi Sáu Căn (thuộc về con người) và Sáu Trần (thuộc về thể giới) tiếp xúc nhau (hay nói chính xác là tương tác với nhau) theo quy luật Nhân quả. Cụ thể là Căn và Trần là 2 nhân tố tương tác với nhau là nguyên nhân và do nguyên nhân đó mà phát sinh kết quả là Tâm biết và Đối tượng được biết đồng thời xuất hiện:

2.1. MẮT và SẮC trần tiếp xúc nhau làm phát sinh đồng thời Nhãn thức và Cảm giác hình ảnh. Nhãn thức có phận sự ghi nhận (thấy) cảm giác hình ảnh chứ không phải Nhãn thức thấy Sắc trần như hiểu lầm của nhân loại.

2.2. TAI và THANH trần tiếp xúc nhau làm phát sinh đồng thời Nhĩ thức và Cảm giác âm thanh. Nhĩ thức có phận sự ghi nhận (nghe) cảm giác âm thanh chứ không phải Nhĩ thức nghe Thanh trần như hiểu lầm của nhân loại.

2.3. MŨI và HƯƠNG trần tiếp xúc nhau làm phát sinh đồng thời Tỷ thức và Cảm giác mùi. Tỷ thức có phận sự ghi nhận (cảm nhận) cảm giác mùi chứ không phải Tỷ thức cảm nhận Hương trần như hiểu lầm của nhân loại.

2.4. LƯỖI và VỊ trần tiếp xúc nhau làm phát sinh đồng thời Thiệt thức và Cảm giác vị. Thiệt thức có phận sự ghi nhận (cảm nhận) cảm giác vị chứ không phải Thiệt thức cảm nhận Vị trần như hiểu lầm của nhân loại.

2.5. THÂN và XÚC trần tiếp xúc nhau làm phát sinh đồng thời Thân thức và Cảm giác xúc chạm. Thân thức có phận sự ghi nhận (cảm nhận) cảm giác xúc chạm chứ không phải cảm nhận Xúc trần như hiểu lầm của nhân loại.

2.6. Ý và PHÁP trần (Pháp trần là lượng thông tin lưu giữ trong bộ nhớ) tiếp xúc nhau làm phát sinh đồng thời Tưởng thức và Cảm giác pháp trần. Tưởng thức có phận sự ghi nhận cảm giác pháp trần chứ không phải Tưởng thức biết Pháp trần.

Ví như khi có lưỡi (khoẻ mạnh) và khúc mía là hai nhân nhưng chưa tiếp xúc thì chưa cảm nhận được vị ngọt ở đâu cả. Khi lưỡi tiếp xúc với khúc mía thì lập tức xuất hiện cảm giác ngọt và đồng thời xuất hiện tâm biết Thiệt thức, cảm nhận cảm giác ngọt đó. Cũng khúc mía đó, nếu lưỡi (bệnh) tiếp xúc thì sẽ phát sinh cảm giác đắng. Vậy thì thực tại mà con người nhận biết là cảm giác vị ngọt hay đắng thuộc phạm trù tâm chứ không phải là khúc mía ngọt hay đắng, không phải là Vị trần thuộc phạm trù vật chất như hiểu lầm của nhân loại. Có tay và cục nước đá nhưng chưa tiếp xúc thì chưa cảm nhận được thực tại lạnh nào cả. Nhưng khi tay tiếp xúc cục nước đá, lập tức xuất hiện cảm giác lạnh và xuất hiện Thân thức cảm nhận cảm giác lạnh đó. Vậy thực tại được cảm nhận là cảm giác lạnh, thuộc phạm trù tâm, chứ không phải cục nước đá lạnh thuộc phạm trù vật chất như hiểu lầm của nhân loại. Cái khó nhất của sự quan sát này là thấy được, khi Mắt tiếp xúc Sắc trần làm phát sinh đồng thời Nhãn



thức cùng cảm giác hình ảnh. Và Nhãn thức thấy Cảm giác hình ảnh chứ không phải Nhãn thức thấy Sắc trần, như mặc định của nhân loại. Nếu Nhãn thức thấy Sắc trần, ví như mắt thấy cái ô tô sắt thép 4 chỗ ngồi thì đối tượng được thấy là cái ô tô thật, bao giờ nó cũng phải như nhau, không thể khác nhau dù cái ô tô 4 chỗ đó có cách mắt 4m, hay 40m, hay 400m. Nhưng sự thật không xảy ra như vậy, mà khi cái ô tô đó cách mắt 4m thì thấy to, cách mắt 40m thì thấy vừa vừa, cách mắt 400m thì thấy nhỏ bằng cái hộp diêm. Sự thật các đối tượng được thấy đó là các Cảm giác hình ảnh do cái ô tô tiếp xúc với mắt trên các khoảng cách khác nhau mà phát sinh ra nên nó khác nhau. Khoa học đã thuyết minh rõ ràng cùng một cái cây (vật chất) nhưng hình ảnh mà con người thấy, con chó thấy, con ruồi thấy, con ếch thấy... là các hình ảnh và màu sắc khác nhau. Các thực tại được các loài khác nhau thấy khác nhau, bởi đó là các cảm giác hình ảnh khác nhau, do cái cây vật chất tương tác với cấu tạo mắt khác nhau của các loài mà phát sinh. Thực tại được thấy đó là cảm giác hình ảnh, là Tâm chứ không phải Cảnh. Còn cái cây vật chất là gì thì không có loài nào thấy được cả.

Đây là những điều sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tĩnh, mỹ diệu vượt qua mọi tư duy lý luận suông, tế nhị chỉ người trí mới có khả năng giác hiểu. Nó chính là điều mà Đức Phật đã giác ngộ, tức là: “tuệ tri sự sinh diệt của Thọ” hay “tuệ tri sáu xúc xứ”. Đức Phật giác ngộ thực tại là cảm thọ chứ không phải thực tại là Thế giới.

Vậy thì các đối tượng của thực tại là 6 loại cảm giác gồm: Cảm giác hình ảnh, Cảm giác âm thanh, Cảm giác mùi, Cảm giác vị, Cảm giác xúc chạm và Cảm giác pháp trần mà thuật ngữ Phật học gọi là Cảm thọ. Có thể phân chia thực tại thành 6 loại Cảm thọ do 6 Căn tiếp xúc 6 Trần mà phát sinh như trên. Cũng có thể phân chia thực tại thành 3 loại Cảm thọ theo tính chất là Lạc thọ, Khổ thọ và Bất khổ bất lạc thọ. Các đối tượng của thực tại là Cảm thọ không sẵn có, không luôn luôn có nghĩa là không thường hằng, không thường trú ở đâu cả, nó chỉ xuất hiện khi có Xúc (Căn Trần). Nếu quan sát thô thì Xúc sinh, Cảm thọ sinh, Xúc diệt thì Cảm thọ diệt nên Cảm thọ sinh diệt, vô thường. Cảm thọ do duyên Xúc giữa Căn Trần mà phát sinh nên Cảm thọ không phải “của” Căn, cũng không phải “của” Trần nên nó vô chủ, vô sở hữu. Tương tự như vậy, các tâm biết trực tiếp ghi nhận hay nhận biết các loại Cảm thọ cũng do duyên Xúc giữa Căn Trần mà phát sinh nên cũng vô thường, vô chủ, vô sở hữu. Khi Căn Trần không tiếp xúc, thực tại không khởi lên, thực tại không có mặt. Đó là khi ngủ say không mộng寐, khi ngất đi trong một tai nạn, khi gây mê sâu lúc mổ vì lúc đó tuy có 6 Trần nhưng 6 Căn là 6 loại tế bào thần kinh không hoạt động, nên không có Xúc. Tất cả những gì mà hàng ngày con người thấy, nghe, cảm nhận, được gọi tên bởi các ngôn từ như to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, cứng mềm, thô mịn, nóng lạnh, mặn ngọt, chua cay, đàn ông, đàn bà, xe cộ, nhà cửa, hạnh phúc, khổ đau... mặt trăng mặt trời, sum la vạn tượng... đều là các cảm giác do sáu



Căn tiếp xúc sáu Trần mà phát sinh, chứ không phải thể giới vật chất như lầm tưởng của nhân loại.

Cần phân biệt rõ 3 đối tượng:

– Một là Con người mà nhân loại cho là chủ thể quan sát gồm có 6 Căn, tức 6 giác quan Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân và Ý.

– Hai là Thế giới gồm 6 đối tượng là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc và Pháp mà nhân loại cho là thực tại được quan sát.

– Ba là thực tại Cảm thọ là thực tại thực mà con người thấy, nghe, cảm nhận hàng ngày. Là do Con người (Sáu Căn) tương tác với Thế giới (Sáu Trần) mà phát sinh, vì thế nó không có sẵn ở đâu cả. Nó vô thường, vô chủ vô sở hữu (vô ngã). Sự thật thực tại Cảm thọ thuộc phạm trù tâm chứ không phải là thể giới vật chất như lầm tưởng của triết học Duy vật. Nó do Căn Trần tiếp xúc mà phát sinh chứ không phải do Thượng đế hay Bản Tâm tạo ra như lầm tưởng của triết học Duy Tâm. Sự thật về thực tại là Tâm biết và Đối tượng được biết đồng thời phát sinh, đồng thời xuất hiện chứ không phải như lầm tưởng của Duy vật là Đối tượng được biết có trước Tâm biết có sau (vật chất có trước tinh thần có sau), hay như lầm tưởng của Duy tâm là Tâm biết có trước, Đối tượng được biết có sau (tinh thần có trước vật chất có sau).

Vật lý lượng tử khi quan sát thực tại thì thấy thực tại là bất định và kết quả quan sát được không những phụ

thuộc vào đối tượng quan sát mà phụ thuộc cả vào người quan sát. Vì sao vậy? Tại vì thực tại quan sát được của Vật lý lượng tử là thực tại Cảm thọ chứ không phải thể giới vật chất. Thực tại đó là kết quả của sự tương tác giữa Con người (Sáu Căn) và Thế giới vật chất (Sáu Trần). Đương nhiên Thực tại quan sát được đó phải phụ thuộc nhân tố Con người, phụ thuộc nhân tố Thế giới và cách thức tương tác giữa hai nhân tố Con người và Thế giới nên Vật lý lượng tử đã rút ra kết luận: Kết quả quan sát được hay thực tại quan sát được không những phụ thuộc vào đối tượng quan sát mà còn phụ thuộc vào người quan sát.

Thực tại không chỉ có các đối tượng mà còn có Tâm Biết, biết về thực tại.

3 Tâm biết

Tâm biết được chia làm hai loại: Tâm biết trực tiếp và Tâm biết gián tiếp.

3.1. Tâm biết trực tiếp giác quan: Tâm lý học gọi là nhận thức cảm tính đối tượng. Trong Phật giáo xếp nó vào một nhóm gọi là nhóm Tưởng hay Tưởng uẩn. Đó là Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức và Tưởng thức. Nó phát sinh do sáu Căn và sáu Trần tương tác với nhau, nên nó vô thường, vô chủ vô sở hữu (vô ngã). Các tâm biết trực tiếp này Thánh hay Phàm đều như nhau, các loài động vật đều giống nhau, không phụ thuộc vào tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm của mỗi loài, mỗi người. Trong nó không có khái niệm, không có ngôn từ,

không có phân biệt (vô niệm, vô ngôn, vô phân biệt). Mỗi một tâm biết trực tiếp chỉ ghi nhận hay nhận biết một đối tượng duy nhất. Đối tượng là Cảm thọ như thế nào thì nó ghi nhận như thế đó, không thêm bớt bởi tri thức, khái niệm nên là biết như thật đối tượng ở mức độ cảm tính. Nhiều tôn giáo hiểu lầm tâm biết trực giác này là linh hồn, là tánh thấy, tánh biết không sinh không diệt nơi mỗi người.

3.2. Tâm biết gián tiếp Ý thức: Tâm lý học gọi là nhận thức lý tính đối tượng. Trong Phật giáo xếp nó vào nhóm Thức hay Thức uẩn, có phận sự hiểu biết, xác nhận các đối tượng mà Tâm biết trực tiếp thấy, nghe, cảm nhận đó là cái gì, tính chất ra sao. Tâm biết Ý thức phát sinh theo một lộ trình:

Xúc – [Thọ – Tưởng] – Niệm – Tư duy – [Tư tưởng – Ý thức].

Trong đó Xúc là Căn trần tiếp xúc phát sinh đồng thời [Thọ – Tưởng] tức là cảm giác và tâm biết trực tiếp Tưởng. Lượng thông tin [Thọ – Tưởng] này được truyền dẫn vào “kho chứa thông tin” (bộ nhớ) trong tế bào thần kinh não bộ, mà trong đó lưu giữ các thông tin về các tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm đã được mã hoá mà cá nhân đó đã học hỏi, tích lũy trong quá khứ. Sự tương tác giữa thông tin [Thọ – Tưởng] được dẫn vào với thông tin trong kho chứa làm phát sinh Niệm (Trí nhớ). Trí nhớ là hành vi tìm kiếm lượng thông tin “tương hợp” với thông tin [Thọ – Tưởng] được dẫn vào. Tiếp đến có sự tương tác giữa lượng thông tin [Thọ – Tưởng] dẫn vào với lượng

thông tin do Niệm tìm kiếm làm phát sinh hành vi Tư duy. Đó là hành vi phân tích so sánh, tổng hợp, phán đoán giữa hai lượng thông tin trên và hành vi Tư duy như vậy sẽ làm phát sinh kết luận. Kết luận đó chính là tư tưởng (tư duy với thông tin của Tưởng) và hành vi tư duy phát sinh không những tư tưởng mà cũng đồng thời phát sinh tâm biết Ý thức, biết tư tưởng vừa phát sinh. Vậy tâm biết Ý thức phát sinh do Niệm (Trí nhớ) và Tư duy (Suy nghĩ). Thực chất là do tương tác giữa các lượng thông tin trong kho chứa thông tin, trong bộ nhớ nên gọi là tâm biết gián tiếp. Ví như khi mắt tiếp xúc với một trái xoài phát sinh cảm giác hình ảnh và Nhãn thức. Nhãn thức thấy đối tượng nhưng Nhãn thức không biết đối tượng đó là cái gì. Hình dung như một đứa trẻ mới đẻ ra, nó chỉ thấy thôi mà không biết đó là cái gì. Tiếp đến Niệm (Trí nhớ) khởi lên, tìm kiếm trong bộ nhớ những hình ảnh tương hợp với hình ảnh được thấy. Nếu trước đây đã thấy và biết về quả xoài thì Trí nhớ sẽ tìm kiếm được thông tin đó (mà trong quá khứ đã lưu vào bộ nhớ). Tiếp đến Tư duy khởi lên sẽ phân tích, so sánh, đối chiếu hai lượng thông tin đó và phát sinh kết luận, đó là quả xoài và đồng thời Ý thức khởi lên, biết đó là quả xoài.

Nội dung mà tâm biết Ý thức biết là tư tưởng, là thông tin nên trong nó có khái niệm, có ngôn từ, có phân biệt. Vì thế mỗi loài, mỗi cá thể sẽ có tâm biết Ý thức khác nhau, Thánh Phàm đều khác nhau. Tâm biết Ý thức phát sinh do Niệm, do Tư duy sử dụng lượng thông tin trong kho chứa nhưng đó là những thông tin do tâm biết trực

tiếp lưu vào, là thông tin về Cảm thọ chứ không phải thông tin về Thế giới vật chất. Khi tư duy sẽ phải hình thành các khái niệm và đặt tên các khái niệm để phân biệt đối tượng nọ với đối tượng kia và có như vậy thì hành vi tư duy mới xảy ra được. Sự hình thành và đặt tên khái niệm xảy ra đối với các thông tin về Cảm thọ chứ không phải thông tin về Thế giới vật chất. Nên những khái niệm như to nhỏ, vuông tròn, dài ngắn, mặn ngọt, chua cay, cứng mềm, thô mịn, nóng lạnh, đàn ông, đàn bà, nhà cửa, xe cộ, mặt trăng mặt trời, không gian, thời gian... đều là các khái niệm của tâm thức về Cảm thọ, thuộc phạm trù tâm chứ không phải các khái niệm thuộc về thế giới vật chất. Nhân loại từ vô thủy đã không biết sự thật Tâm biết Tâm (thực tại thuộc phạm trù tâm) mà biết sai sự thật là Tâm biết Cảnh (thực tại là cảnh) nên đã áp đặt những khái niệm thuộc về tâm thức cho thế giới vật chất. Khái niệm Không gian và Thời gian hình thành trong quá trình tư duy gồm phân tích, so sánh, tổng hợp, phán đoán, kết luận, trừu tượng và khái quát hoá các Cảm giác hình ảnh khác nhau.

Khái niệm không gian hình thành khi so sánh Cảm giác hình ảnh khoảng không với các Cảm giác hình ảnh khác như cây cối, nhà cửa và phát sinh tư tưởng không gian bao trùm mọi vật thể. Khái niệm Không gian như vậy vốn là khái niệm tâm thức, khái niệm về Cảm thọ, hình thành do tư duy với chất liệu thông tin về Cảm thọ lại được gán cho, áp đặt cho là một thuộc tính cơ bản của thế giới vật chất.

Khái niệm thời gian cũng hình thành khi tư duy so sánh các Cảm giác hình ảnh chuyển động và Cảm giác hình ảnh đứng yên cũng là khái niệm tâm thức, khái niệm về Cảm thọ nhưng cũng bị nhân loại gán cho là một thuộc tính cơ bản của thế giới vật chất.

Chính vì vậy mà trong Vật lý cổ điển quan niệm không gian và thời gian là thuộc tính của vật chất mang tính tuyệt đối nhưng Anh-xtanh đã phát hiện ra các hiện tượng mà theo đó kết luận không gian, thời gian mang tính tương đối chứ không tuyệt đối như cơ học cổ điển. Nghĩa là không gian thời gian mang tính “co giãn”. Nhưng tuy vậy, Anh-xtanh vẫn quan niệm không gian thời gian là thuộc tính của vật chất và chính thuyết tương đối của Anh-xtanh là nền tảng cho giả thiết vũ trụ xuất hiện nhờ vụ nổ lớn Big Bang. Theo đó nguồn gốc vũ trụ là một lỗ đen “bí ẩn”. Mọi mô hình về thế giới vật chất hay là các thế giới quan đã xuất hiện trong lịch sử nhân loại, từ quan niệm trời tròn đất vuông, cửu sơn bát hải, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, tam thiên đại thiên, đến thế giới quan cơ giới, mô hình vũ trụ xuất hiện theo thuyết Big Bang... đều là sản phẩm của tâm thức. Nội dung là thông tin về cảm thọ, phát sinh nơi kho chứa thông tin. Đó thuần túy là thế giới quan do Niệm và Tư duy mà phát sinh, một thế giới tưởng tượng ra dựa trên các thông tin về Cảm thọ chứ không phải dựa trên các thông tin về thế giới vật chất nên không phải là thế giới vật chất đúng như thật.

Con người đang sống với cảm thọ. Nghĩa là thấy, nghe, cảm nhận đối tượng, rồi hiểu biết về đối tượng. Tiếp đến do hiểu biết đối tượng mà phát sinh thái độ thích ghét đối tượng, rồi muốn nắm giữ hay xua đuổi đối tượng, rồi tiếp đến có lời nói, hành động đối xử với đối tượng và cuối cùng là khổ hay vui với đối tượng. Tuy con người sống với các đối tượng đó là cảm thọ nhưng không biết đúng sự thật này mà hiểu lầm các đối tượng đó là thế giới vật chất. Cũng y như vậy, sự khủng hoảng của Vật lý học hiện đại là do tâm biết Ý thức của nhân loại hiểu biết sai sự thật, hiểu biết sai thực tại. Vốn các đối tượng được thấy, được nghe, được cảm nhận của thực tại là cảm thọ thuộc phạm trù tâm thì Ý thức lại hiểu lầm là thế giới vật chất. Sự hiểu lầm này giống như truyện ngụ ngôn “Con gà trống có cái mào đỏ chói”. Con chồn thấy cái mào đỏ chói của con gà trống nhưng lại hiểu lầm nó là cục lửa nên hoảng hốt bỏ chạy mỗi khi gặp gà trống.

4 Con người có thể hiểu biết về thế giới vật chất hay không?

Tâm biết trực tiếp Tưởng gồm Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Tưởng thức chỉ nhận biết các cảm thọ chứ không nhận biết được thế giới vật chất nhưng Tâm biết ý thức, do suy luận hợp lý từ các thông tin mà tâm biết trực biết ghi nhận có thể biết về thế giới vật chất. Ví như khi Nhãn thức thấy hình ảnh những cành cây đang chuyển động, lung lay về một phía thì tâm biết ý thức do tư duy suy luận mà biết có gió thổi tương tác với

các cảnh cây đổ. Tâm biết ý thức, biết đang có gió thổi, là biết gián tiếp do suy luận chứ không thể nhận biết được hình dạng, màu sắc, mùi, vị, nặng nhẹ, cứng mềm của gió. Biết có sóng điện từ là biết gián tiếp do suy luận nhiều bước. Vì loại vật chất này không tương tác với mắt tai mũi lưỡi thân mà tương tác với các sắc pháp khác như tivi, điện thoại, rồi vật thể trung gian đó mới tương tác với mắt tai. Thông qua nhãn thức thấy cảm giác hình ảnh qua màn hình, nhĩ thức nghe cảm giác âm thanh qua điện thoại, ý thức khẳng định có sóng điện từ nhưng không thể biết được sóng điện từ có hình dáng, màu sắc, mùi vị, cứng mềm, nặng nhẹ như thế nào. Thông qua tâm biết trực tiếp nhận biết cảm giác hình ảnh, cảm giác âm thanh, cảm giác mùi, cảm giác vị, cảm giác xúc chạm, Tâm biết ý thức do tư duy suy luận hợp lí khẳng định có Thế giới vật chất gồm 5 đối tượng là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc. Nhưng hoàn toàn không thể biết có hay không có hình dáng, màu sắc, mùi, vị, cứng mềm, nặng nhẹ, nóng lạnh... của thế giới vật chất.

Do quan sát với tâm biết trực tiếp và suy luận hợp lí, Tâm biết gián tiếp Ý thức có thể biết đúng sự thật về quy luật nhân quả hay lý duyên khởi: Tất cả các sự vật hiện tượng vật chất và tinh thần đều phát sinh theo quy luật *“hai nhân tương tác với nhau rồi cùng diệt và phát sinh các quả”*. Thông qua hình ảnh mà nhãn thức thấy, ý thức do tư duy, suy luận hợp lí mà biết: Một gói thuốc nhuộm đỏ tiếp xúc với một chậu nước trong thì cả hai cùng diệt và phát sinh chậu thuốc nhuộm đỏ; trống và dùi tương tác



với nhau thì trống cũ và dùi cũ diệt phát sinh tiếng trống cùng trống mới dùi mới; Căn Trần tiếp xúc nhau rồi Căn Trần đó diệt phát sinh Cảm giác và tâm biết trực tiếp cùng Căn Trần mới; Hay bao thóc tiếp xúc với ruộng được cày bừa kỹ thì phát sinh ruộng mạ; Tiếp đến ruộng mạ tiếp xúc với môi trường (nước, ánh sáng, không khí...) phát sinh ruộng lúa chín vàng; Tiếp đến ruộng lúa chín vàng tiếp xúc máy gặt phát sinh bao thóc; Bao thóc tiếp xúc máy xay phát sinh bao gạo; Bao gạo tiếp xúc với (nồi nước lửa) phát sinh cơm; Cơm tiếp xúc răng lưỡi... Và quá trình nhân quả cứ tiếp tục diễn tiến vô cùng vô tận như vậy theo quy luật Nhân diệt Quả sinh. Nếu bao thóc tiếp xúc với đàn vịt, hay với đồng lửa, hay với đường nhựa... thì các lộ trình nhân quả nối tiếp nhau sẽ xảy ra khác nhau theo quy luật hai nhân tương tác với nhau cùng diệt và phát sinh quả. Với sự quan sát thực tại bởi tâm biết trực tiếp và tư duy suy luận hợp lý thì tâm biết gián tiếp Ý thức sẽ hiểu biết đúng sự thật về quy luật nhân quả. Do vậy sẽ có hiểu biết đúng như thật là tất cả các sự vật, hiện tượng thuộc tinh thần và vật chất, tức Danh và Sắc đều đang sinh lên rồi diệt đi, nên nó vô thường, nghĩa là không thường hằng, không thường trú đâu cả. Quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng chỉ là tương tác với nhau rồi cùng diệt theo quy luật nhân diệt quả sinh, nên không có quan hệ chủ nhân, chủ sở hữu, không có quan hệ lệ thuộc nhau, không phải nương nhau cùng tồn tại, nên các pháp có tính chất vô chủ, vô sở hữu. Điều này đồng nghĩa không có một cái Ta, một Bản ngã hay bất kỳ một thực

thể nào là chủ nhân, chủ sở hữu các pháp, nghĩa là các pháp vô ngã. Tất cả các pháp Danh và Sắc đều sinh diệt vô thường, vô chủ vô sở hữu (vô ngã).

Điều quan trọng là thấy biết như thật sự tương tác của hai nhân mới phát sinh quả, không bao giờ một nhân (hay nhân chính) biến đổi thành quả như hiểu lầm của nhân loại, của khoa học. Tương tác hay còn gọi là Duyên Xúc đã nêu rõ phải có hai nhân mới tương tác, mới tiếp xúc chứ một nhân thì không thể có tương tác, không thể có tiếp xúc. Tương tác giữa hai nhân có thể là tương tác vật lí, tương tác hoá học, tương tác sinh học. Quán sát và tư duy sự tương tác giữa hai vật thể thì sẽ đưa đến kết quả đúng vì lúc đó không lệ thuộc vào quan điểm. Ví như trước khi Ga-li-lê phát hiện Quả đất quay quanh Mặt trời thì lúc đó người ta quan niệm Mặt trời quay quanh Quả đất. Tuy quan niệm sai như vậy nhưng từ thời thượng cổ người ta đã tìm ra quy luật xác định chính xác các thời điểm xảy ra nhật thực, nguyệt thực. Vì sao vậy? Vì khi đó họ chỉ quan sát và tư duy trên sự tương tác giữa Mặt trời và Quả đất, Mặt trời và Mặt trăng, Mặt trăng và Quả đất. Lúc đó không hề sử dụng quan điểm cái nào quay quanh cái nào. Vì quan niệm một nhân sinh quả nên nhân trong quả, quả trong nhân, vật lý học gán cho vật chất có khối lượng và năng lượng. Họ dùng cái cân cân vật đó lên rồi qua công thức lực hấp dẫn họ xác định vật đó có khối lượng 1 kg và khối lượng 1 kg là thuộc tính của vật đó, sẵn có, luôn luôn có, thường hằng, thường trú nơi vật đó. Nhưng nếu họ đưa vật đó và cái cân đó lên tàu vũ trụ với



cách tính toán và suy luận như vậy thì khối lượng vật đó bằng 0 kg. Hoặc tại mặt trăng thì sẽ bằng 0,6 kg chẳng hạn... Vậy thì khối lượng không phải là tuyệt đối mà nó cũng tương đối. Nó cũng co giãn như không gian và thời gian chẳng? Không phải vậy, khái niệm khối lượng được suy ra từ lực hấp dẫn và nó là biểu hiện kết quả tương tác giữa hai vật thể chứ không phải tính chất của vật thể đó. Khi quan sát và tư duy trên sự tương tác giữa hai vật thể người ta tìm được công thức lực hấp dẫn. Nó biểu hiện rõ có hai vật thể tham gia vào công thức, thể hiện sự tương tác. Vì vậy, kết quả đúng do quan sát và tư duy trên sự tương tác của hai vật thể, còn quan điểm sử dụng kết quả đó là sai. Cũng y như vậy, năng lượng không phải là thuộc tính của vật chất, không sẵn có, không thường xuyên có, không thường hằng, không thường trú trong vật chất, nó là kết quả phát sinh khi có tương tác giữa hai vật thể (lửa không sẵn có trong cành cây mà nó phát sinh khi hai cành cây cọ xát với nhau). Vì vậy, khoa học không thể tìm thấy cái phần vật chất căn bản vi tế gọi là sự sống nằm trong phần sâu kín nào đó của tế bào sống vì sự sống, sức khỏe đều do tương tác mà phát sinh. Nó không thường hằng, không thường trú ở đâu cả. Nó sinh diệt nhanh chóng. Hình dung như từng “xung” một nối tiếp nhau thành một chuỗi nhưng gián đoạn chứ không phải liên tục, giống như vật lý học phát hiện ra bức xạ nhiệt là gián đoạn chứ không liên tục, mà từ phát hiện đó vật lý lượng tử ra đời. Mọi sự vật và hiện tượng khác cũng đều như vậy.

Con người không thể thấy, nghe, cảm nhận trực tiếp vật chất mà chỉ có thể biết vật chất qua “suy đoán” từ kết quả phát sinh do sự tương tác trực tiếp hay gián tiếp của vật chất lên 5 giác quan mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của con người. Hai dạng của vật chất là dạng hạt và dạng sóng mà khoa học khẳng định có thật là do suy luận về kết quả tương tác trực tiếp hoặc gián tiếp lên 5 giác quan. Vậy thì, liệu còn có dạng vật chất nào khác nữa không thì vật lý học không thể trả lời được. Có rất nhiều hiện tượng xảy ra mà khoa học với quan niệm vật chất tồn tại dưới dạng hạt và dạng sóng không thể lý giải được, phải chăng là hiện tượng phát sinh do những dạng vật chất khác tương tác với nhau, tương tác với vật chất dạng hạt, dạng sóng?

Khoa học thực nghiệm do quan sát và tư duy sự tương tác giữa hai nhân tố mà có thể mô tả kết quả sự tương tác bằng các công thức toán học tương đối chính xác do lúc đó thoát ra ngoài quan niệm một nhân sinh quả, nhân biến đổi thành quả, thoát ra khỏi các quan niệm của triết học. Vì vậy, khoa học thực nghiệm có thể có được những hiểu biết đúng sự thật về thế giới vật chất nếu quan sát và tư duy trên sự tương tác giữa hai nhân tố mà thực chất là tương tác thông tin và bỏ ra ngoài các quan niệm triết học. Nhưng những hiểu biết của khoa học thực nghiệm như vậy cũng chỉ là một ít mảnh ghép rời rạc về thế giới vật chất chứ không thể hiểu biết trọn vẹn, đầy đủ, đúng sự thật về thế giới vật chất. Chỉ có một điều chắc chắn là các Sắc pháp đó đang liên tục tương tác với nhau từng đôi một nên đang sinh lên và diệt đi liên tục. Không có một

Sắc pháp nào tồn tại bền vững lâu dài kể cả vật chất dạng hạt và dạng sóng cũng do tương tác mà phát sinh, không có sẵn ở đâu cả. Vì thế không thể tưởng tượng ra một mô hình thế giới nào, một thế giới quan nào phù hợp với thế giới vật chất, vì nó không tương hợp với tính sinh diệt nhanh chóng của vật chất. Hiểu biết về vật chất của khoa học chỉ là một ít mảnh ghép rời rạc do suy đoán mà có được nên truy tìm nguồn gốc vật chất, truy tìm nguồn gốc vũ trụ do đâu mà có là ảo tưởng của một số nhà khoa học dựa trên những hiểu biết không đúng sự thật.

5 Tương tác thông tin

Thông tin là một chuyên ngành khoa học mới ra đời nhưng đã có những thành tựu làm thay đổi thế giới và nhận thức của con người. Trong chuyên ngành thông tin có nhiều bộ môn khác nhau như truyền dẫn thông tin, mã hoá, lưu giữ thông tin... nhưng đặc sắc nhất sẽ làm thay đổi nhận thức của nhân loại trong tương lai là chuyên ngành nghiên cứu quy luật tương tác thông tin. Thành quả lớn nhất của công nghệ thông tin là chế tạo được máy vi tính do “bắt chước” được hành vi Trí nhớ (Niệm) và hành vi Tư duy của con người. Đương nhiên máy tính còn có một bộ phận cực kỳ quan trọng là bộ nhớ hay ổ cứng lưu trữ các thông tin đã được cài đặt (phần mềm). Hành vi tìm kiếm “thông tin tương hợp” trong bộ nhớ với thông tin được tiếp nhận, tương tự như Trí nhớ hay Niệm và hành vi phân tích, so sánh, tổng hợp, phán đoán, kết luận giữa hai lượng thông tin trên (một tiếp nhận từ

ngoài và một là do công cụ tìm kiếm) là bắt chước hành vi Tư duy của con người. Đối với con người, muốn cho tâm biết Ý thức khởi lên được thì phải có Niệm (Trí nhớ), phải có Tư duy và phải có “kho chứa thông tin” hay bộ nhớ lưu trữ những thông tin về các tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm đã học hỏi trong quá khứ. Những thông tin được lưu trữ trong kho chứa này, thuật ngữ Phật học gọi là Pháp trần, nó là Danh pháp chứ không phải là Sắc pháp.

Nhưng kho chứa tâm thức này đặt ở đâu trong con người? Những thông tin này không thể lưu giữ trong các lộ trình tâm bởi các lộ trình tâm đang sinh diệt, vậy thì chỉ có thể được lưu giữ nơi thân thể. Và nơi duy nhất trong thân thể có thể lưu giữ thông tin là cấu trúc ADN của nhân tế bào. Khoa học đã giải mã được các thông tin di truyền trong 5% lượng gen của ADN còn 95% lượng gen chứa cái gì thì khoa học đang bó tay. Đó là khoảng trống mà khoa học nghi vấn. Chính 95% lượng gen trong ADN mà khoa học nghi vấn đang lưu giữ lượng thông tin pháp trần, là bộ nhớ của tâm thức. Chứng cứ của sự thật này là việc thay tim ghép tạng của ngành y khoa. Ngành y khoa đã chứng kiến sự thay đổi thói quen, thay đổi tính cách của người nhận tạng theo thói quen, tính cách của người cho tạng.

Các nhà khoa học tỏ ra bối rối trước hiện tượng này và đề ra nhiều cách giải thích trong đó có đề xuất khái niệm “trí nhớ tế bào” nhưng đều không có tính thuyết phục. Sự kiện này xác nhận thông tin trong bộ nhớ tâm



thức từ tạng của người cho đã truyền sang bộ nhớ tâm thức của người nhận. Vì vậy, hằng định lượng thông tin Pháp trần được lưu giữ trong cấu trúc ADN của các tế bào. Ví như có một thanh niên được thay tim từ một người tai nạn giao thông và sau khi lành lặn thì có điều kỳ lạ xảy ra. Hễ anh ta thấy cha mẹ anh em bạn bè của mình thì vẫn biết rõ và cư xử với họ theo tính cách trước đây. Nhưng hễ anh ta thấy cha mẹ anh em, bạn bè người đã chết (người cho tim) thì vẫn biết rõ và cư xử với tư cách và tính cách của người đã chết. Sự kiện này xảy ra như sau: Vì lượng thông tin Pháp trần của người chết được lưu giữ nơi cấu trúc ADN của các tế bào, trong đó có tế bào tim nên khi thay tim thì lượng thông tin Pháp trần của người chết sẽ được truyền dẫn vào cấu trúc ADN của người nhận tạng và trong bộ nhớ tâm thức của người nhận tạng sẽ có hai lượng thông tin Pháp trần của người sống và người chết. Vì vậy khi mắt anh ta tiếp xúc với cha mẹ, anh em, bạn bè người sống phát sinh đồng thời cảm giác hình ảnh và nhãn thức. Lúc đó, Nhãn thức chỉ ghi nhận đối tượng nhưng không biết đối tượng đó là cái gì, là ai. Tiếp đến Niệm khởi lên tìm kiếm thông tin tương hợp trong bộ nhớ và tìm được thông tin tương hợp của người sống và tiếp đến là Tư duy sẽ phân tích so sánh hai lượng thông tin và kết luận phát sinh tâm biết Ý thức biết đó là cha mẹ, anh em, bạn bè mình và sẽ cư xử theo các thông tin của người sống. Tương tự khi mắt tiếp xúc với cha mẹ anh em bạn bè người chết thì Niệm sẽ tìm kiếm thông tin tương hợp và đó là thông tin pháp trần của người chết và Tư duy

khởi lên đưa đến Ý thức biết đây là cha mẹ anh em bạn bè của mình và cư xử với tính cách của người chết. Vậy thì không phải có hai linh hồn, không phải có hai tâm thức độc lập với não bộ mà lộ trình Tâm sử dụng hai loại thông tin trong bộ nhớ tâm thức nơi cấu trúc ADN của tế bào. Khoa học cũng có khái niệm thông tin tương tự nhưng cho rằng thông tin được chứa trong các nếp nhăn của não bộ và quan điểm đó không đúng sự thật vì ở đây thay tim chứ đâu có thay não.

Như vậy trong cấu trúc ADN của tế bào thân thể có hai lượng thông tin: thông tin di truyền và thông tin Pháp trần (thông tin về tâm thức).

Sự tương tác giữa 6 Căn và 6 Trần được xem là tương tác giữa hai loại vật chất là nói theo quan niệm bình thường của nhân loại. Theo quan niệm nhị nguyên Tâm Vật tách biệt để có thể dễ lĩnh hội cho đa số nhưng nếu như quan sát sâu sắc hơn, vì tế hơn thì đó là tương tác thông tin. Lấy ví dụ như một chiếc điện thoại Smartphone trong đó có rất nhiều phần mềm, nhiều loại thông tin được cài đặt như Youtube, Google, FB... và trong mạng internet cũng có rất nhiều loại thông tin nhưng khi máy hoạt động ở chế độ nào thì thông tin của phần mềm đó chỉ tương tác được với một loại thông tin tương hợp chứa trong mạng internet chứ không tương tác được với mọi thông tin trong mạng. Thông tin của phần mềm FB chỉ tương tác được với loại thông tin FB trên mạng chứ không thể tương tác được với thông tin Google, Youtube... cũng đang có



trên mạng. Tương tự như vậy, tương tác giữa Mắt và Sắc trần là tương tác giữa lượng thông tin có trong luồng ánh sáng từ vật thể đó truyền đến mắt (ánh sáng đó mang thông tin của vật thể giống như sóng truyền hình mang thông tin) và lượng thông tin di truyền của tế bào thần kinh thị giác nằm trên võng mạc. Sự tương tác hai loại thông tin này là sự tương tác của hai Danh pháp làm phát sinh đồng thời Cảm giác hình ảnh và Nhãn thức cũng là hai Danh pháp chứ không phải là tương tác giữa hai loại vật chất, (Sắc pháp). Tương tác giữa Tai với Thanh trần, Mũi với Hương trần, Lưỡi với Vị trần, Thân với Xúc trần, Ý với Pháp trần đều là tương tác giữa các thông tin từ các đối tượng vật chất đó với lượng thông tin di truyền của các tế bào thần kinh thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác và tế bào thần kinh não bộ. Sự kiện này cũng xác nhận lượng tin di truyền của các tế bào thần kinh có phần giống nhau nhưng cũng có phần khác nhau nên thông tin di truyền nơi tế bào thị giác chỉ tương hợp với thông tin từ sắc trần, thông tin di truyền của tế bào thính giác chỉ tương hợp với thông tin từ thanh trần...

Sự kiện này cũng xác nhận là các sự vật hiện tượng vật chất đều có chứa đựng thông tin và như vậy không hề có vật chất thuần túy như hiểu biết của nhân loại, của triết học từ trước tới nay. Trong vật chất có thông tin, có tinh thần chứ không có vật chất thuần túy. Khám phá vật chất là khám phá lượng thông tin chứa đựng trong đó. Trong mạng internet có sóng điện từ là vật chất, là Sắc và có thông tin mà sóng đó mang tải là tinh thần, là Danh; một

trang sách có giấy và mực là Sắc và thông tin chứa đựng trong đó là Danh; một thân cây được cắt ngang thì gỗ và các đường vân là Sắc nhưng các đường vân đó có chứa thông tin cho biết cây gỗ đó có bao nhiêu năm tuổi là Danh. Khi bàn chân tương tác với bàn đạp xe đạp thì sẽ phát sinh kết quả là chiếc đĩa quay; đĩa quay tương tác với dây xích phát sinh xích chạy; xích chạy tương tác với líp phát sinh bánh xe quay; bánh xe quay tương tác với mặt đường phát sinh xe đi chuyển. Đây là một lập trình đã được cài đặt khi chế tạo xe đạp. Nó là lượng thông tin chứa đựng nơi chiếc xe đạp vật chất và không thể có một chiếc xe đạp vật chất thuần túy mà trong nó có chứa đựng thông tin, chứa đựng tinh thần.

Phạm trù tâm gồm các Cảm thọ (nhóm Thọ), các loại tâm biết trực tiếp Tưởng (nhóm Tưởng), các tâm hành như niệm, tư duy, thích ghét, chú tâm, tác ý, khổ vui... (nhóm Hành) và tâm biết gián tiếp ý thức (nhóm Thức) mà thuật ngữ Phật giáo gọi là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Cần phải bổ sung thêm một Danh pháp nữa là thông tin pháp trần được lưu giữ trong các Sắc pháp, trong bộ nhớ của tâm thức. Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều do tương tác thông tin mà phát sinh nên nó vô thường và vô ngã (vô chủ vô sở hữu).

Nhưng các loại tâm biết không phải là đặc quyền của con người và động vật nhờ có nơi lưu giữ thông tin trong ADN của vật chất hữu cơ sống mà nó có thể phát sinh do tương tác thông tin nơi vật chất vô cơ. Ngày nay công



nghệ thông tin đã chế tạo ra máy bay không người lái, ô tô tự lái, vô vàn các loại rô bốt. Với sự phát triển mau lẹ của các thiết bị cảm ứng sinh học, các rô bốt không còn giới hạn bất chước con người chỉ với hai giác quan là mắt và tai mà nó sẽ xử lý điều luyện các thông tin xúc chạm như con người. Với phần mềm tự học, nó có thể tự học để tự thu thập và cài đặt các tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm vào bộ nhớ như một đứa trẻ đang học hỏi trong quá trình lớn lên. Rõ ràng không thể nào phủ nhận các thiết bị là vật chất vô cơ đó vẫn thấy, nghe, cảm nhận, nhận thức và có lời nói hành động đối xử với đối tượng chẳng khác gì con người. Vậy thì cái gọi là Tâm biết là do tương tác thông tin mà phát sinh ra, không phải là của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, không phải là linh hồn do Thượng đế thổi vào con người, không phải là tính thấy, tính nghe, tính biết không sinh không diệt sẵn có nơi mỗi chúng sinh. Vì thế không có một thực thể linh hồn, một tự ngã hay bản ngã nào là chủ nhân chủ sở hữu của tâm biết nghĩa là tâm biết vô ngã.

6 Thực tại Hoá sinh và tương tác giữa Con người và Hoá sinh

Con người tham ái sự sống, sự hiện hữu vì cho rằng sống là hạnh phúc, còn hiện hữu là còn hạnh phúc, chết là đau khổ, chết là mất tất cả. Tham ái sự sống, sự hiện hữu mà thuật ngữ Phật học gọi là Hữu ái, được lưu giữ dưới dạng thông tin trong bộ nhớ tâm thức và khi có tình huống bên ngoài đe dọa sự sống thì Niệm (Trí nhớ) sẽ kích hoạt

thông tin Hữu ái lên, đặc biệt là trong khi hấp hối, làm phát sinh sự sợ hãi, hoảng loạn với cái chết, phát sinh sự tha thiết sống, bám víu sự sống, tìm kiếm sự sống. Khi tế bào não chết, do Hữu ái kích hoạt như vậy mà sẽ có một sự đột biến nơi cấu trúc ADN. Do sự đột biến xảy ra trong các tế bào thần kinh não bộ mà sẽ phát sinh ra một loại vật chất rất vi tế mang lưỡng tính sóng hạt, thoát ra khỏi não bộ, thoát ra khỏi cơ thể. Loại vật chất vi tế mang lưỡng tính sóng hạt này có khả năng mang tải lượng thông tin trong ADN của tế bào thần kinh não bộ, gồm thông tin Di truyền và thông tin Pháp trần của người chết. Hình dung như khi viết một tin nhắn trên điện thoại và bấm [Ok] thì máy điện thoại sẽ phát ra sóng điện từ (vật chất) mang tải tin nhắn (thông tin) đến máy nhận. Cái phần thoát ra khỏi não bộ không phải là tâm thức mà gồm vật chất là Sắc và thông tin là Danh (tức cả Danh và Sắc). Trong thực thể Danh và Sắc này có hai loại thông tin: thông tin Di truyền của tế bào thần kinh não bộ và thông tin Pháp trần của người chết và do vậy sẽ có tương tác giữa hai loại thông tin đó nên phát sinh lộ trình Tâm, trong đó Tâm biết trực tiếp là Tưởng thức và Tâm biết gián tiếp là Ý thức giống như lộ trình Tâm thứ 6 (Ý tiếp xúc Pháp trần) của người sống. Đây gọi là Hoá sinh. Hoá sinh chỉ có một lộ trình Tâm duy nhất này, chứ không phải 6 lộ trình Tâm như con người có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Hình dung giống như một người đang trong giấc mộng, lúc đó 5 giác quan ngủ say còn thần kinh não bộ lơ mơ nên chỉ có một lộ trình Tâm Ý tiếp xúc Pháp trần và

mọi cảnh được thấy biết đều là “cảnh ảo”. Hoá sinh có thể tồn tại trong không gian này vài ba ngày, vài ba năm, vài trăm năm, vài ngàn năm... tùy theo nghiệp đã tạo tác trong đời người đó, đang được lưu giữ trong thông tin Pháp trần. Tùy theo nghiệp đã tạo tác trong đời sống trước, lộ trình Tâm sẽ phát sinh ra các cảnh ảo lành dữ, đáng sợ, khủng khiếp khác nhau. Hoá sinh lại cho đó là những cảnh thực của một thế giới khác (tâm linh) và sẽ chiêu cảm khổ vui theo các cảnh đó. Các tôn giáo dựa vào mô tả, dựa vào hiểu biết của Hoá sinh mà chia ra cảnh giới Địa ngục, Thiên đường hay Chư thiên, Atula, Ngạ quỷ... Khi nào các thông tin nghiệp đã tạo tác trong kiếp người tương tác cho đến cạn kiệt thì Hoá sinh sẽ tương tác được với một hợp thể trứng và tinh trùng tương hợp, rồi cả hai cùng diệt và phát sinh một bào thai. Bào thai đó có Danh và Sắc, mà Sắc pháp là phần vật chất của Trứng và Tinh trùng còn Danh pháp gồm 4 loại thông tin: Thông tin Di truyền của bố, mẹ, của người chết và Thông tin Pháp trần của người chết. Bào thai đó tương tác với dưỡng chất và sau hơn chín tháng thì phát triển thành một đứa bé ra đời. Vậy cái đi tái sinh, cái được truyền từ người chết sang một bào thai là lượng thông tin Di truyền và thông tin Pháp trần của người đó chứ không phải là một linh hồn không sinh không diệt.

Hoá sinh không những thấy biết các “cảnh ảo” do lộ trình Tâm tương tự Ý tiếp xúc Pháp trần mà nó vẫn có thể thấy biết thực tại đang diễn ra qua tâm người khác. Vì loại vật chất của Hoá sinh có lưỡng tính sóng hạt nên Hoá

sinh có thể xuyên qua tường vách, cây cối, thân thể con người. Khi xuyên qua thân thể con người thì thông tin Di truyền và thông tin Pháp trần của Hoá sinh có thể tương tác với thông tin Pháp trần của người đó, làm phát sinh tâm biết Tưởng thức và Ý thức, thấy biết những gì mà người đó thấy biết thực tại đang diễn ra (tôn giáo gán cho cái biết như vậy là tha tâm thông). Hiện tượng cận tử (mà nhiều nhà nghiên cứu cho rằng tâm thức tồn tại độc lập với não bộ) chính là hiện tượng Hoá sinh thấy xác mình, thấy các bác sĩ, y tá đang mổ xẻ xác mình, thực chất là Hoá sinh thấy biết qua tâm các bác sĩ hoặc y tá, thấy biết thực tại mổ xẻ đang diễn ra. Tuy Hoá sinh thấy biết thực tại đang diễn ra, nhưng qua kho chứa thông tin của người khác và đó chỉ là cảnh ảo giống như thấy biết nơi màn ảnh vậy. Vô vàn Hoá sinh đang tồn tại với con người trong cùng một không gian này và vì vậy sẽ có sự tương tác giữa Con người và Hoá sinh với các mức độ khác nhau.

6.1. Mức độ thứ nhất: Hoá sinh có khả năng đọc được các thông tin pháp trần trong bộ nhớ tâm thức của con người hoặc các Hoá sinh khác giống như hacker có thể thâm nhập và lấy cắp thông tin trong các bộ nhớ của máy tính khác. Ví như trong một số trường hợp gọi hồn, có một Hoá sinh trợ giúp đọc được các thông tin trong bộ nhớ của thân chủ đi gọi hồn (có trường hợp đọc được thông tin của Hoá sinh người chết) cung cấp cho con đồng nói ra.

6.2. Mức độ thứ hai: Hoá sinh và con người đó có thông tin tương hợp (có duyên với nhau) trong bộ nhớ nên Hoá sinh có thể đưa thông tin pháp trần của Hoá sinh vào kho chứa của người đó. Khi lộ trình tâm của người đó khởi lên, sẽ sử dụng những thông tin của Hoá sinh (giống như thay tim) nên tâm biết ý thức, thái độ, lời nói, hành động của người đó sẽ bị chi phối bởi Hoá sinh, nhưng những người đó không hề biết là do Hoá sinh tương tác. Đây là hiện tượng phổ biến sâu rộng trong đời sống nhân loại. Ví như một người mẹ chết đột ngột vì tai nạn giao thông có thể tương tác làm cho người con mơ thấy mẹ báo cho biết, người nợ người kia còn nợ bao nhiêu tiền và người con kiểm tra lại thì những người nợ tiền đều công nhận. Rất nhiều cô gái, nhiều thanh niên bị các Hoá sinh theo đuổi nên tình duyên rất lận đận. Họ có thể có tình cảm, yêu đương một người nào đó nhưng bị các Hoá sinh tương tác nên có nhiều thời điểm, thậm chí là thời điểm sắp cưới họ hoặc người kia bị tương tác nên có lời nói hoặc hành động kỳ quặc khiến cuộc tình tan vỡ. Có người đàn ông 60 tuổi chết và Hoá sinh đó quá thương người vợ già không ai chăm sóc đã tương tác được vào một thanh niên hai mươi tuổi. Anh thanh niên yêu thương cụ bà hơn mình 40 tuổi và sống hạnh phúc như vợ chồng. Có Hoá sinh trong một lễ cầu siêu đã xin ông thầy làm lễ hằng thuận cho mình với người mà nó đang theo và kiếp trước là chồng nó. Hiện tượng ngoại cảm là do các Hoá sinh cung cấp thông tin mà nó thu thập được của người khác hoặc Hoá sinh khác vào bộ nhớ của nhà ngoại cảm và nhà

ngoại cảm “thấy biết” nhiều điều kỳ lạ là do Hoá sinh cung cấp. Chữa bệnh bằng thôi miên là người bệnh bị ám ảnh bởi một vấn đề gì đó trong quá khứ thuộc tiền kiếp mà họ không biết nên gây ra các chứng bệnh thuộc tâm thần và khi nhà thôi miên nhờ có Hoá sinh tương tác nên đã tìm ra và kích hoạt được thông tin về sự việc trong quá khứ được lưu giữ ở đáy sâu kho chứa (có thể thuộc về tiền kiếp nên bệnh nhân không nhớ được). Trong trạng thái thôi miên, bệnh nhân đó thấy sự việc đã xảy ra trong quá khứ và rồi tự mình hoặc nhờ tư vấn mà hoá giải được sự việc và khỏi bệnh. Có một số đại gia giàu có hoặc một số nhà chính trị rất thành công nhưng hiểu biết của họ không có gì xuất sắc là nhờ duyên với những Hoá sinh đặc biệt có khả năng thu thập và cung cấp nhiều thông tin vào bộ nhớ của họ. Vì thế, họ có được nhiều thông tin chính xác về vấn đề đó hơn hẳn người khác, nên họ xử lý vấn đề tốt hơn người khác (đây là yếu tố may mắn trong kinh doanh, trong chính trị). Có những phát minh khoa học xảy ra rất kỳ dị là do những Hoá sinh có loại kiến thức đó cung cấp thông tin vào kho chứa làm cho nhà khoa học thấy ra điều đó một cách không bình thường. Cách đây nhiều nghìn năm các miền đất, các châu lục rất cách biệt nên không thể trực tiếp học hỏi nhau nhưng tại sao nơi nào, ở đâu người ta cũng biết dệt vải, làm đồ gốm, luyện sắt đồng. Các kiến trúc Ai cập 5000 năm trước vẫn có mặt tại Nam Mỹ... Phải chăng kiến thức đó có được ở các châu lục là nhờ tương tác của những Hoá sinh có kiến thức ấy cung cấp? Đặc biệt là Hoá sinh của những người

tu hành với nhiều trường phái tôn giáo có hiểu biết khác nhau, tu luyện khác nhau, đối với người thành tựu một lĩnh vực nào đó thì họ chấp cứng vào thành tựu đó nên Hoá sinh của họ tồn tại rất lâu dài. Các Hoá sinh đó khi tương tác được với người tu hành hiện tại thì sẽ có thể làm cho người đó đạt được một số năng lực. Ví dụ như định rất cao và an trú nhiều đêm ngày liền không ăn không uống. Có một số trường hợp người tu thiền đang ở trong trạng thái nửa ngủ nửa thức (trạng thái thôi miên) Hoá sinh có duyên nghiệp với người đó sẽ cài đặt thông tin mà Hoá sinh đã tu luyện và chấp thủ là chân lí, là tối cao, là giác ngộ. Trong trạng thái thôi miên như vậy người đó nghĩ rằng mình đã đạt được những điều kỳ diệu, cao cả, đã giác ngộ, đã hoà nhập với Thượng đế, với bản thể giống như người bình thường mơ một giấc mơ đẹp, rất sung sướng khi thấy mình viết được một cuốn sách, hay sáng tác được một bản nhạc mà cả thế giới phải khâm phục. Nhưng khác với người nằm mơ khi tỉnh dậy biết mình mơ thì mọi thông tin đó được xoá liền khỏi bộ nhớ nhưng người tu trong trạng thái thôi miên như vậy khi tỉnh hẳn vẫn tin là mình đạt được điều đó và do vậy các thông tin đó được cài đặt vĩnh viễn vào bộ nhớ và người đó tuyên bố mình đã chứng ngộ chứng kia. Những điều người đó nói ra sau đó là tổng hợp giữa kiến thức người đó và kiến thức Hoá sinh đã cài đặt mang nặng các tà kiến, chấp thủ, mù quáng. Nhiều người khi nghe họ tuyên bố, do lượng thông tin trong kho chứa có sự tương hợp nên xảy ra tương tác. Họ cảm nhận được phần nào trạng

thái mà ông ta đã cảm nhận trong trạng thái thôi miên. Do vậy, họ tin tưởng một cách cực đoan, mù quáng vào ông ta. Mức độ lan rộng của thông tin Hoá sinh cài đặt như thế nào đến các đệ tử của ông ta thì phụ thuộc năng lực của Hoá sinh và số người có duyên nghiệp với thông tin đó. Đây là cách thức xuất hiện các tôn giáo và đặc biệt ngày nay đây là phương cách nở rộ các giáo phái, các loại tà đạo cực đoan, mù quáng.

6.3. Mức độ thứ ba: Không phổ biến, rất ít xảy ra, đó là những Hoá sinh mà kiếp trước tu luyện về khí công, tu tiên, tu luyện để được trường sinh bất lão, những thầy thuốc có những thành tựu lớn trong việc chữa bệnh (như bấm huyệt châm cứu chẳng hạn) thì các Hoá sinh đó có thể tương tác trực tiếp hoặc gián tiếp qua một người, vào cấu trúc ADN của người bệnh và chữa được một số bệnh nào đó. Có những Hoá sinh thông qua người trung gian có thể cài đặt lập trình lời nói của Hoá sinh vào bệnh nhân câm điếc bẩm sinh và bệnh nhân có thể nói ngay được một vài câu mà người đó hướng dẫn. Đương nhiên đối với người câm điếc bẩm sinh chưa bao giờ có lập trình lời nói nên không thể nào tự nói được cho dù chữa chạy như thế nào. Vì lập trình này chỉ được cài đặt vào ADN của các cơ quan phát âm vùng cổ họng, răng lưỡi trong quá trình tập nói lúc nhỏ. Có những Hoá sinh đặc biệt là có thể tương tác vào cấu trúc ADN của một người chết và giữ cho xác chết đó không bị phân huỷ trong một thời gian dài. Đương nhiên giữa Hoá sinh và người chết này có những nhân duyên đặc biệt.



6.4. Mức độ thứ tư là những tương tác nguy hiểm:

Điều này cũng tương đối phổ biến, đó là Hoá sinh có nhân duyên với người đó nên tương tác với người đó và kết quả làm cho người đó nói lên hay hành động theo ý muốn của Hoá sinh. Điều này tương tự như hacker có thể thâm nhập máy tính không những đánh cắp thông tin mà còn có thể điều khiển máy tính đó hoạt động theo ý muốn của mình. Đó là hiện tượng mà nhân gian gọi là vong nhập, đồng nhập, ma nhập... Và thường là Hoá sinh kể lể về những đau khổ, day dứt, mong muốn, dục vọng của mình, kể lại các cảnh giới mà Hoá sinh trải qua theo hiểu biết tà kiến mà họ đã tiếp thu khi còn kiếp người. Các Hoá sinh có thể tương tác với các loài vật như chó, lợn, gà, rắn, bướm... và điều khiển các hành vi của các con vật đó theo ý muốn của Hoá sinh. Tương tác này có các mức độ khác nhau. Có người tuy bị Hoá sinh “điều khiển” nhưng vẫn còn cái biết của mình nhưng không thể nào cưỡng lại. Có mức độ người đó hoàn toàn không biết gì nữa, hoàn toàn bị Hoá sinh điều khiển. Đương nhiên cũng giống như con người nên cũng có Hoá sinh hiền lành, yếu đuối, có những Hoá sinh mạnh mẽ, kiên cường, ương bướng, độc ác. Vì vậy, các sự việc xảy ra có lành có dữ. Mức độ cao nhất là người đó không biết gì nữa, bị Hoá sinh điều khiển hoàn toàn đến mức các tế bào thần kinh xúc giác toàn thân tê liệt hoàn toàn, không còn cảm giác trên thân, không còn cảm nhận đau đớn, cứng mềm, nặng nhẹ, nóng lạnh... nên lúc đó người đó có một sức mạnh phi thường. Người đó có thể xuyên các vật nhọn qua

miệng, qua má, qua một số bộ phận trên thân thể mà không đau đớn, bước trên than đỏ, mang các vật nặng mà bình thường có thể đè chết người, hay lấy kim nhọn xuyên qua da như khi thoi miên... Có những Hoá sinh độc ác hoặc vì những mối thù hận khủng khiếp để trả thù mà có thể tương tác vào ADN làm cắt đứt vận hành lập trình tuổi thọ và gây ra cái chết mà khi khám lâm sàng y khoa không thể nào lý giải được nguyên nhân cái chết.

7 Đức Phật và Khoa học

Khoa học và đức Phật đều có cùng một mục đích, một mong muốn duy nhất là *chấm dứt khổ*. Nhưng khoa học với hiểu biết theo nguyên lí Tâm biết Cảnh nên đã mặc định thực tại là thế giới vật chất. Bị chi phối bởi hiểu biết về khổ, nguyên nhân khổ, chấm dứt khổ và con đường chấm dứt khổ (Khổ Tập Diệt Đạo) thuộc về thế giới ngoại cảnh. Cụ thể khổ, nguyên nhân khổ, chấm dứt khổ phụ thuộc vào thế giới, phụ thuộc vào hoàn cảnh sống. Đương nhiên con đường chấm dứt khổ là thay đổi thế giới, thay đổi hoàn cảnh sống. Chính vì hiểu biết đó mà Khoa học nỗ lực khám phá thế giới vật chất để thay đổi thế giới, thay đổi hoàn cảnh sống, để con người hết khổ. Ngược lại đức Phật nhờ quan sát và tư duy sự tương tác giữa 6 Căn và 6 Trần mà giác ngộ ra thực tại là cảm thọ, là Tâm chứ không phải Cảnh, theo nguyên lí Tâm biết Tâm chứ không phải Tâm biết Cảnh. Do vậy Ngài đã giác ngộ về Tâm



chứ không phải giác ngộ về Thế giới, về Vũ trụ. Ngài giác ngộ Tứ Thánh Đế là giác ngộ sự thật khổ, sự thật nguyên nhân khổ, sự thật chấm dứt khổ, sự thật con đường chấm dứt khổ (Khổ Tập Diệt Đạo) thuộc về Tâm chứ không phải thuộc về Cảnh, về thế giới. Nên con đường chấm dứt khổ là thay đổi Tâm chứ không phải thay đổi thế giới, như hiểu biết của khoa học. Chính vì vậy, Giáo Pháp mà đức Phật chứng ngộ và thuyết giảng là khám phá Tâm, thay đổi Tâm chứ không phải khám phá thế giới, thay đổi thế giới như khoa học.

Đối với một người đã giác ngộ, sau khi hiểu đúng và thực hành đúng Giáo Pháp mà Đức Thế Tôn thuyết giảng, đã chấm dứt khổ, đã đoạn tận khổ thì mọi việc cần làm đã làm xong, không có gì phải làm nữa, có chăng là việc chia sẻ điều mình đã chứng ngộ với những người có duyên, nhưng đây không phải là công việc bắt buộc phải làm. Đối với vị đó thế giới vũ trụ có vuông hay tròn, dài hay ngắn, vô thường hay thường, hữu biên hay vô biên, nguồn gốc con người và thế giới từ đâu mà có... không còn làm vị đó quan tâm tìm hiểu nữa.

Vì vậy, đức Phật và khoa học không thể đồng hành, không cùng một hướng đi. Các tông phái Phật giáo phát triển về sau không hiểu được sự giác ngộ của đức Phật là giác ngộ về Tâm chứ không phải giác ngộ về thế giới. Do hiểu biết Vô minh theo nguyên lý Tâm biết Cảnh nên họ

gán cho đức Phật giác ngộ về thế giới về vũ trụ. Vì vậy, các chú giải, luận giải, các bản kinh họ nói ra theo tư tưởng đó, chủ yếu bàn về thế giới tương đối hay tuyệt đối nhưng họ lại gán cho đức Phật nói. Nhiều người, thậm chí là đa số phật tử không hiểu được sự giác ngộ về Tâm của đức Phật nên ngộ nhận là những thành tựu của khoa học ngày càng chứng minh cho sự giác ngộ về thế giới, biết về thế giới “trước cả” khoa học của đức Phật. Chính vì những ngộ nhận và những kinh, luận của các Tông phái như vậy mà thậm chí Anh-stanh cũng ngộ nhận: Tôn giáo của tương lai phải là Phật giáo vì nó đáp ứng được các tiêu chí của khoa học hiện đại.



KIỆP SAU VÀ KHÔNG CÓ KIỆP SAU

Nhiều người học Phật do hiểu biết một chiều, cho rằng Đức Phật chỉ dạy có đời sau, có sinh tử luân hồi. Ai không tin có đời sau là Tà kiến. Người có Tà kiến không tin có đời sau thì chỉ chăm lo cho kiếp hiện tại, chỉ lo thoả mãn những ham muốn của kiếp hiện tại. Như vậy thì không có việc ác nào mà họ không làm. Người tin có kiếp sau thì sợ hãi quả dữ của kiếp sau nên kiếp này cố gắng làm lành lánh dữ để kiếp sau hưởng được quả lành.

Nếu chỉ thuyết giảng khẳng định có kiếp sau, có sinh tử luân hồi để cho đệ tử làm lành lánh dữ, tạo phước báu cho đời sau để đời sau sống tốt đẹp hơn thì Giáo pháp của Đức Phật ngang hàng với mọi tôn giáo khác, kể cả các tín ngưỡng dân gian. Các tôn giáo và các tín ngưỡng đều khẳng định, tất cả chúng sinh đều có kiếp sau. Tại vì các chúng sinh có Linh hồn bất sinh bất diệt, vì thế không thể có sự chấm dứt hiện hữu của Linh hồn, không thể có sự chấm dứt kiếp sau. Cái khác thường trong giáo pháp mà Đức Thế Tôn đã khéo léo thuyết giảng là Ngài đã khẳng định rằng: Có một số chúng sinh có kiếp sau và có một số

chúng sinh không có kiếp sau. Cụ thể là loại chúng sinh nào còn Vô minh và Hữu ái thì hết kiếp sống này lại tiếp nối kiếp sống sau (chỉ qua đời khác chứ không chết). Còn chúng sinh nào không còn Vô minh và Hữu ái thì hết kiếp sống này không còn kiếp sau. Loại chúng sinh không có kiếp sau là các vị A La Hán, đã đoạn tận Vô minh và Hữu ái. Khi vị đó nhập diệt thì hình dung như ngủ say không mộng寐 vĩnh viễn, chấm dứt sự hiện hữu ở bất kỳ nơi đâu, với bất kỳ hình thức nào. Chấm dứt kiếp sau!

Đức Phật không cổ vũ cho cuộc sống có kiếp sau, không tán thán con đường đi đến kiếp sau. Vì Ngài đã biết rõ, đó là *con đường đau khổ*, đưa đến sinh già bệnh chết, sầu bi khổ ưu não. Ngài đã thuyết giảng, hiển thị, phân tích, chỉ dẫn rành mạch về cuộc sống không có kiếp sau, tán thán *con đường chấm dứt kiếp sau*. Vì nó là *con đường chấm dứt khổ*. Có thể diễn đạt Tứ Thánh Đế mà Ngài đã giác ngộ và tuyên thuyết bằng các ngôn từ khác: Đó là bốn sự thật:

1. Sự thật về kiếp sau (sự thật khổ, Bát Tà Đạo).
2. Sự thật về nguyên nhân kiếp sau (nguyên nhân khổ, Vô minh và Hữu ái).
3. Sự thật về chấm dứt kiếp sau (khổ diệt, Vô dư Niết Bàn).
4. Sự thật về con đường chấm dứt kiếp sau (đạo đế, Bát Chánh Đạo).



Người xuất gia hay tại gia tự nhận là đệ tử của Đức Thế Tôn mà còn nghĩ rằng mình đang còn phải luân hồi, còn phải tái sinh nhiều kiếp nữa thì sẽ hướng đến một tái sinh tốt đẹp của đời sau. Tu hành để có được tái sinh tốt đẹp với dung sắc thù thắng, với dục lạc thù thắng của cõi thiên v.v... ở đời sau, thì đó là những người chưa ngộ Pháp, chưa thấy Pháp. Những ai đã thấy Pháp, ngộ Pháp, đã “lông tóc dựng ngược” khi biết rõ sự thật khổ và nguyên nhân khổ của sinh tử luân hồi thì sẽ xác định: Đây là kiếp sống cuối cùng, sau kiếp sống này sẽ không còn một kiếp sống nào khác nữa. Những ai chưa thấy Pháp, ngộ Pháp mà có trí thì phải truy tìm và học hỏi cho bằng được cách thức chấm dứt sinh tử luân hồi trong đời này và đặc biệt là trong tiến trình chết. Đức Phật đã khẳng định sự thật này trong bản kinh Tứ Niệm Xứ: Ai tu pháp này tối thiểu 7 ngày cho đến tối đa 7 năm thì sự chờ đợi là Chánh Trí (quả A La Hán) trong hiện tại. Nếu còn dư sót là quả Bất Hoàn. Lời này của Ngài còn lưu lại trong Kinh Nikaya không thể hư dối, không có trong tạng Luận, không có trong các chú giải, không phải của người sau vì người chưa giác ngộ không ai biết được điều sâu kín đó nên không thể nói như vậy.

ĐỨC PHẬT PHỦ NHẬN BẢN NGÃ - LINH HỒN

1 Quan niệm của các tôn giáo Duy tâm về bản ngã – linh hồn:

Nhân sinh quan hay quan niệm về con người được phân chia thành hai quan điểm Duy vật và Duy tâm. Quan điểm Duy vật được đa số các nhà khoa học chấp nhận, quan niệm con người do vật chất cấu thành và tâm thức là sản phẩm của hoạt động thần kinh não bộ. Duy vật quan niệm tâm thức ấy vô thường, không tồn tại một tâm thức thường hằng, không tồn tại một “thế giới tâm linh” siêu hình. Sau khi các tế bào não chết, tâm thức đó diệt, không có cái gì “trao truyền” từ người chết sang một thân thể ở kiếp sau, không có sinh tử luân hồi. Chết là hết. Trái lại, Duy tâm cho rằng trong thân xác của một con người có một linh hồn bất sinh bất diệt, thường hằng trú ngụ và khi thân xác tan rã thì linh hồn đó sẽ thoát ra và hoặc là đi đầu thai vào một thân mới hoặc hoà nhập vào một thế giới tâm linh siêu hình không sinh không diệt (Thượng đế hay Đại ngã) hoặc bị đày đoạ vào địa ngục vĩnh viễn tùy theo chủ trương và tên gọi của các tôn giáo khác nhau. Các tôn



giáo Duy tâm đều quan niệm có một thể giới tâm linh tuyệt đối không sinh không diệt, thẩm nhuần khắp vũ trụ, gọi là thượng đế, là đại ngã, là đáng sáng tạo... tùy theo tên gọi của từng tôn giáo và linh hồn trong mỗi chúng sinh cũng từ đó mà được phân chia ra. Con người với quan điểm Duy tâm như vậy sẽ quan niệm có một Linh hồn là chủ nhân, chủ sở hữu, điều khiển Thân Tâm. Quan niệm có một Linh hồn không sinh không diệt là chủ nhân, chủ sở hữu, điều khiển mọi hoạt động của Thân Tâm chính là quan niệm về cái Ta mà tiếng Tàu gọi là NGÃ. Nó tự có, không được sinh ra, không bị diệt đi, bất sinh bất diệt, nên gọi là TỰ NGÃ hay BẢN NGÃ. Quan niệm về một Tự Ngã – Linh Hồn là một vấn đề cơ bản, cốt lõi của các tôn giáo Duy tâm.

Đối với các tôn giáo như Hồi giáo, Do Thái giáo, Cơ Đốc giáo đặt nền tảng trên Thánh Kinh Cựu ước thì con người do Thiên Chúa (Thượng Đế Toàn Năng) sáng tạo ra với thủy tổ là Adam và Eve. Thiên Chúa đã thổi sinh khí qua lỗ mũi cái thân người được Chúa nặn ra từ đất sét. Nghĩa là thổi Linh hồn (Chúa) vào trong thân thể đó và như vậy Linh hồn trong con người chính là phần Thượng Đế, Thiên Chúa có trong mỗi một con người. Truyền thuyết về Con người và Thiên đường trong Thánh Kinh Cựu ước nếu hiểu theo nghĩa ẩn dụ thì phần Linh hồn Chúa thổi vào trong mỗi người là trong sạch, thánh thiện chính là “cái biết trực tiếp vô niệm, vô ngôn, vô phân biệt” khi sinh ra là có liền, không do học hỏi, kinh nghiệm mà có. Con người sống ở Thế gian tiếp thu “cái biết có tri

thức, khái niệm, phân biệt” do học hỏi, truyền đạt, tích lũy kinh nghiệm thế gian nên làm cho Linh hồn bị ô nhiễm, có ác có bất thiện. Khi con người chết đi nếu cái biết thế gian được để lại thế gian thì cái Linh hồn Chúa, vô nhiễm, thánh thiện mới trở về hoà nhập với Thượng Đế, mới trở về Thiên Đường, mới trở về Nước Chúa. Nếu Linh hồn không rũ bỏ, không thoát được ô nhiễm thế gian, với ác, với bất thiện thì bị đọa vào địa ngục chờ đến ngày phán xử cuối cùng. Trong các tôn giáo đó, có khái niệm Chúa Hai Đồng là đứa trẻ vừa sinh ra mà chết ngay thì sẽ được tới Thiên Đường. Vì lúc đó Linh hồn của đứa trẻ chính là phần Linh hồn Chúa vô nhiễm, thánh thiện chưa bị ô nhiễm bởi *Cái Biết Thế Gian*.

Bà la môn giáo thì quan niệm có một Linh hồn Đại Ngã thấm nhuần toàn bộ vũ trụ vạn hữu. Trong mỗi chúng sinh có Linh hồn Tiểu Ngã là chủ nhân, chủ sở hữu, điều khiển thân tâm con người. Chính Linh hồn Tiểu Ngã ấy tạo nghiệp nên phải chịu luân hồi, mang các thân xác khác nhau trong vòng luân hồi và chịu đau khổ. Khi nào Linh hồn Tiểu Ngã ấy do tu hành mà vĩnh viễn thoát ra được khỏi thân xác, hoà nhập vào Linh hồn Đại Ngã thì lúc đó là Niết bàn, là giải thoát, lúc đó thân xác sẽ vô ngã.

Kỳ na giáo là một tôn giáo vô thần, ra đời cùng thời với Phật giáo. Tuy không chủ trương có một Linh hồn Đại Ngã, một Thượng Đế Toàn Năng nhưng quan niệm có Linh hồn là chủ nhân, chủ sở hữu, điều khiển thân xác. Nhưng Linh hồn ấy bị trói buộc trong thân xác bởi Nghiệp



đã tạo tác. Linh hồn đó bị ô nhiễm do Nghiệp đã tạo tác nên phải chịu sự luân hồi, chịu khổ đau từ thân xác này qua thân xác khác. Kỳ na giáo chủ trương tu hành khổ hạnh để trả hết Nghiệp đã tạo tác, để Linh hồn trở thành “Toàn Tri, Toàn Kiến” thánh thiện, thoát ra khỏi sự giam hãm của thân xác, để hoàn toàn tự do, tự tại. Đó chính là chủ trương giải thoát của Kỳ na giáo.

Lão giáo quan niệm rằng có một thực thể gọi là Đạo, không hình không tướng, không thể gọi tên, chính là Bản Thể của vũ trụ vạn hữu mà từ đó lưu xuất ra trời đất, sáng tối, vạn vật, sum la vạn tượng. Cái gọi là Đạo, là Bản Thể ấy trùm khắp, thấm nhuần trong từng hạt bụi thực chất là quan niệm Linh hồn Đại Ngã, Thượng Đế Toàn Năng của các tôn giáo Duy tâm, chỉ khác ngôn từ, tên gọi. Lão Giáo chủ trương tu hành để đạt đến “Hoà quang đồng trần” (hoà cùng ánh sáng, đồng cùng bụi bặm) tức Hoà nhập với Đạo, Hoà nhập với Bản thể, là bản chất, nền tảng của thế giới hiện tượng. Vậy cái gì sẽ hoà cùng ánh sáng, đồng cùng bụi bặm, cái gì thể nhập vào Đạo, thể nhập Bản thể? Linh hồn không được đề cập đến nhưng phải ngầm hiểu cái đó chính là Linh hồn tuy không có ngôn từ Linh hồn được nói ra.

Phật Giáo Phát Triển (Đại thừa) chủ trương có Phật Tính thanh tịnh, thường hằng, bất sinh bất diệt bao trùm, thấm nhuần vũ trụ (Biến Tính Thanh Tịnh). Trong mỗi chúng sinh cũng có Phật Tính không sinh không diệt đó. Phật Tính không sinh không diệt nơi mỗi chúng sinh là

Tính Biết sáng suốt thanh tịnh, vô niệm, vô ngôn, vô phân biệt nhưng đã bị vô minh, cái biết phân biệt thiện ác làm cho ô nhiễm. Khi Phật Tính bị ô nhiễm bởi Nghiệp thiện ác như vậy thì Phật Tính đó bị giam hãm trong thân xác và phải chịu luân hồi. Và như vậy tu hành là để thanh lọc Phật Tính khỏi ô nhiễm của Nghiệp thiện ác. Khi Phật Tính được thanh lọc khỏi ô nhiễm thì sẽ giải thoát không còn luân hồi. Lúc đó Phật Tính sẽ thoát ra khỏi thân xác và hoà nhập vào Biển Tính Thanh Tịnh (gọi đó là nhập Niết bàn). Tuy ngôn từ diễn tả có khác nhau nhưng nội dung của quan niệm này thì y chang quan niệm Tiểu Ngã và Đại Ngã của Bà La môn giáo.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm của Phật giáo phát triển chủ trương có Tính Thấy, Tính Nghe, Tính Biết không sinh không diệt nơi mỗi chúng sinh, thực chất cũng y hệt như chủ trương Linh hồn của Kỳ na giáo. Thiền tông Trung hoa chủ trương bản lai diện mục, ô chủ, con người trước khi cha mẹ sinh... Tuy không có từ Linh hồn nhưng thực chất là quan niệm Linh hồn của tôn giáo Duy tâm.

Tính Không trong văn hệ Bát nhã của Phật Giáo phát triển tuy diễn giải bằng những ngôn từ cao siêu, rất khó hiểu, ẩn chứa một khái niệm hết sức trừu tượng, mơ hồ. Nhưng nếu khảo sát kỹ lối mòn tư duy của tư tưởng Duy Tâm thì sẽ hiểu được Tính Không được đề cập đó là Thế giới bản thể. Theo đó Thế giới gồm hai phương diện: Thế giới bản thể tuyệt đối không hình không tướng, là thế giới chân thật, còn gọi là Chân không mà bản chất không phải



là vật chất. Nên trong Chân không không có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức; không có Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý; không có Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp... Phương diện thứ hai của thế giới là: Thế giới hiện tượng tương đối mà Phàm phu đang sống, là thế giới vật chất có hình có tướng, có sinh có diệt, có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức; có Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý; có Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp... Từ phương diện bản thể tuyệt đối (còn gọi là Chân đế) mà lưu xuất ra thế giới hiện tượng tương đối (còn gọi là Tục đế). Thế giới hiện tượng tương đối là biểu hiện của bản thể tuyệt đối. Chính vì chủ trương như vậy mà Tâm Kinh Bát Nhã khẳng định: Sắc chẳng khác Chân không. Chân không chẳng khác Sắc, Sắc chính là Chân không, Chân không chính là Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng đều như vậy. Thế giới bản thể vô tướng (Chân không) mới là chân thật còn thế giới hiện tượng hữu tướng sinh diệt (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) nên nó không thật, giả có, hư vọng. Vì vậy mà công cuộc tu hành là để thể nhập Chân không, thể nhập Thế giới bản thể vô tướng chân thật hay còn gọi là thể nhập Niết bàn. Đây thực chất là tư tưởng của Thánh Kinh Cựu ước được diễn dịch một cách mới mẻ, với các ngôn từ khác lạ mà thôi. Trong đó Thế giới bản thể tuyệt đối chính là Thượng đế Toàn năng. Thế giới hiện tượng tương đối là do Thượng đế toàn năng sáng tạo ra. Quan niệm này cũng tương đương với Đại Ngã và Tiểu Ngã của Bà La môn giáo.

Thời Phật tại thế có sự kiện được ghi lại trong Đại Kinh Đoạn Tận Ái thuộc Trung Bộ Kinh là vị Tỷ kheo

Sati đã có tà kiến xem Thức (Tâm thức) không đổi khác, thường hằng mà chỉ rong ruổi (di chuyển) từ chỗ này sang chỗ khác (từ thân xác này sang thân xác khác), chính Tâm thức ấy tạo tác và cũng chính Tâm thức ấy thọ lãnh quả mà nó đã tạo tác. Đức Phật đã quở trách quan điểm tà kiến đó. Thực chất đây cũng là quan niệm Linh hồn bất sinh bất diệt nhưng dùng từ Tâm thức thay thế từ Linh hồn. Trong Mật tông cũng quan niệm chết đi thì sẽ tái sinh vào một thân xác mới như thay một cái áo cũ đã bẩn thỉu, rách nát bằng một cái áo mới thơm tho sạch sẽ. Thực chất cũng là quan niệm một linh hồn bất sinh bất diệt cư ngụ trong thể xác này và chính linh hồn đó đi đâu thai. Một số nhà khoa học nghiên cứu quan sát về *Hiện Tượng Cận Tử* nhưng đã sử dụng hiểu biết ít ỏi và sai lạc của mình mà suy luận rằng sau khi chết vẫn tồn tại một Tâm thức và một thể giới tâm linh. Tâm thức ấy tồn tại cả khi các tế bào não đã chết, nghĩa là Tâm thức không phải là sản phẩm của não bộ, Tâm thức ấy tồn tại độc lập với não bộ. Quan niệm về Tâm thức tồn tại độc lập với não bộ và sau khi thoát xác nó tồn tại trong một thể giới tâm linh, thực chất là quan niệm về một linh hồn không sinh không diệt. Chỉ một số người rất ít ỏi theo quan niệm Duy vật, tin không có Linh hồn, chết là hết, còn đa phần nhân loại tin vào thuyết Linh hồn kể cả đa phần tín đồ Phật giáo. Vì thế mới có các từ như vong linh, hương linh, giác linh... mới có hành vi đốt vàng mã gửi cho linh hồn nơi cõi âm. Mới có cúng giỗ cho linh hồn tận hưởng. Mới có cầu siêu cho các linh hồn. Mới có cúng thất 7 tuần cho trung âm.

Mới có hồn ma, bóng quỷ. Mới có vong nhập, bắt vong. Mới có những mẩu chuyện, tin tức người thân, cha mẹ chết rồi đầu thai làm chó, làm lợn, làm gà. Mới có tin lan truyền mẹ chết đầu thai làm gà và con đã giết mẹ là con gà đó cúng giỗ cho người mẹ đã chết...

Các tôn giáo Duy tâm đều quan niệm có một thực thể linh hồn tuy các ngôn từ và hình thức mô tả có sự sai biệt. Thực thể linh hồn đó là chủ nhân, chủ sở hữu, điều khiển thân tâm chúng sinh. Thực thể linh hồn đó chính là Bản ngã hay Tự ngã, tự có, không được sinh ra, không bị diệt đi, bất sinh bất diệt. Trong những tôn giáo theo thuyết Luân hồi thì Linh hồn đó có thể di chuyển từ thân thể này sang thân thể khác trong các kiếp sống. Có thể cư ngụ trong con muỗi, con giun, con cá, côn trùng, trong con chó, mèo lợn gà, người thú... Vì vậy mỗi chúng sinh có hai phần: phần thể xác vật chất là sinh diệt vô thường, còn phần Linh hồn là bất sinh bất diệt. Không thể *giết* được Linh hồn bằng dao bằng gậy, không có thứ gì có thể giết chết Linh hồn. Kể cả bom nguyên tử có thể huỷ diệt sự sống trên trái đất này cũng không thể giết chết được Linh hồn. Và các tôn giáo có nói ra một cách rõ ràng, hay nói ra một cách mơ hồ trừu tượng thì tôn chỉ của các tôn giáo duy tâm đều là giải thoát thực thể linh hồn ra khỏi thể xác vật chất để không còn bị giam hãm, trói buộc trong thân thể vật chất. Để linh hồn được tự do tự tại hoặc hòa nhập linh hồn vào Thiên Chúa, vào Đại Ngã, vào Thế Giới Bản Thể, vào Chân Tâm, vào Phật tánh... Đối với các tôn giáo duy tâm kể cả một số tông phái Phật giáo

Phát triển giải thoát là sự hiện hữu (của Linh hồn). Còn giải thoát của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là phi hiện hữu cả Danh và Sắc.

2 Đức Phật phủ nhận Bản ngã – Linh hồn

Trong 45 năm thuyết pháp, Đức Phật đã dùng rất nhiều phương tiện khác nhau để phân tích, hiển thị, chỉ dẫn, giảng dạy rành mạch rằng không hề có, không hề tồn tại một Bản Ngã – Linh hồn không sinh không diệt, là chủ nhân, chủ sở hữu, điều khiển thân tâm (Sắc và Danh). Rằng tất cả pháp dù là Danh hay Sắc đều Vô ngã.

Trong bản kinh Vô Ngã Tướng tiếp sau bản kinh Chuyển Pháp Luân, Đức Phật đã sử dụng một lập luận tuy rất đơn giản nhưng chắc nịch, căn cứ vào sự thật đang xảy ra chứ không phải xuất phát từ “tư duy lý luận suông”. Ngài chỉ ra rằng không hề tồn tại một cái ta làm chủ hay bản ngã là chủ nhân, chủ sở hữu, điều khiển Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nếu có cái ta làm chủ, có cái bản ngã đó, thì sẽ làm chủ, điều khiển được, sẽ làm cho Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức này sẽ được như ý muốn của ta. Nó sẽ làm chủ, sẽ điều khiển được Sắc uẩn này không bị già, không bị bệnh, không bị chết. Thọ Tưởng Hành Thức cũng như vậy. Nhưng sự thực Sắc uẩn (Thân thể) vẫn bị già, bị bệnh, bị chết, bị khổ chi phối chứng tỏ không có cái ta làm chủ, không có Bản ngã – Linh hồn làm chủ Thân Tâm, điều khiển được Sắc Thọ Tưởng Hành Thức.

Phải nghiên cứu kỹ lưỡng các bộ Kinh Nykaya mà đặc biệt là Trung Bộ Kinh và Tương Ứng Bộ Kinh để thấy được Đức Phật đã dùng nhiều phương tiện chứng minh vấn đề này một cách chặt chẽ, rõ ràng.

Tất cả các sự vật và hiện tượng gọi là tất cả pháp được chia làm hai phạm trù: Tinh thần và Vật chất mà thuật ngữ Phật học gọi là hai nhóm Danh và Sắc. Trong đó Danh có thể được chia thành 4 nhóm nhỏ là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Như vậy, tất cả các pháp được chia thành 5 nhóm Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức gọi theo tiếng Tàu là năm uẩn.

– Cho dù Danh hay Sắc, các pháp đều là Pháp Duyên khởi, đều phát sinh theo quy luật Duyên khởi (Nhân quả): Hai nhân bình đẳng tiếp xúc (tương tác) rồi cùng diệt mới phát sinh quả. Quả ấy lại tiếp tục đóng vai trò là nhân tương tác với nhân khác rồi cùng diệt và phát sinh quả khác (Nhân diệt Quả sinh). Vì vậy, các pháp là Danh hay Sắc đều vô thường sinh diệt, quan hệ giữa các pháp là quan hệ bình đẳng, không có chính phụ, không có quan hệ chủ nhân, chủ sở hữu. Vì vậy các pháp đó là vô chủ, vô sở hữu. Vì các pháp phát sinh theo Duyên khởi, vô thường, vô chủ, vô sở hữu nên khẳng định chắc chắn rằng, không hề tồn tại một Bản ngã Linh hồn không sinh không diệt nào là chủ nhân, chủ sở hữu, điều khiển Danh và Sắc. Trong Đại Kinh Mãn Nguyệt thuộc Trung Bộ Kinh, Đức Phật đã giảng Thọ do duyên Xúc, Tưởng do duyên Xúc, Hành do duyên Xúc, Thức phát sinh theo tiến

trình Xúc – Thọ – Tưởng – Tư, tức cũng do duyên Xúc. Duyên Xúc được hiểu là hai nhân Căn Trần tiếp xúc nhau mà phát sinh Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Và Sắc được định nghĩa là bốn đại. Những gì do bốn đại hợp thành và quan sát trên sự thật thì một sắc pháp phát sinh phải do hai sắc pháp tiếp xúc nhau cùng diệt mới phát sinh sắc pháp đó (ví như hai sắc pháp là Hydro và Oxy phải tương tác và cùng diệt đi mới phát sinh Nước). Như vậy Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức do duyên Xúc mà sinh, cũng do duyên Xúc mà diệt, nên không có cái gì thường hằng, bất sinh bất diệt. Trong Tương Ứng Bộ Kinh có đến hàng trăm chỗ thường nhắc đi nhắc lại, nhắc nhở phải quán sát sự sinh diệt của Năm Uẩn: Đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt. Đây là hành tập khởi, đây là hành đoạn diệt. Đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt. Lưu ý rằng không phải là học thuộc lòng những câu đó mà phải theo đó quan sát nơi sự thật đang xảy ra để thấy rõ sự sinh diệt của Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức như thấy rõ quả xoài trong lòng bàn tay. Từ đó để tự mình xác quyết không có bất kỳ một cái gì thường hằng, thường trú, bất sinh bất diệt theo thể cách Linh hồn. Để thấy rõ Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là một lộ trình sinh diệt theo thứ tự: Sắc diệt thì Thọ – Tưởng sinh, tiếp đến Thọ – Tưởng diệt thì Hành sinh, tiếp đến Hành diệt thì Thức sinh, tiếp đến Thức diệt thì các Hành lại sinh, tiếp đến Hành diệt thì một lộ trình Sắc – Thọ – Tưởng – Hành – Thức khác lại phát sinh. Trong các lộ trình sinh diệt đó không phải Năm Uẩn là 5 yếu tố đồng



thời tồn tại liên kết với nhau theo kiểu cấu trúc nguyên một khối, giống như 5 yếu tố rui, mè, kèo, cột, ngói đồng thời tồn tại để cấu trúc nên một ngôi nhà như cách hiểu của đa phần người học Phật. Mà Năm Uẩn là một lộ trình sinh diệt. Tại mỗi một thời điểm chỉ hiện hữu một pháp sinh lên rồi diệt đi. Chỉ trừ Thọ – Tưởng là hai pháp duy nhất đồng sinh đồng diệt. Thấy được như vậy thì hiểu được Chúng Sinh là ngôn từ ám chỉ những lộ trình sinh diệt theo thứ tự Sắc – Thọ – Tưởng – Hành – Thức nối tiếp, tương tục nhau. Do thấy biết như vậy mà chấm dứt Vô minh, hiểu lầm Chúng Sinh như là nguyên một khối.

– Cũng cần phải quán sát để hiểu rõ rằng: trong Năm Uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức thì nhóm Tưởng và nhóm Thức là các Tâm biết mà thế gian tưởng nhầm là Linh hồn.

Tưởng uẩn là tâm biết trực tiếp giác quan gọi tắt là Tâm biết trực giác có phận sự ghi nhận hay nhận biết đối tượng mà Tâm lý học ngày nay gọi là nhận thức cảm tính đối tượng. Nó có tính chất “Vô Niệm, Vô Ngôn, Vô Phân Biệt” bao gồm: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Tưởng thức. Tâm biết trực tiếp Tưởng này loài người, động vật đều có như nhau. Sinh ra là có, không do học hỏi, trao truyền, tích lũy nhưng nó do duyên Căn Trần tiếp xúc mà phát sinh. Nó vô thường, sinh diệt.

Thức uẩn là tâm biết Ý thức, là tâm biết gián tiếp khởi lên theo lộ trình Xúc – Thọ – Tưởng – Tư (theo Đại Kinh Mãn Nguyệt) khác với Tưởng uẩn do Xúc (Căn Trần) mà

khởi lên. Vì vậy, Thức uẩn có “tri thức khái niệm, có ngôn từ, có phân biệt” do học hỏi, trao truyền tích lũy mà có nên các loài, các cá nhân đều khác nhau, Thánh Phàm khác nhau. Phàm là Ý thức Tà Tri Kiến. Thánh là Ý thức Chánh Tri Kiến. Tâm biết Ý thức này Tâm lý học gọi là nhận thức lý tính đối tượng. Nó cũng sinh diệt, vô thường.

3 Phàm phu chấp thủ Bản ngã

Phàm phu cho dù theo quan điểm Duy tâm quan niệm có một Bản ngã – Linh hồn hay Duy vật phủ nhận linh hồn, phủ nhận thế giới tâm linh, phủ nhận luân hồi, chết là hết nhưng đều đang sống với Bản ngã. Tất cả đều đang sống với một “cái ta” là chủ nhân, chủ sở hữu, điều khiển thân tâm, đang vun bồi, tôn xưng, phấn đấu nỗ lực để xác định, tăng trưởng quyền làm chủ, quyền sở hữu của Cái ta – Bản ngã đó. Trên lộ trình tâm Bát Tà Đạo của Phàm phu, tâm biết Ý thức tà kiến có tư tưởng về một Cái ta – Bản ngã với 3 nội dung là: Ta biết, của Ta, Ta hơn, kém, bằng mà trong kinh điển thường đề cập đến với ngôn ngữ tiếng Hán là: ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên. Tất cả nhân loại, già trẻ gái trai, giàu nghèo, ngu trí, dân tộc, tôn giáo nào cũng đang sống với tâm biết Ý thức tà kiến trên lộ trình tâm Bát Tà Đạo. Tức đang sống nhằm tô bồi, vinh danh, bảo vệ, nuôi dưỡng Cái ta – Bản ngã này, chỉ ngoại trừ các bậc Thánh trong Phật giáo. Nhưng Bản ngã vốn không có thật, không hề tồn tại, nên phải hiểu rằng không phải là Phàm phu đang sống với Bản ngã mà Phàm phu đang sống với *tư tưởng chấp ngã*. Đó là tư

tưởng chấp thủ Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức này là của ta, là ta, là bản ngã của ta. Tư tưởng chấp thủ đó còn gọi là *Năm Thủ Uẩn*. Chính tư tưởng chấp thủ sai lạc này, chính *năm thủ uẩn* này mâu thuẫn, đối lập, xung đột với sự thật thực tại vô ngã nên mới phát sinh Khổ. Vì vậy, trong Kinh Chuyển Pháp Luân, Đức Phật đã khẳng định: Tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

Ví như một nữ sinh đến trường với một bộ quần áo đẹp, đắt tiền, lạ mắt, rực rỡ mà tất cả học sinh ở trường đều ca ngợi thán phục thì nữ sinh ấy rất tự hào và Ý thức sẽ khởi lên ta hơn, ta đẹp nhất, ta rực rỡ nhất... Đó là Chấp ngã, chấp vào bộ quần áo đẹp này là của Ta, là Ta (Sắc thủ uẩn). Còn thực chất là “bộ quần áo” hơn chứ không có một Bản ngã nào hơn cả. Một nghiên cứu sinh, khi đậu bằng Tiến sĩ thì sống với hiểu biết Ta hơn mấy anh thạc sĩ nhưng thực chất cái Ta hơn đó chính là chấp thủ lượng kiến thức của Ta, (Thức thủ uẩn) của tiến sĩ hơn lượng kiến thức thạc sĩ chứ không có một cái Bản ngã tiến sĩ lớn hơn Bản ngã thạc sĩ nào cả.

4 Không có Linh hồn – Bản ngã, vậy cái gì luân hồi tái sinh?

Câu hỏi này là một vấn nạn cho người học Phật kể từ khi Phật còn tại thế cho đến ngày nay. Vì câu hỏi này chưa được trả lời minh bạch, rõ ràng nên đa phần người học Phật. Đa phần các tông phái Phật giáo vẫn gán cho thực thể bị luân hồi tái sinh là Linh hồn nhưng với các ngôn từ và các cách diễn đạt khác nhau một cách mơ hồ,

trừu tượng. Do đó Giải thoát hay Niết Bàn là hiện hữu ở một cảnh giới, một trạng thái vi diệu, mầu nhiệm, bất khả tư nghì nào đó ra ngoài Có Không. Không phải là Có cũng không phải là Không theo mô thức lý luận trườn uồn như lươn của Kỳ na giáo, được các tông phái Phật giáo phát triển thu nạp từ triết lý của Kỳ na giáo. Đối với Đức Phật và các vị đã giác ngộ, Chánh Trí đã khởi lên: “Vị ấy biết, sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm xong, không còn trở lui trạng thái *hiện hữu* này nữa”. Chư vị biết rõ Giải thoát, Niết bàn là *phi hiện hữu cả Danh và Sắc*. Nên câu hỏi Đức Phật sau khi nhập diệt còn hay không còn không được đặt ra. Đương nhiên không có trả lời câu hỏi. Đối với những người đã thể nhập Trí tuệ về Sinh diệt các pháp thì chúng sinh là những lộ trình sinh diệt của Danh và Sắc nối tiếp, tương tục nhau diễn tiến theo thời gian vô cùng vô tận. Danh Sắc này diệt là nhân duyên cho Danh Sắc khác phát sinh, trong một khoảng thời gian rất ngắn ngủi, và cứ thế nối tiếp nhau vô cùng vô tận. Khi con người chết Danh Sắc đó diệt, lại phát sinh một Danh Sắc là hoá sinh. Danh Sắc hoá sinh đó lại cũng sinh diệt nối tiếp nhau trong từng sát-na. Rồi khi Hoá Sinh chết, Danh Sắc hoá sinh diệt đi lại là nhân duyên cho Danh Sắc phát sinh nơi Thai sinh hoặc Trứng sinh. Cứ thế mà diễn tiến theo cái vòng (người – hoá sinh – thai hoặc trứng sinh) vô cùng vô tận. Diễn tiến vô cùng vô tận này đặt tên là Luân hồi tái sinh và trong nó không có một chúng sinh nào *chết thật sự*. Nguyên nhân của diễn tiến sinh diệt nối tiếp nhau của



Danh Sắc là Vô minh và Hữu ái do chấp thủ Sắc Thọ Tưởng Hành Thức là của ta, là ta, là bản ngã của ta. Khi một người Giác Ngộ, Vô minh, Hữu ái (Năm Thủ Uẩn) diệt tận, thì khi vị đó nhập diệt gọi là Vô dư Niết bàn. Danh Sắc con người diệt tận nhưng không còn Nhân duyên để phát sinh một Danh Sắc mới. Vì vậy, dòng diễn tiến Luân hồi tái sinh chấm dứt tại đây, không còn hiện hữu cả Danh và Sắc ở bất kỳ đâu, dưới bất kỳ hình thức nào. Hình dung như ngủ một giấc ngon lành, không mộng mị vĩnh viễn.

Người trí thì ít ỏi so với nhân loại ví như vàng bạc so với đất đá trên quả đất này nên cần có câu trả lời minh bạch là cái gì luân hồi tái sinh. Mà nhờ đó một số người có duyên sẽ xóa bỏ được Thân kiến, xóa bỏ được chấp thủ Bản ngã linh hồn. Ngày nay Tin học, một bộ môn khoa học về thông tin đã ra đời và phát triển mạnh mẽ. Thành tựu của nó là chế tạo được máy vi tính do khoa học thực nghiệm đã khám phá và “bắt chước” được quá trình nhận thức, đặc biệt là quá trình tư duy phát sinh ý thức của con người. Hãy hình dung vài năm tới khi mà chiếc xe tự lái hoàn thiện sẽ ra đời và hoạt động như một chiếc taxi hiện thời có người lái. Chiếc xe tự lái gồm hai phần: Phần cứng là cấu trúc vật chất của xe và nó là Sắc pháp, Phần mềm là lượng thông tin gồm các hệ điều hành, các phần mềm được cài đặt trong bộ nhớ và đó là Danh pháp (Tinh thần). Như vậy chiếc xe gồm hai phần Danh và Sắc hay Tinh thần và Vật chất như một con người. Ví như đã cài đặt 3 giờ sáng, NÓ “thức dậy” và bắt đầu hoạt động

do NÓ bắt đầu được nối kết, tương tác với mạng Internet. NÓ nhận thông tin qua mạng và NÓ xử lý thông tin đưa đến biết có khách gọi xe tại một địa điểm nào đó. NÓ lại xử lý thông tin và tìm ra con đường ngắn nhất đi đến chỗ đó và NÓ bắt đầu lăn bánh ra đi để đến chỗ đón khách. Trên đường đi camera sẽ ghi nhận hình ảnh, âm thanh và NÓ lại xử lý để đi đúng đường, lựa chọn đúng chỗ rẽ, tránh các chướng ngại và các phương tiện khác trên đường. Đến nơi NÓ thấy khách và biết đúng là khách đó gọi xe, NÓ sẽ mở cửa và giọng nói của NÓ sẽ mời khách lên xe. NÓ sẽ xử lý thông tin để biết địa chỉ, con đường ngắn nhất và mở cửa, cất giọng nói mời khách xuống xe khi đã đến nơi. Và NÓ lại tiếp tục công việc cho đến 12 giờ đêm nếu cài đặt nghỉ ngơi thì NÓ lại chạy về ga ra tắt máy. Như vậy với Phần cứng và Phần mềm tức với Danh và Sắc, chiếc xe tự lái vẫn “Thấy, Nghe, Biết” và “Làm việc” như một con người bằng xương bằng thịt, một tài xế. Nếu phần mềm cài đặt phân biệt đàn ông, đàn bà, phân biệt được đàn bà đẹp xấu và thanh toán tiền theo đẹp thì NÓ cũng sẽ “Thiên vị” đối với đàn bà đẹp xấu. NÓ cũng có thể nhận ra khách quen, khách lạ đến số lần mà khách đó đã đi xe. Vì mọi thông tin mà camera thu thập đều được lưu lại. NÓ cũng có thể tự phân tích, so sánh và tìm ra con đường để thoát khỏi đoạn đường đang tắc nghẽn nhờ thu thập thông tin qua mạng. Nó có thể được cài đặt phần mềm tự học nên NÓ sẽ tự tích lũy các kiến thức, các hiểu biết về các đối tượng. Do tự học mà NÓ ngày càng hiểu biết nhiều hơn, thông minh hơn. Và

như vậy, lượng thông tin được lưu vào bộ nhớ sẽ tăng trưởng từng ngày nên dung lượng bộ nhớ phải đủ lớn mới lưu giữ hết thông tin. Chính vì vậy mà công nghệ tin học đang chế tạo thẻ nhớ bằng ADN. Vì chỉ có cấu trúc ADN mới có khả năng lưu giữ một dung lượng thông tin khổng lồ. Nếu chiếc xe đó hết tuổi thọ, hết thời hạn sử dụng thì có thể chuyển toàn bộ dữ liệu thông tin của NÓ sang bộ nhớ của một cái xe mới tinh chưa cài đặt phần mềm. Và cái xe thứ hai lại tiếp tục học hỏi, tích lũy thêm thông tin hiểu biết vào bộ nhớ. Nó lại được truyền cho đời thứ 3, thứ 4, thứ 5... Rõ ràng ở chiếc xe tự lái do tương tác giữa Phần cứng, Phần mềm tức Danh và Sắc với Thế giới bên ngoài mà phát sinh (tâm) Thấy, Nghe, Hiểu Biết và làm việc (lái xe, đón khách) và hoàn toàn không có một linh hồn – bản ngã. NÓ cũng hoàn toàn không có Chấp thủ Bản ngã vì trong thông tin phần mềm của nó không cài đặt, không có thông tin “xe này là của Ta, là Ta, là Bản ngã của Ta”. Nó sẽ không giống như con người lái xe sống với tư tưởng chấp thủ bản ngã, Ta lái xe, Ta biết đường, Ta đón khách... Sự trao truyền thông tin từ xe 1 đến 2, 3, 4... là trao truyền lượng thông tin đã được cài đặt, học hỏi, tích lũy.

Tương tự như chiếc xe tự lái, con người cũng gồm Danh và Sắc tức là Phần cứng là cấu trúc thân thể vật chất (Sắc) và Phần mềm là lượng thông tin (Danh) bao gồm tri thức, kinh nghiệm đã được trao truyền, học hỏi, tích lũy

trong đó có thông tin Vô minh (là những hiểu biết sai sự thật) và Chấp Ngã (cái này là của Ta, là Ta, là tự ngã của Ta). Chính sự tương tác giữa Danh Sắc và Thế giới ngoại cảnh sẽ làm phát sinh tâm “Thấy, Nghe, Cảm nhận, Biết”. Do vậy mà phát sinh lời nói, hành động. Lượng thông tin đã được học hỏi, tích lũy, trao truyền này gọi là thông tin Pháp trần. Chính lượng thông tin Pháp trần này cùng với thông tin Di truyền được lưu giữ trong cấu trúc ADN của tế bào thần kinh não bộ Luân hồi tái sinh, được trao truyền từ thân người chết sang một thân mới (giống như những chiếc xe kia) chứ không phải một Linh hồn hay một Tâm thức Luân hồi tái sinh.



ĐOẠN TRỪ VÔ MINH VÀ HỮU ÁI

Trong kinh Pháp Cú thuộc về Tiểu Bộ Kinh có một pháp cú số 294. Pháp cú đó gồm 4 câu, mỗi câu 5 chữ là:

Sau khi giết mẹ cha

Giết hai vua sát lợi

Giết vương quốc quần thần

Vô ưu phạm chí sống.

Theo nghĩa đen của bài kệ này, câu cuối cùng “Vô ưu phạm chí sống” sau khi làm ba việc: Thứ nhất là giết mẹ cha. Việc thứ hai là giết hai vua sát lợi. Việc thứ ba là giết vương quốc quần thần. Vô ưu là không còn phiền não. Phạm chí trong tiếng Ấn Độ dịch sang tiếng Trung Hoa để chỉ cho những người tu hành. Một người tu hành không còn ưu phiền gọi là vô ưu để ám chỉ một vị A La Hán trong đạo Phật. Câu kết cuối cùng ám chỉ để đạt quả A La Hán thì phải làm ba việc trên. Nếu theo nghĩa đen của bài này thì hoàn toàn không phù hợp với đạo Phật. Nếu để đạt thành quả A La Hán mà phải làm ba việc đó thì không

ai muốn trở thành A La Hán cả. Đọc bài này trong kinh Pháp Cú thì nguyên bản là như vậy mà không có giải thích nào về những việc này cả. Toàn bộ các chú giải của các bộ phái cũng không có lời giải thích nào về bài kệ này. Người trí hiểu rằng trong cách thức diễn đạt các tư tưởng có hai cách: một là theo nghĩa đen, hai là theo nghĩa bóng – nghĩa ẩn dụ. Vậy bài kệ này không thể hiểu theo nghĩa đen được. Không thể nào để trở thành vị A La Hán mà phải giết mẹ cha, giết hai vua, giết vương quốc quần thần. Bài kệ này phải được hiểu theo nghĩa bóng.

Chúng ta phân tích từng việc một. Việc thứ nhất là giết mẹ cha. Việc thứ hai là giết hai vua. Việc thứ ba là giết vương quốc quần thần.

1. Câu thứ nhất: “Sau khi giết mẹ cha”. Mẹ và cha là hai nhân sinh ra một đứa con. Một con người và được coi là một chúng sinh. Quý vị thấy chúng sinh đó bao gồm danh và sắc hay là năm uẩn là lộ trình nối tiếp nhau. Hết đời sống con người này lại tiếp đời sống hóa sinh. Hết đời sống hóa sinh lại tiếp tục vào thai sinh. Khi hết đời sống thai sinh – con người đó thì lại là hóa sinh. Nó cứ liên tục gọi là vòng luân hồi. Nói đến một con người, một chúng sinh là phải nói đến vòng luân hồi đó. Một con người cụ thể do cha mẹ đẻ ra nhưng vòng luân hồi đó thì cũng phải do hai nhân sinh ra. Chúng sinh được hiểu là thân xác cụ thể này nhưng cũng có thể được hiểu là vòng luân hồi đó. Vậy thì vòng luân hồi đó do cha nào, mẹ nào sinh ra? Có



phải do cha mẹ vật chất xác thịt này sinh ra vòng luân hồi đó không? Không, khẳng định là không phải. Cha mẹ chỉ sinh ra thân xác này thôi. Chính hữu ái (tham ái sự hiện hữu có thân xác) và phi hữu ái (tham ái sự hiện hữu không có thân xác) mới đưa đến vòng luân hồi tái sinh đó. Hữu ái này do đâu sinh ra? Hữu ái này do tà kiến, vô minh mới phát sinh ra hữu ái. Có 2 nhân mới phát sinh vòng luân hồi đó là vô minh và hữu ái. Vậy cha mẹ đẻ ra chúng sinh trong vòng luân hồi vô cùng tận đó chính là vô minh và hữu ái. Khi nói cha mẹ sinh ra con người theo nghĩa đen thì chúng ta cũng phải hiểu theo nghĩa bóng là vô minh và hữu ái được ví như cha mẹ sản sinh ra chúng sinh trong vòng luân hồi sinh tử. Người nào chấm dứt được vòng luân hồi sinh tử đó là người giác ngộ, là một vị A La Hán. Chỉ có vị A La Hán mới cắt đứt được vòng luân hồi sinh tử đó thôi. Vị A La Hán Chánh đẳng giác là Đức Phật – người tự mình tìm ra con đường, không thầy chỉ dạy đã cắt đứt vòng luân hồi sinh tử đó. Vị nào có duyên có trí, nghe giảng, học hỏi rồi thực hành đúng đều chấm dứt được vòng luân hồi sinh tử đó. Đối với vị đó kiếp này là kiếp sống cuối cùng, sau kiếp sống này không còn kiếp sống nào nữa, không còn hiện hữu ở bất kỳ một nơi chốn nào, bất kỳ một hình thức nào, cắt đứt vòng luân hồi sinh tử. Như vậy có phải vị A La Hán là chết thật không? Chấm dứt vòng luân hồi sinh tử đó là chết thật. Còn phàm phu chỉ qua đời thôi chứ không phải chết và tiếp tục một

kiếp sống khác.

Vậy một vị để đạt đạo quả A La Hán thì phải chấm dứt được vô minh và hữu ái. Vì vô minh và hữu ái như cha mẹ sản sinh ra vòng luân hồi sinh tử. Vị A La Hán chấm dứt vòng luân hồi thì đòi hỏi phải chấm dứt vô minh và hữu ái được ví như giết mẹ cha. Câu kệ đầu tiên quý vị cần phải hiểu theo nghĩa bóng, từ nghĩa đen mà suy luận ra nghĩa bóng. Người ta dùng câu kệ sau khi giết mẹ cha thì vô ưu phạm chí sống tức là sau khi chấm dứt, đoạn tận được vô minh và hữu ái thì lúc đó đạt thành đạo quả A La Hán – một vị đã chấm dứt vòng luân hồi sinh tử. Chấm dứt vòng luân hồi sinh tử là như thế nào? Một người còn vô minh, hữu ái thì khi chết, phát sinh thức tái sinh. Thức tái sinh – hóa sinh này cũng là một chúng sinh, một cuộc đời khác. Hết đời sống của hóa sinh lại tiếp nối đời sống thai sinh khác.

Trong nhiều tài liệu Phật giáo nói rằng: ai mà không tin có đời sau, không chấp nhận có đời sau thì người đó là tà kiến. Nhưng cái đó là nói một chiều. Tất cả các tôn giáo và đa phần người trong Phật giáo là tu cho đời sau. Hiểu biết đúng sự thật của Đức Phật thuyết giảng là có một số chúng sinh có đời sau nhưng cũng có một số chúng sinh không có đời sau. Những người còn vô minh và hữu ái thì còn có đời sau. Còn chúng sinh nào chấm dứt vô minh và hữu ái thì không có đời sau. Trong hai loại chúng sinh này, Đức Phật tán thán loại nào? Đức Phật tán thán



loại chúng sinh không có đời sau. Đây là kiếp sống cuối cùng. Quý vị sẽ thấy mục đích của đạo Phật, điều mà Ngài giảng dạy là con đường chấm dứt đời sau là Bát chánh đạo. Đức Phật chỉ rõ con đường đi đến đời sau. Con đường đó là bát tà đạo. Con đường đó là con đường của sầu bi, khổ, ưu não. Con đường đó là con đường của luân hồi. Còn có một con đường không đi đến đời sau đó là Bát chánh đạo. Con đường không có sầu bi, khổ, ưu não, không còn luân hồi sinh tử.

Một vị A La Hán nhập diệt khi thân hoại mạng chung, kết thúc đời sống cuối cùng này thì vị đó là như thế nào? Kinh điển nói là “Vô dư niết bàn”, đó là nơi vô thượng an ổn, thoát mọi khổ khổ ách. Quý vị hình dung một ngày rất tươi đẹp, hạnh phúc tràn đầy từ sáng đến tối, thoải mái, hài lòng, vui vẻ từ sáng đến tối. Ví như vào ngày Tết, người đó bỏ hết mọi việc kinh doanh, nợ nần, giải quyết hết mọi chuyện trong ngày 30 còn sang ngày mùng 1 là nghỉ Tết. Trong ngày đó không có chuyện làm ăn, quan hệ, không có chuyện gì phải lo lắng, suy nghĩ. Từ sáng đến tối gặp bạn bè nói chuyện vui vẻ, không có cãi lộn, xích mích rồi ăn uống, hưởng thụ dục lạc từ 6 giờ sáng đến 10 giờ đêm. Đây là tôi giả thiết là 90% hài lòng, hạnh phúc, không có khổ nhưng dẫu sao vẫn còn 10% còn một ít phiền toái như buồn tiểu tiện, đại tiện. Trước khi đại tiện, tiểu tiện còn có cảm giác khó chịu. Buổi trưa ăn xong vẫn còn mệt mỏi, buồn ngủ – trạng thái mệt mỏi

đó còn phiền toái. Ngủ dậy vẫn hơi man mác, chưa tỉnh táo hẳn vẫn không có sung sướng, vẫn có phiền não. Chúng ta giả thiết là 90% hạnh phúc, vui vẻ còn 10% phiền toái. Kể cả một vị A La Hán 98 –99% phiền não đã chấm dứt nhưng vẫn còn 1-2% phiền não như: lạnh đến 2–3 độ vẫn có cảm giác khó chịu. Hoặc chân dẫm phải gai cũng khó chịu, hoặc bị bệnh gì đó cũng khó chịu. Tuy rằng những cảm giác khó chịu đó so với những cái khổ được diệt tận rồi thì nó rất là nhỏ. Đức Phật ví như đất trên đầu móng tay so với quả đất này. Khổ còn dư sót còn một chút xíu thôi nhưng đâu sao nó vẫn còn. Còn hiện hữu là còn khổ. Một người có hạnh phúc 90% thì vẫn còn 10% phiền toái. Nếu tối đó từ 10 giờ đêm tới 6 giờ sáng hôm sau, người đó ngủ một giấc say không mộng mị. Khoảng thời gian từ 10 giờ đêm tới 6 giờ sáng, lúc đó không có một chút hạnh phúc gì nhưng cũng hoàn toàn không có phiền não, vắng mặt cả hạnh phúc cả khổ đau. Quý vị có thấy là khoảng thời gian đó tương tự như không hiện hữu không? Từ 6 giờ sáng đến 10 giờ đêm là trạng thái hiện hữu. Từ 10 giờ đêm đến 6 giờ sáng ngủ say không mộng mị tương tự như trạng thái không hiện hữu. Quý vị đứng ra ngoài (khách quan) xem xét: một ngày 90% là hạnh phúc, chỉ có 10% khổ so với khoảng thời gian từ 10 giờ đêm đến 6 giờ sáng không có hạnh phúc, khổ đau nào. Hai khoảng thời gian đó, quý vị thấy khoảng thời gian nào hay hơn? Ngủ say không mộng mị có phải



hay hơn không. Sáng mai tỉnh dậy tương tự như hiện hữu, nó vẫn bắt gặp sự sống với khổ. Chúng ta thấy sự sống 90% và khổ 10% so với ngủ say không mộng mị thì ngủ say không mộng mị hay hơn rất nhiều. Chúng ta quay lại sự thực là nếu một người mà đang nợ nần, bệnh tật, hoảng loạn, đang lao tâm khổ trí suốt cả ngày như vậy mà đêm ngủ một giấc say không mộng mị thì cái nào hay hơn. Quý vị thấy rằng cuộc sống con người vui ít, khổ nhiều, náo nhào mà nguy hiểm càng nhiều hơn. Nó ví như hiện hữu. So với đêm đó ngủ say không mộng mị thì khoảng thời gian này hay hơn nhiều. Nếu như ngủ say không mộng mị vĩnh viễn thì thế nào nhỉ? Có hay hơn không?

Giả thiết cuộc đời này, ai cũng như vậy vui ít, khổ nhiều, náo nhào và nguy hiểm càng nhiều hơn, khi ngủ một giấc say không mộng mị là hoàn toàn chấm dứt những thứ đó, không có vui có buồn nó hay hơn. Nếu như vĩnh viễn như vậy thì không còn hiện hữu ở bất kỳ chỗ nào với bất kỳ hình thức nào. Như vậy gọi là vô thượng an ổn, thoát khỏi mọi khổ ách. Một vị A La Hán khi chết, nhập diệt thì giống như một giấc ngủ, nó không phát sinh thức tái sinh nữa. Nó vĩnh viễn như vậy, không còn phát sinh thức tái sinh, không còn trở thành Hóa sinh, không còn hiện hữu dưới bất kỳ hình thức nào với bất kỳ nơi chốn nào. Đó chính là vô dư niết bàn của vị A La Hán. Bình thường một vị A La Hán có 98 – 99% khổ đã đoạn tận rồi, chỉ còn 1-2% còn dư sót. Đến lúc đó 1– 2% khổ

còn dư sót cũng đoạn tận luôn, khi đó không có hạnh phúc không có khổ đau. Nó có đúng với diệt đế mà quý vị học từ trước đến nay không? Một vị A La Hán khi còn hiện hữu, còn thân xác thì gọi là Niết bàn hữu dư. Còn khi nhập diệt gọi là Niết bàn vô dư. Niết bàn là vắng mặt khổ. Niết bàn hữu dư là vắng mặt khổ nhưng còn dư sót. Ví dụ, niết bàn của vị Nhập lưu là 30% chấm dứt khổ còn dư sót 70%. Niết bàn của vị Nhất lai 50% khổ đã đoạn tận còn dư sót 50%. Niết bàn của vị Bất lai là 80% khổ đã đoạn tận còn dư sót 20%. Niết bàn hữu dư của vị A La Hán là 98–99% đoạn diệt khổ còn dư sót 1–2%. Con số này tôi đưa ra để quý vị hình dung ra khổ diệt còn dư sót hay niết bàn hữu dư là như vậy. Còn khi một vị A La Hán nhập diệt, chấm dứt luân hồi tái sinh, chấm dứt sự hiện hữu thì lúc đó là khổ diệt vô dư. Đó mới là vô thượng an ổn thoát khỏi mọi khổ ách. Cho nên, còn hiện hữu kể cả vị A La Hán là còn khổ dư sót. Có một bài kinh Đức Phật nói là: “Sự hiện hữu là hơi thổi giống như phân. Phân cho dù dính một tí vẫn còn hơi thổi. Sự hiện hữu cho dù ngắn như búng móng tay thì vẫn còn khổ dư sót. Cho nên đích đến là vô dư niết bàn giống như ngủ say một giấc không mộng寐”. Giả sử, tối nay ngủ một giấc không mộng寐 vĩnh viễn như vậy có hay hơn ngày mai phải trở dậy phải đi đây đi đó, lao tâm khổ tứ không? Phải phiền não về vợ con, chồng con đủ các thứ. Ngủ một giấc không mộng寐 vĩnh viễn mới là vô thượng an ổn thoát khỏi mọi khổ ách,



đó mới là giải thoát tối hậu tuyệt đối. Chứ không phải niết bàn vô dư là sau khi nhập diệt, nhập vào một cõi niết bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Có phải cõi niết bàn đó là còn hiện hữu không? Phải hiện hữu thì mới biết là thường, lạc, ngã, tịnh chứ? Niết bàn là cái chúng sinh rất khó lãnh hội bởi vì con người bị tham ái hạnh phúc. Chỉ khi nào đầy đủ hạnh phúc tuyệt đối mới hết khổ. Cho rằng niết bàn là hạnh phúc tuyệt đối. Niết bàn không có gì cả, vắng cả khổ và vui, đó là đích đến. Bây giờ tu là hướng đến đích đến đó. Muốn đạt đến đích đến đó thì làm thế nào?

Ví dụ, Có một thằng bé bị bệnh ung thư, nó đau đớn. Mẹ nó tìm đủ cách chữa trị, duy trì sự sống nhưng nó chỉ muốn chết thôi. Giống như nó ngủ một giấc vĩnh viễn như vậy thì nó hài lòng. Khi con người hiện hữu, vui ít khổ nhiều, náo nhiễu, nguy hiểm càng nhiều hơn như thế này thì hiện hữu là do tham ái sự hiện hữu mà thôi. Đời sống con người khổ đã ghê gớm rồi nhưng vẫn không thể nào so sánh được với khổ của Hóa sinh. Cho dù Hóa sinh đó là chư thiên thì vẫn khổ do không làm chủ được, do tham ái, tư tưởng làm chủ sở hữu không được đáp ứng. Do vậy cảnh giới chư thiên vẫn là khổ thôi, vẫn có hài lòng thoải mái so với cảnh giới địa ngục và trung gian thì chư thiên vẫn còn hơn nhưng vẫn không thể thoát khỏi khổ. Vậy thì muốn chấm dứt khổ, đạt được mục đích vô thượng an ổn thoát khỏi mọi khổ ách thì phải chấm dứt Hữu ái. Khi đối diện với cái chết mới không còn hữu ái

kích hoạt lên. Hữu ái phải được xóa sạch trong bộ nhớ này. Bình thường hữu ái vẫn có trong bộ nhớ nhưng chưa được kích hoạt, khi nào tính mạng bị đe dọa, khi cơn bệnh khởi lên hoặc tình huống nguy hiểm thì lúc đó hữu ái mới kích hoạt lên. Lúc đó trạng thái tham sống sợ chết hiện hữu, đưa đến nỗi khổ đau còn ghê gớm hơn của dục ái, đưa đến nỗi khổ của hóa sinh.

Vậy làm sao để xóa bỏ hữu ái? Đa phần người học Phật làm những việc tu hành để hướng cho đời sau, tạo các phước báu để kiếp sau sinh ra tốt đẹp, làm người, gặp được chánh pháp hay để được làm chư Thiên thì người đó đang nuôi mầm của tái sinh, chính là tăng cường hữu ái. Nhận thức nguyên nhân của khổ là hữu ái thì đa phần là mờ nhạt. Người ta có thể nhận thức dục ái là nguyên nhân của khổ còn hữu ái thì gần như chưa ai nhận thức được. Cho nên Phật giáo vẫn ca ngợi sự sống, sự sống là vinh quang, sự sống là tốt đẹp, sự sống là màu nhiệm. Người ta ca ngợi sự sống, ca ngợi sự hiện hữu thì đó là biểu hiện của hữu ái. Tất cả loài người đều đề cao sự sống, tôn trọng sự sống. Đặc biệt trong Phật giáo thì càng đề cao, càng tôn trọng sự sống. Chính hữu ái mới đưa đến những cái đó. Trong Phật giáo đề cao không sát sinh để bảo vệ sự sống của muôn loài, đó là những lý giải vô minh của đời sau. Còn các bậc giác ngộ không bao giờ ca ngợi sự sống, không bao giờ xem sự sống là kỳ diệu, quý báu, là đáng tôn trọng. Bởi vì còn xem sự sống là quý báu, kỳ



diệu, quan trọng thì lúc đó là biểu hiện của hữu ái. Các vị giác ngộ đã giải thoát không còn xem trọng sự sống của mình, khi nào đối diện với cái chết thì bình thản và biết đó là giải thoát tối hậu. Cho nên đã giác ngộ không còn tìm cầu sự sống, tìm cầu sự hiện hữu. Đức Phật đã ghé thăm sự hiện hữu bằng lời nói là: “Hiện hữu cho dù ngắn như cái móng tay cũng hôi thối”. Như vậy, Đức Phật có tôn trọng sự hiện hữu, sự sống không? Đây là điều mà quý vị phải hiểu những bậc giác ngộ không bao giờ xem sự sống là quý giá. Các vị đó chấm dứt hữu ái rồi, sống thì sống thôi, chết lúc nào cũng được, rất thoải mái. Khi không còn coi trọng sự sống của mình thì vị đó cũng không coi trọng mọi sự sống khác. Người giác ngộ thấy người khác chết thì rất bình thản chứ không phải thương đau, thương tiếc. Thương đau, thương tiếc là biểu hiện của hữu ái. Thứ nhất, người đó biết đó là định luật tự nhiên, biết nó xảy ra đúng như vậy thì làm gì có luyến tiếc. Chỉ khi còn hữu ái, tham ái sự hiện hữu mới luyến tiếc nó, mới thương tiếc cho người bị chết. Quý vị phải hiểu được sự hiện hữu cho dù ở hình thức nào cũng đều là khổ cả. Chỉ khi nào chấm dứt sự hiện hữu mới là chấm dứt khổ.

Trong kinh có mô tả: “Nếu như có một ý nghĩ sinh y khởi lên như nghĩ mình tu thể này thì sau khi chết sẽ mơ được tái sinh làm người giàu sang như vậy, gặp được chánh pháp như vậy, khỏe mạnh như vậy hay được sinh

làm chư thiên... Nếu ý nghĩ tái sinh đó khởi lên mà người đó đoạn diệt nó một cách chậm chạp thì Đức Phật nói rằng: “Ta nói người này vẫn còn sinh y” tức là vẫn còn tái sinh. Nếu người đó có ý nghĩ sinh y như vậy mà người đó đoạn diệt nó một cách nhanh chóng ví như có một chảo được nung nóng, cháy đỏ lên và nếu nhỏ một giọt nước xuống đó thì nó xèo ngay, bốc hơi ngay. Đoạn diệt ý nghĩ sinh y cũng nhanh chóng như vậy nhưng Đức Phật nói người đó vẫn còn sinh y. Hồi xưa tôi đọc đoạn này tôi rất ngạc nhiên, nếu người đó đoạn diệt ý nghĩ sinh y một cách chậm chạp thì vẫn còn có thể chấp nhận được nhưng nếu ý nghĩ sinh y đoạn diệt một cách nhanh chóng thì tu như vậy là tốt rồi. Nhưng Đức Phật nói vẫn còn sinh y. Câu kết luận của bản kinh mới quan trọng: “Ai thấy sinh y là khổ, người đó trở thành vô sinh y”. Ý nghĩ sinh y là xuất phát từ hữu ái trong bộ nhớ. Ý nghĩ sinh y khởi lên chứng tỏ hữu ái vẫn còn được lưu giữ trong đó. Khi nó khởi lên người đó đoạn diệt nhanh hay chậm thì hữu ái vẫn còn. Lúc chết nó vẫn được kích hoạt lên và đưa đến sinh y. Đức Phật nói: “Ai thấy sinh y là khổ, người đó trở thành vô sinh y”. Tức là khi người đó biết hiện hữu là khổ, cuộc sống này vui ít, khổ nhiều, não nhiều mà nguy hiểm càng nhiều hơn và sau khi chết thì nỗi thống khổ của Hóa sinh như thế nào thì người đó “lông tóc dựng ngược”. Khi người đó “lông tóc dựng ngược”, người đó suy nghĩ là nếu chấm dứt sinh y, không còn tái sinh giống



như ngủ một giấc say không mộng mị. Người đó suy xét, tư duy và thấy được sự thật như vậy thì hữu ái trong kho chứa sẽ dần dần được xóa bỏ. Khi hữu ái được xóa bỏ trong kho chứa thì lúc đó còn ý nghĩ sinh y khởi lên không? Lúc đó ý nghĩ sinh y không khởi lên thì có cần đoạn diệt nhanh hay chậm không? Cho nên quý vị phải thấy rằng phải xóa bỏ được thông tin hữu ái trong bộ nhớ thì lúc đó nó mới chấm dứt được sinh y. Nếu một người hiểu biết đúng như thật về khổ, khổ của hiện tại, khổ của luân hồi sinh tử, khổ của sự hiện hữu thì người đó hướng đến làm thế nào để chấm dứt sự hiện hữu này. Nếu người đó hiểu được con đường đưa đến chấm dứt sự hiện hữu là Bát chánh đạo thì người đó bắt đầu xóa bỏ dần dần thông tin hữu ái trong bộ nhớ. Trong kiếp sống này có thể người đó chưa đạt đạo quả A La Hán nhưng có những người có thể xóa được hữu ái.

Nếu xóa được thông tin đó thì những người này, khi đối mặt với bệnh tật, tình huống nguy hiểm đến tính mạng thì người đó hoàn toàn bình thản, không còn sợ hãi, khủng khiếp. Một người học được cái này, hiểu và tư duy cái này ngay khi còn khỏe mạnh thì khi người đó đối diện với căn bệnh ung thư thì người đó có chữa nữa không? Có hai trường hợp ở Sài Gòn và Nghệ An đối diện với căn bệnh ung thư nhưng hoàn toàn bình thản, không còn chữa trị nó bởi vì những thông tin về hữu ái đã được xóa bỏ rất nhiều. Khi hiểu được như vậy, người đó tu tập ở mức độ

nào đó thì người đó sẽ đối diện với bệnh tật, chết chóc với tâm bình thản. Trong đời này phải xóa bỏ được hữu ái thì con người mới đối diện với mọi hoàn cảnh một cách bình thản, thoải mái. Người bình thường không phải nghĩ rằng mình xóa rồi là được bởi vì khi con người khỏe mạnh, chưa đối diện với cái chết thì không ai sợ chết cả và có vẻ thấy là mình không sợ chết nhưng khi đối diện với cái chết thực sự thì hữu ái mới được kích hoạt. Với những người tự sát, họ đâu có sợ chết nhưng khi đối mặt với cái chết, khi hấp hối thì hữu ái được kích hoạt và nổi tham sống sợ chết khởi lên. Cho nên có thể trong khi tu tập, nhiều người nghĩ rằng mình đoạn trừ được hữu ái, không sợ chết nữa nhưng phải kinh nghiệm khi mình đối mặt với những nguy hiểm hoặc căn bệnh, tình huống... đối mặt thật với cái chết thì lúc đó mới kiểm chứng được mình còn sợ chết hay không. Lúc đó mới hiểu rằng mình đã đoạn trừ được hữu ái chưa. Với một vị A La Hán thì dục ái, hữu ái, phi hữu ái đoạn tận hoàn toàn rồi cho nên đón nhận sự nhập diệt đó với tâm bình thản hoàn toàn, đón nhận giờ phút giải thoát tối hậu. Với người chưa đạt được đạo quả A La Hán, có thể dục ái chưa đoạn tận nhưng hữu ái có thể đoạn tận. Người đó đoạn tận rồi thì khi đối diện với cái chết người đó sẽ hành thiền, khi đó tâm không có tham sân si, không khởi lên hữu ái. Khi tế bào não chết thì lúc đó vừa quả A La Hán vừa nhập diệt luôn, chấm dứt tái sinh trong tiến trình chết luôn. Giả sử



có những vị tu tập tốt, hiểu sâu nhưng đầu sao vẫn còn một chút hữu ái chưa đoạn tận hoàn toàn, bình thường có thể không sợ nhưng khi đối diện với cái chết vẫn khởi lên hữu ái, vẫn luyến tiếc sự sống một chút. Lúc đó cho dù hành thiền, hữu ái vẫn khởi lên một chút thì theo định luật tự nhiên sẽ phát sinh thức tái sinh là Hóa sinh. Lộ trình tâm khi chết và lộ trình tâm của Hóa sinh là tương tự giống nhau, lộ trình tâm khi chết diễn tiến tiếp lộ trình tâm của Hóa sinh. Cho nên một người chết với hoảng loạn, sợ hãi, với các nghiệp tà kiến thì sau đó Hóa sinh cũng diễn tiến như vậy. Với Vô minh thì những Hóa sinh đó đâu biết đây là cảm giác pháp trần. Tâm thức của Hóa sinh phụ thuộc vào trạng thái tâm đã được lưu giữ trong bộ nhớ. Nếu chúng ta chăm lo hành thiền và tu tập Bát chánh đạo, tu tập Tứ niệm xứ ở trong cuộc sống hàng ngày, trong những phút giây thiền định thì những trạng thái tâm đó được lưu vào bộ nhớ. Khi trạng thái tâm đó được lưu vào bộ nhớ thì trong tiến trình chết những cái đó tái hiện ra rất nhiều. Quý vị sẽ chết trong bình an. Nếu giả sử còn hữu ái, phát sinh thức tái sinh thì nó cũng diễn tiến lại tiến trình tâm đã được tu tập, lưu giữ trong bộ nhớ này. Khi thành Hóa sinh thì có thể một lúc sau Hóa sinh đó sẽ nhớ được những điều đã học trước đây. Lúc đó, Hóa sinh biết rằng đây là cảm giác pháp trần và nó cứ diễn tiến. Những cảnh giới đó bao gồm những trạng thái tâm tốt đẹp, không có tham sân si, trạng thái bình an, thoải mái,

có hỷ lạc của nội tâm phát sinh. Hóa sinh đó có phải Chư Thiên không? Là chư thiên. Đến khi nghiệp trong bộ nhớ này vận hành cạn kiệt thì lúc đó không còn vào thai sinh, trứng sinh nữa mà chấm dứt tái sinh tại đó luôn, nhập diệt luôn. Đó gọi là Bất lai. Nếu chúng ta tận lực, hằng ngày chánh tư duy về nỗi khổ của hiện tại, nỗi khổ của kiếp sống con người, nỗi khổ của Hóa sinh, còn hiện hữu là còn tái sinh. Cho dù một vị A La Hán đoạn tận 99% khổ rồi nhưng vẫn còn dư sót. Cho nên chỉ khi đạt được chấm dứt tái sinh, ngủ một giấc vĩnh viễn như vậy mới gọi là vô thượng an ổn thoát khỏi mọi khổ ách. Lúc đó những suy nghĩ đó, tư tưởng đó sẽ dần dần xóa bỏ được hữu ái trong bộ nhớ. Nếu còn dư sót thì dấu sao chúng ta tư duy thuần thực như vậy thì cho dù có phát sinh thành Hóa sinh thì tại đó là nhập diệt luôn, không còn trở lui cuộc đời này nữa.

Những hành vi ca ngợi sự sống, yêu quý sự sống, không sát sinh mà phóng sinh bảo vệ sự sống, tất cả những cái đó là do hữu ái mà phát sinh. Làm những việc đó là đang nuôi mầm của tái sinh. Còn bám víu, còn luyện tiếc sự sống, sợ hãi cái chết là còn hữu ái. Mỗi lần chúng ta nghĩ đến sự sống còn thích thú nó, đắm say nó, muốn sau này cuộc sống tốt đẹp, muốn sau tái sinh được lên cảnh trời, gặp chánh pháp tu tiếp... thì lúc đó chúng ta đang nuôi mầm của tái sinh cho nó lớn lên từng ngày. Tái sinh đó ví như một cái cây thì chúng ta phải chặt nó xuống, đào từng gốc rễ nó lên, phải chẻ nhỏ nó ra, phơi khô nó



đi, đốt nó thành tro, rải tro đó xuống sông thì cây đó không có khả năng nào tái sinh được nữa. Cũng y như vậy, hữu ái cần phải nhìn nhận với mọi khía cạnh, chúng ta phải chặt nó xuống, đào mọi gốc rễ nó lên, chẻ nhỏ ra phơi thật khô, đốt nó thành tro và đem tro rải xuống nước thì lúc đó hữu ái mới không thể hiện hữu, mới được đoạn tận. Đương nhiên, để đoạn tận hữu ái cần có trí tuệ, khi chúng ta đoạn tận hữu ái cũng là đoạn tận Vô minh. Khi Vô minh, hữu ái được đoạn tận thì vòng luân hồi cũng chấm dứt. Cho nên đề tài đầu tiên của bài kệ này là *đoạn tận Vô minh và hữu ái*.

Chúng ta biết rằng, mục đích thực hành pháp này là đừng đặt vấn đề đạo quả Nhập lưu, Nhất lai, Bất lai, A La Hán. Chỉ có quả A La Hán – chánh trí trong hiện tại mới giải thoát tối hậu nhưng chúng ta cũng đừng nghĩ đến bởi vì tôi thấy đạo quả A La Hán có thể xảy ra trong đời này nhưng cũng rất hiếm hoi. Chúng ta tu tập không cần nghĩ đến, ai có duyên có trí thì nó đến lúc nào thì đến. Nhưng có hai mục đích chúng ta cần phải đạt được. Thứ nhất là giảm thiểu tối đa khổ trong đời này, điều này có thể làm được nếu chúng ta chánh niệm liên tục về Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Trong một ngày chúng ta chánh niệm được 30% thì 30% khổ não được chấm dứt, nếu chánh niệm được 50% thì 50% khổ não chấm dứt, nếu chánh niệm được 80% thì 80% khổ não được chấm dứt. Người tu tập hướng đến đạt được mục đích thứ nhất là giảm thiểu khổ

trong đời này đến mức tối đa. Đương nhiên chúng ta còn phải học tập, làm việc, kiếm tiền để nuôi sống bản thân và gia đình nhưng không phải chúng ta không làm được. Chúng ta làm những việc đó trong chánh niệm tỉnh giác với lộ trình tâm Bát chánh đạo, tức là luôn luôn xiết chặt răng, lưỡi và tích cực chú tâm ghi nhận các cảm giác nổi trội. Chúng ta chánh niệm Thân, Thọ, Tâm, Pháp tùy từng lúc, từng nơi không quên thân và có thể an trú chánh niệm tỉnh giác, an trú chánh kiến thì chúng ta không còn khổ, chấm dứt được khổ.

Mục đích thứ hai cần phải đạt được là chấm dứt tái sinh trong tiến trình chết. Nếu còn dư sót thì khi phát sinh Hóa sinh thì chấm dứt tái sinh. Mục đích thứ hai này cần phải nhận thức rõ ràng, cần phấn đấu nỗ lực. Rất nhiều người đã tham dự các khóa tu và trong thâm tâm những người đó khẳng định, xác quyết là đây là kiếp sống cuối cùng, khi mình chết giống như nằm ngủ một giấc vĩnh viễn, không hiện hữu ở bất kỳ nơi đâu với bất kỳ hình thức nào. Hai mục tiêu này chúng ta phải nhận thức rõ ràng, phấn đấu, kiểm tra từng ngày và xem mình đã đi đến đâu trên con đường đó. Để thành A La Hán, phải đoạn tận Vô minh và hữu ái. Nhiều người tu để sống mãi, để trường sinh bất tử. Kể cả một số người trong Phật giáo tu để đời sau tốt đẹp, sống mãi. Trong Phật giáo Nam Tông có 4 pháp là sống lâu, sắc đẹp, sức mạnh, an vui. Đầu tiên là sống lâu, xu hướng tu để sống lâu, bất tử thẩm



sâu vào con người. Nhưng thực sự chúng ta học đây là tu để chết thật chứ không phải qua đời. Tu là để chết, đời sống này là đời sống sau cùng, sau đời này không còn đời nào khác nữa. Đó là câu kệ thứ nhất.

2. Câu thứ hai: “Giết hai vua sát lợi”. Chúng ta thấy trong tâm biết ý thức tà kiến có hai quan điểm: thường kiến và đoạn kiến. Thường kiến cho rằng các sự vật và hiện tượng luôn luôn có, thường hằng thường trú – đây chính là quan điểm Duy vật. Từ quan điểm Duy Vật, cho rằng thân thể này là một con người, khi chết thì tan hoại và biến đổi thành cái khác, nó là vật chất. Vật chất không sinh ra cũng không mất đi mà chỉ biến đổi từ dạng này sang dạng khác. Nên chúng ta vốn bất sinh bất diệt. Đó là quan điểm Duy vật, là thường kiến. Còn quan điểm thứ hai là đoạn kiến cho rằng thực tại các pháp là vật chất nhưng nó không có thật, nó là do tâm hóa hiện ra, do thượng đế hóa hiện ra thôi. Thượng đế muốn nó tồn tại thì nó tồn tại, muốn nó biến mất thì nó biến mất. Quan điểm các pháp là giả có, không có thật, do tâm tạo ra là đoạn kiến. Tâm thức con người luôn bị chi phối bởi hai quan điểm thường kiến, đoạn kiến này. Thường kiến là duy vật, đoạn kiến là duy tâm. Cho dù một con người có duy vật bao nhiêu thì cũng có duy tâm trong đó. Một con người có duy tâm bao nhiêu thì vẫn có duy vật trong đó. Cho nên trong tâm thức của nhân loại luôn bị thống trị bởi hai quan điểm thường kiến và đoạn kiến. Nó giống

như trong thế gian này có hai ông vua cai trị một đất nước. Ví như thời nhà Trần có hai vua là ông vua cha và vua con. Ở Ấn Độ cũng có hai vua như vậy. Nó là ẩn dụ của tâm thức con người cũng có hai vua cai trị đó là thường kiến và đoạn kiến. Chỉ khi nào tâm thức không còn bị chi phối bởi thường kiến và đoạn kiến, biết nó là tà kiến và chấm dứt nó thì lúc đó mới giác ngộ được. Cho nên giết hai vua sát lợi là như vậy.

3. Câu thứ ba: “Giết vương quốc quần thần”. Tâm thức của con người sống bởi năm thủ uẩn, tất cả các pháp Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức vốn nó vô thường, vô ngã nhưng phàm phu cho rằng Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là của ta, là ta đó gọi là năm thủ uẩn. Như vậy, đó gọi là toàn bộ dân chúng vương quốc quần thần. Để đạt thành A La Hán phải đoạn trừ năm thủ uẩn tức là giết toàn bộ vương quốc quần thần. Ý nói giết vương quốc quần thần là đoạn tận năm thủ uẩn.

Tóm lại: Bài kệ nói là để trở thành A La Hán thì một là đoạn tận Vô minh và hữu ái (gọi là giết cha mẹ). Hai là đoạn tận thường kiến và đoạn kiến (gọi là giết hai vua). Ba là đoạn tận năm thủ uẩn (gọi là giết vương quốc quần thần). Ý nghĩa của bài kệ theo nghĩa bóng là như vậy. Đặc biệt trong đó đoạn tận Vô minh và hữu ái là chúng ta cần ghi nhớ để thực hành hàng ngày xóa dần, xóa dần hữu ái trong bộ nhớ.



MỤC LỤC

LUÂN HỒI TÁI SINH	3
THỨC TÁI SINH LÀ HÓA SINH	18
TƯƠNG TÁC GIỮA HÓA SINH VÀ CON NGƯỜI	27
TÂU HOẢ NHẬP MA.....	37
SỰ THẬT THỰC TẠI LÀ GÌ VÀ KHỦNG HOẢNG CỦA VẬT LÝ HỌC HIỆN ĐẠI.....	51
KIỆP SAU VÀ KHÔNG CÓ KIỆP SAU	93
ĐỨC PHẬT PHỦ NHẬN BẢN NGÃ - LINH HỒN	96
ĐOẠN TRỪ VÔ MINH VÀ HỮU ÁI.....	115

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

Điện thoại : 024.3926.0024 Fax : 024.3926.0031

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc

BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập

LÝ BÁ TOÀN

Biên tập: NGUYỄN PHƯƠNG MAI

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

LUÂN HỒI TÁI SINH
CHẤM DỨT LUÂN HỒI TÁI SINH

Mã số:

In bản (QĐ in số.....), khổ 13 x 20,5cm

In tại:

Địa chỉ:

Số ĐKXB:

Số QĐXB: ngày tháng năm 2020

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2020

Mã số ISBN: 978-604-0-.....

